

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 768/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*
- Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*
- Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;*
- Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*
- Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa XV;*
- Căn cứ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*
- Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*
- Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*
- Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;*

Căn cứ Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;

Căn cứ Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại Tờ trình số 1414/TTr-BCT ngày 26 tháng 02 năm 2025, Tờ trình số 1823/TTr-BCT ngày 15 tháng 3 năm 2025, Văn bản số 1892/BCT-ĐL ngày 19 tháng 3 năm 2025, Văn bản số 2208/BCT-ĐL ngày 30 tháng 3 năm 2025; Văn bản số 2406/BCT-ĐL ngày 05 tháng 4 năm 2025; Văn bản số 2588/BCT-ĐL ngày 13 tháng 4 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 70/BC-HĐTD ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII) với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Quy hoạch phát triển nguồn điện và lưới điện truyền tải ở cấp điện áp từ 220 kV trở lên, công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo, năng lượng mới trên lãnh thổ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm cả các công trình liên kết lưới điện với các quốc gia láng giềng.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Điện là ngành hạ tầng quan trọng, phát triển điện lực phải đi trước một bước tạo nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, nâng cao đời sống Nhân dân và bảo đảm quốc phòng,

an ninh. Quy hoạch phát triển điện phải có tầm nhìn dài hạn, hiệu quả, bền vững và đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết.

b) Phát triển điện lực theo nguyên tắc tối ưu tổng thể các yếu tố về nguồn điện, truyền tải điện, phân phối điện, sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, có lộ trình phù hợp đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường và chuyển đổi mô hình kinh tế, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia với chi phí thấp nhất.

c) Quy hoạch phát triển điện phải dựa trên cơ sở khoa học, có tính kế thừa, mang tính động và mở. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước, kết hợp với xuất, nhập khẩu hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. Coi phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới là cơ hội để phát triển tổng thể hệ sinh thái công nghiệp năng lượng.

d) Nhà nước tập trung đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế để phát triển nhanh ngành điện trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh và thực hiện cơ chế thị trường về giá bán điện, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia đầu tư, sử dụng điện và đáp ứng yêu cầu phát triển của các vùng, miền.

đ) Phát triển điện phải bám sát xu thế phát triển của khoa học - công nghệ trên thế giới, nhất là về năng lượng tái tạo, năng lượng mới, gắn với quá trình chuyển đổi nền kinh tế đất nước theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp. Chuyển dịch năng lượng phải phù hợp với xu hướng quốc tế và đảm bảo bền vững, công bằng, công lý.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

- Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thực hiện thành công chuyển đổi năng lượng công bằng gắn với hiện đại hóa sản xuất, xây dựng lưới điện thông minh, quản trị hệ thống điện tiên tiến, phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh, giảm phát thải, phát triển khoa học công nghệ của thế giới.

- Hình thành hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tổng thể dựa trên năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia:

+ Cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 10,0%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030, khoảng 7,5%/năm trong giai đoạn 2031 - 2050:

. Điện thương phẩm: Năm 2030 đạt khoảng 500,4 - 557,8 tỷ kWh; định hướng năm 2050 đạt khoảng 1.237,7 - 1.375,1 tỷ kWh.

. Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2030 đạt khoảng 560,4 - 624,6 tỷ kWh; định hướng năm 2050 khoảng 1.360,1 - 1.511,1 tỷ kWh.

. Công suất cực đại: Năm 2030 khoảng 89.655 - 99.934 MW; năm 2050 đạt khoảng 205.732 - 228.570 MW.

+ Bảo đảm cung cấp điện an toàn, tin cậy, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng, nguồn điện hạt nhân. Đến năm 2030, độ tin cậy cung cấp điện năng thuộc топ 4 nước dẫn đầu ASEAN, chỉ số tiếp cận điện năng thuộc топ 3 nước dẫn đầu ASEAN.

+ Phân đầu đến năm 2030 có 50% các tòa nhà công sở và 50% nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu (phục vụ tiêu thụ tại chỗ, không bán điện vào hệ thống điện quốc gia).

- Về chuyển đổi năng lượng công bằng:

+ Phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo (không bao gồm thủy điện) phục vụ sản xuất điện, đạt tỷ lệ khoảng 28 - 36% vào năm 2030. Định hướng đến năm 2050 tỷ lệ năng lượng tái tạo lên đến 74 - 75%.

+ Kiểm soát mức phát thải khí nhà kính từ sản xuất điện đạt khoảng 197 - 199 triệu tấn năm 2030 và còn khoảng 27 triệu tấn vào năm 2050. Hướng tới đạt mức phát thải đỉnh không quá 170 triệu tấn vào năm 2030 với điều kiện các cam kết theo JETP được các đối tác quốc tế thực hiện đầy đủ, thực chất.

+ Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, đủ khả năng tích hợp, vận hành an toàn hiệu quả nguồn năng lượng tái tạo quy mô lớn.

- Về phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ năng lượng tái tạo:

+ Dự kiến đến 2030, hình thành 02 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng bao gồm sản xuất, truyền tải và tiêu thụ điện; công nghiệp chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo, xây dựng, lắp đặt, dịch vụ liên quan, xây dựng hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tái tạo tại các khu vực có nhiều tiềm năng như Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ khi có các điều kiện thuận lợi.

+ Phát triển các nguồn điện từ năng lượng tái tạo và sản xuất năng lượng mới phục vụ xuất khẩu sang Singapore, Malaysia và các đối tác khác trong khu vực. Phân đầu đến năm 2035, quy mô công suất xuất khẩu điện đạt khoảng 5.000 - 10.000 MW, có thể cao hơn tùy theo nhu cầu của bên nhập khẩu trên cơ sở có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an ninh năng lượng trong nước và an ninh quốc phòng.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA

1. Phương án phát triển nguồn điện

a) Định hướng phát triển

- Phát triển đồng bộ, đa dạng hóa các loại hình nguồn điện với cơ cấu hợp lý để bảo đảm an ninh năng lượng, nâng cao tính tự chủ của ngành điện, giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió trên bờ, gần bờ và ngoài khơi, mặt trời, sinh khối, ...), năng lượng mới, năng lượng xanh (hydrogen, amoniac xanh, ...) phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý, đặc biệt là các nguồn điện tự sản xuất, tự tiêu thụ, điện mặt trời mái nhà.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng hóa thạch trong nước kết hợp với nhập khẩu: giảm dần tỷ trọng nhiệt điện than, ưu tiên phát triển điện khí trong nước, phát triển các nguồn điện khí LNG nhập khẩu với quy mô phù hợp. Thực hiện chuyển dịch năng lượng bám sát xu thế phát triển công nghệ và giá thành trên thế giới.

- Phát triển nguồn điện cân đối theo vùng, miền, hướng tới cân bằng cung - cầu nội vùng. Bố trí hợp lý các nguồn điện ở các địa phương trong vùng nhằm khai thác hiệu quả các nguồn điện, bảo đảm tin cậy cung cấp điện tại chỗ, giảm tổn thất kỹ thuật, giảm truyền tải điện đi xa.

- Phát triển nguồn điện mới với công nghệ hiện đại đi đôi với đổi mới công nghệ các nhà máy đang vận hành. Chấm dứt hoạt động với các nhà máy không đáp ứng tiêu chuẩn môi trường.

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư phát triển nguồn điện nhằm tăng cường cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế.

b) Phương án phát triển

(i) Phát triển tối đa nguồn điện từ năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối v.v...), tiếp tục gia tăng tỷ trọng của năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện và điện năng sản xuất:

- Đẩy mạnh phát triển điện gió trên bờ, gần bờ và ngoài khơi, điện mặt trời, đặc biệt là điện mặt trời mặt nước phù hợp với khả năng hấp thụ của hệ thống, khả năng giải tỏa công suất của lưới điện, giá thành điện năng và chi phí truyền tải hợp lý gắn với bảo đảm an toàn vận hành và tính kinh tế chung của hệ thống điện, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng lưới điện hiện có. Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời (trong đó có điện mặt trời trên mái nhà dân, trung tâm thương mại, mái các công trình xây dựng, mái nhà xưởng, khu công nghiệp, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh) tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối hoặc không bán điện vào lưới điện quốc gia. Phát triển điện mặt trời tập trung phải kết hợp với lắp đặt pin lưu trữ với tỷ lệ tối thiểu 10% công suất và tích trong 2 giờ.

+ Đến năm 2030, tổng công suất điện gió trên bờ và gần bờ đạt 26.066 - 38.029 MW (tổng tiềm năng kỹ thuật ở Việt Nam khoảng 221.000 MW). Ưu tiên bố trí các nguồn điện gió quy hoạch mới tại các địa phương có tiềm năng gió tốt, điều kiện kinh tế khó khăn. Việc bố trí không gian dự án trên bờ, gần bờ được xác định trong quy hoạch tỉnh.

+ Phát huy tối đa tiềm năng kỹ thuật điện gió ngoài khơi của nước ta (khoảng 600.000 MW) để sản xuất điện và năng lượng mới:

Tổng công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước đạt khoảng 6.000 - 17.032 MW, dự kiến vận hành giai đoạn 2030 - 2035. Định hướng đến năm 2050 đạt 113.503 - 139.097 MW.

Định hướng phát triển mạnh điện gió ngoài khơi kết hợp với các loại hình năng lượng tái tạo khác (điện mặt trời, điện gió trên bờ, gần bờ v.v...) để sản xuất năng lượng mới (hydrogen, amoniac xanh v.v...) phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Ước tính công suất nguồn điện gió ngoài khơi để sản xuất năng lượng mới vào khoảng 15.000 MW vào năm 2035 và khoảng 240.000 MW vào năm 2050.

- Tiềm năng điện mặt trời của Việt Nam khoảng 963.000 MW (mặt đất - 837.400 MW, mặt nước - 77.400 MW và mái nhà - 48.200 MW). Đến năm 2030, tổng công suất các nguồn điện mặt trời (gồm điện mặt trời tập trung và điện mặt trời mái nhà, không tính đến các nguồn điện mặt trời theo khoản 5 Điều 10 Luật Điện lực số 61/2024/QH15) đạt 46.459 - 73.416 MW; định hướng đến năm 2050, tổng công suất 293.088 - 295.646 MW.

- Ưu tiên, khuyến khích phát triển các loại hình điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn nhằm tận dụng phụ phẩm nông lâm nghiệp, chế biến gỗ, thúc đẩy trồng rừng, xử lý môi trường ở Việt Nam. Năm 2030, tổng công suất nguồn điện sinh khối khoảng 1.523 - 2.699 MW; điện sản xuất từ rác, chất thải rắn khoảng 1.441 - 2.137 MW; điện địa nhiệt và năng lượng mới khác khoảng 45 MW. Định hướng đến năm 2050, điện sinh khối khoảng 4.829 - 6.960 MW; điện sản xuất từ rác, chất thải rắn khoảng 1.784 - 2.137 MW; điện địa nhiệt và năng lượng mới khác khoảng 464 MW.

(ii) Khai thác tối đa tiềm năng kinh tế - kỹ thuật các nguồn thủy điện (tổng tiềm năng tối đa ở Việt Nam khoảng 40.000 MW) trên cơ sở bảo đảm môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ an ninh nguồn nước. Mở rộng có chọn lọc các nhà máy thủy điện hiện có để dự phòng công suất; khai thác thủy điện trên các hồ thủy lợi, hồ chứa nước để tận dụng nguồn thủy năng. Tới năm 2030, tổng công suất các nguồn thủy điện, bao gồm cả thủy điện nhỏ đạt 33.294 - 34.667 MW, định hướng năm 2050, tổng công suất đạt 40.624 MW.

(iii) Nguồn điện lưu trữ

- Phát triển các nhà máy thủy điện tích năng với quy mô công suất khoảng 2.400 - 6.000 MW đến năm 2030; định hướng đến năm 2050, công suất thủy điện tích năng đạt 20.691 - 21.327 MW để điều hòa phụ tải, dự phòng công suất và hỗ trợ tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo với quy mô lớn.

- Pin lưu trữ phát triển phục vụ nhu cầu hệ thống và kết hợp với năng lượng tái tạo, bố trí phân tán gần các trung tâm nguồn điện gió, điện mặt trời hoặc trên hệ thống điện tại các trung tâm phụ tải. Đến năm 2030 dự kiến đạt công suất khoảng 10.000 - 16.300 MW; định hướng đến năm 2050, công suất pin lưu trữ đạt 95.983 - 96.120 MW để phù hợp với tỷ trọng cao của năng lượng tái tạo.

(iv) Ưu tiên, khuyến khích phát triển các nhà máy điện đồng phát, nhà máy điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, các sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp.

(v) Phát triển nguồn điện hạt nhân theo đúng định hướng đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024, Nghị quyết số 189/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 về cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ. Giai đoạn 2030 - 2035 sẽ đưa vào vận hành các Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1&2 với quy mô đạt 4.000 - 6.400 MW. Giai đoạn đến năm 2050 hệ thống cần bổ sung khoảng 8.000 MW nguồn điện hạt nhân để cung cấp nguồn điện nền và có thể tăng lên theo nhu cầu.

(vi) Nhiệt điện than: Chỉ thực hiện tiếp các dự án đã có trong quy hoạch và đang đầu tư xây dựng đến năm 2030. Định hướng thực hiện chuyển đổi nhiên liệu sang sinh khối/amoniac với các nhà máy đã vận hành được 20 năm khi giá thành phù hợp. Dừng hoạt động các nhà máy có tuổi thọ trên 40 năm nếu không thể chuyển đổi nhiên liệu.

Năm 2030, tổng công suất các nhà máy đang vận hành và các dự án đang triển khai xây dựng, khả năng sẽ hoàn thành và đưa vào vận hành khoảng 31.055 MW; khẩn trương hoàn thành 5 dự án/4.360 MW đang xây dựng, gồm: Na Dương II, An Khánh - Bắc Giang, Vũng Áng 2, Quảng Trạch I, Long Phú 1.

+ Đối với 3 dự án/5.300 MW (Nam Định 1, Sông Hậu 2, Vĩnh Tân 3) nhưng đang gặp khó khăn trong thu xếp vốn, thay đổi cơ cấu chủ đầu tư, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục trao đổi, đàm phán với các nhà đầu tư, đề xuất phương án xử lý theo quy định.

Định hướng năm 2050, không còn sử dụng than để phát điện, chuyển hoàn toàn sang sử dụng sinh khối/amoniac, tổng công suất 25.798 MW.

(vii) Nhiệt điện khí: Ưu tiên sử dụng tối đa khí trong nước cho phát điện. Trong trường hợp sản lượng khí trong nước suy giảm thì nhập khẩu bổ sung bằng khí thiên nhiên hoặc LNG. Phát triển các dự án sử dụng LNG và hạ tầng nhập khẩu LNG đồng bộ với quy mô phù hợp, sử dụng công nghệ hiện đại. Thực hiện lộ trình chuyển đổi nhiên liệu sang hydrogen khi công nghệ được thương mại hóa và giá thành phù hợp.

+ Nhiệt điện khí trong nước: Tập trung đẩy nhanh các dự án khai thác khí Lô B, Cá Voi Xanh và 6.900 MW các dự án hạ nguồn bám sát tiến độ các dự án thượng nguồn: Nhiệt điện Ô Môn II, III, IV (3.150 MW), Miền Trung I, II và Dung Quất I, II, III (3.750 MW); chuyển Ô Môn I (660 MW) sang sử dụng khí Lô B. Thực hiện nhà máy tua bin khí hỗn hợp (TBKHH) Quảng Trị (340 MW) sử dụng khí mỏ Báo Vàng.

Khu vực Đông Nam Bộ: Thực hiện các giải pháp, chú trọng xây dựng hạ tầng, nghiên cứu kết nối trong nước và khu vực phục vụ nhập khẩu khí thiên nhiên và LNG để đảm bảo nguồn khí cho các nhà máy điện Phú Mỹ, Bà Rịa, Nhơn Trạch.

Khu vực Tây Nam Bộ: Thực hiện các giải pháp, đầu tư xây dựng hạ tầng, nghiên cứu kết nối trong nước và khu vực phục vụ nhập khẩu khí thiên nhiên và LNG để đảm bảo nguồn khí cho các nhà máy điện tại Cà Mau.

Năm 2030, tổng công suất các nhà máy sử dụng khí trong nước đạt 10.861-14.930 MW; định hướng năm 2050, khoảng 7.900 MW tiếp tục sử dụng khí trong nước hoặc chuyển sang sử dụng LNG, 7.030 MW dự kiến chuyển sang sử dụng hydrogen hoàn toàn.

+ Nhiệt điện LNG: Phát triển phù hợp các nguồn điện sử dụng LNG nếu có phương án thay thế để giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu. Đến năm 2030, tổng công suất các nguồn điện LNG đạt 22.524 MW; giai đoạn 2031 - 2035 sẽ đưa vào vận hành dự án điện khí LNG Long Sơn, Long An II đã được phê duyệt hoặc có thể đẩy sớm tiến độ nếu điều kiện thuận lợi, đưa một số dự án vào danh mục dự phòng các dự án khác chậm tiến độ triển khai hoặc phụ tải tăng cao để đón làn sóng đầu tư vào Việt Nam. Định hướng năm 2050, các nhà máy sử dụng LNG đốt kèm hydrogen 18.200 - 26.123 MW; nhiệt điện khí LNG chuyển chạy hoàn toàn bằng hydrogen 8.576 - 11.325; nhiệt điện khí LNG CCS (xây mới, lắp đặt thiết bị thu giữ và lưu trữ các-bon), tổng công suất 1.887 - 2.269 MW.

Tiếp tục thực hiện các dự án kho, cảng nhập khẩu LNG tại Thị Vải (cung cấp khí cho Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 và bổ sung khí cho các nhà máy khu vực Đông Nam Bộ), Sơn Mỹ (cung cấp khí cho Sơn Mỹ I, II). Phát triển hệ thống kho, cảng nhập khẩu LNG đồng bộ với các nhà máy điện trong quy hoạch.

(viii) Nguồn điện linh hoạt: Đầu tư phát triển các nguồn điện linh hoạt để điều hòa phụ tải, duy trì ổn định hệ thống điện để hấp thụ nguồn điện năng lượng tái tạo quy mô lớn. Năm 2030, dự kiến phát triển 2.000 - 3.000 MW. Định hướng năm 2050 lên đến 21.333 - 38.641 MW.

(ix) Xuất nhập khẩu điện: Thực hiện kết nối, trao đổi điện năng có hiệu quả với các nước trong khu vực, bảo đảm lợi ích của các bên, tăng cường an toàn hệ thống điện; đẩy mạnh nhập khẩu điện từ các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) có tiềm năng về thủy điện. Quan tâm đầu tư, khai thác các nguồn điện tại nước ngoài để cung ứng điện về Việt Nam. Năm 2030, nhập khẩu khoảng 9.360 - 12.100 MW từ Lào theo Hiệp định giữa hai Chính phủ và tận dụng khả năng nhập khẩu phù hợp với điều kiện đầu nối từ Trung Quốc với quy mô hợp lý; định hướng năm 2050, nhập khẩu khoảng 14.688 MW. Nếu điều kiện thuận lợi, giá thành hợp lý, có thể tăng thêm quy mô tối đa hoặc đẩy sớm thời gian nhập khẩu điện từ Lào về khu vực miền Bắc.

Ưu tiên phát triển các nguồn điện từ năng lượng tái tạo phục vụ xuất khẩu. Đến năm 2030, tăng quy mô xuất khẩu điện sang Campuchia lên khoảng 400 MW. Dự kiến đến năm 2035, quy mô công suất xuất khẩu điện sang Singapore, Malaysia và các đối tác khác trong khu vực đạt khoảng 5.000 - 10.000 MW và duy trì với quy mô 10.000 MW đến năm 2050, có thể cao hơn tùy theo nhu cầu của bên nhập khẩu trên cơ sở có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an ninh năng lượng trong nước và an ninh quốc phòng.

Trong quá trình điều hành Quy hoạch phát triển điện lực, Bộ Công Thương sẽ thường xuyên rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình phát triển các loại hình nguồn điện để kịp thời kiến nghị điều chỉnh quy hoạch và chương trình phát triển điện lực cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

c) Cơ cấu nguồn điện

(i) Đến năm 2030:

Tổng công suất các nhà máy điện phục vụ nhu cầu trong nước (không bao gồm xuất khẩu) là 183.291 - 236.363 MW, trong đó:

Điện gió trên bờ và gần bờ 26.066 - 38.029 MW (chiếm tỷ lệ 14,2 - 16,1%);

Điện gió ngoài khơi 6.000 - 17.032 MW đưa vào vận hành giai đoạn 2030 - 2035, có thể đẩy sớm tiến độ nếu điều kiện thuận lợi và giá thành phù hợp;

Điện mặt trời (gồm điện mặt trời tập trung và điện mặt trời mái nhà, không bao gồm các nguồn điện mặt trời theo khoản 5 Điều 10 Luật Điện lực số 61/2024/QH15) 46.459 - 73.416 MW (chiếm tỷ lệ 25,3 - 31,1%);

Điện sinh khối 1.523 - 2.699 MW, điện sản xuất từ rác 1.441 - 2.137 MW, điện địa nhiệt và năng lượng mới khác khoảng 45 MW; có thể phát triển quy mô lớn hơn nếu đủ nguồn nguyên liệu, hiệu quả sử dụng đất cao, có nhu cầu xử lý môi trường, hạ tầng lưới điện cho phép, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý;

Thủy điện 33.294 - 34.667 MW (chiếm tỷ lệ 14,7 - 18,2%), có thể phát triển cao hơn nếu bảo đảm môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ an ninh nguồn nước;

Điện hạt nhân 4.000 - 6.400 MW đưa vào vận hành giai đoạn 2030 - 2035, có thể đẩy sớm tiến độ nếu điều kiện thuận lợi;

Nguồn lưu trữ 10.000 - 16.300 MW (chiếm tỷ lệ 5,5 - 6,9 %);

Nhiệt điện than 31.055 MW (chiếm tỷ lệ 13,1 - 16,9%);

Nhiệt điện khí trong nước 10.861 - 14.930 MW (chiếm tỷ lệ 5,9 - 6,3%);

Nhiệt điện LNG 22.524 MW (chiếm tỷ lệ 9,5 - 12,3%);

Nguồn điện linh hoạt (nhiệt điện sử dụng nhiên liệu LNG, dầu, hydrogen... có độ linh hoạt vận hành cao) 2.000 - 3.000 MW (chiếm tỷ lệ 1,1 - 1,3%);

Thủy điện tích năng 2.400 - 6.000 MW;

Nhập khẩu điện 9.360 - 12.100 MW từ Lào, Trung Quốc (chiếm tỷ lệ 4,0 - 5,1%, tăng tối đa quy mô nhập khẩu điện từ Lào theo Hiệp định giữa hai Chính phủ hoặc đẩy sớm thời gian nhập khẩu điện từ Lào về khu vực miền Bắc nếu điều kiện thuận lợi).

Với các nguồn điện than đang gặp khó khăn trong việc triển khai, vay vốn và thay đổi cổ đông sẽ cập nhật quá trình xử lý để điều chỉnh cơ cấu các nguồn điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối cho phù hợp với nhu cầu.

Về việc tham gia mua bán điện trực tiếp (DPPA) và sản xuất năng lượng mới: Theo thống kê, hiện nay số lượng khách hàng lớn tiêu thụ từ 1 triệu kWh/năm trở lên chiếm khoảng 25% tổng sản lượng điện toàn hệ thống (với khoảng trên 1.500 khách hàng).

Đến năm 2030, quy mô xuất khẩu điện sang Campuchia lên khoảng 400 MW. Dự kiến đến năm 2035, công suất xuất khẩu điện sang Singapore, Malaysia và các đối tác khác trong khu vực khoảng 5.000 - 10.000 MW, có thể cao hơn tùy theo nhu cầu của bên nhập khẩu trên cơ sở có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an ninh năng lượng trong nước và an ninh quốc phòng.

(ii) Định hướng năm 2050:

Tổng công suất các nhà máy điện phục vụ nhu cầu trong nước (không bao gồm xuất khẩu) là 774.503 - 838.681 MW, trong đó:

Điện gió trên bờ và gần bờ 84.696 - 91.400 MW (chiếm tỷ lệ 10,9%);

Điện gió ngoài khơi 113.503 - 139.097 MW (chiếm tỷ lệ 14,7 - 16,6%);

Điện mặt trời (gồm điện mặt trời tập trung và điện mặt trời mái nhà) 293.088 - 295.646 MW (35,3 - 37,8%);

Điện sinh khối 4.829 - 6.960 MW, điện sản xuất từ rác 1.784 - 2.137 MW, điện địa nhiệt và năng lượng mới khác khoảng 464 MW;

Điện hạt nhân 10.500 - 14.000 MW (chiếm tỷ lệ 1,4 - 1,7%);

Thủy điện 40.624 MW (chiếm tỷ lệ 4,8 - 5,2%);

Nguồn điện lưu trữ 95.983 - 96.120 MW (chiếm tỷ lệ 11,5 - 12,4%);

Nhiệt điện than 0 MW (0%), không còn sử dụng than để phát điện;

Nhiệt điện sử dụng sinh khối/amoniac 25.798 MW (chiếm tỷ lệ 3,1 - 3,3%);

Nhiệt điện khí trong nước và chuyển sử dụng LNG 7.900 MW (chiếm tỷ lệ 0,9 - 1,0%);

Nhiệt điện khí trong nước chuyển chạy hoàn toàn bằng hydrogen 7.030 MW (chiếm tỷ lệ 0,8 - 0,9%);

Nhiệt điện khí LNG CCS (xây mới, lắp đặt thiết bị thu giữ và lưu trữ cacbon) 1.887 - 2.269 MW (chiếm tỷ lệ 0,2 - 0,3%);

Nhiệt điện LNG đốt kèm hydrogen 18.200 - 26.123 MW (chiếm tỷ lệ 2,3 - 3,1%);

Nhiệt điện LNG chuyển chạy hoàn toàn bằng hydrogen 8.576 - 11.325 MW (chiếm tỷ lệ 1,1 - 1,4%);

Nguồn điện linh hoạt 21.333 - 38.641 MW (chiếm tỷ lệ 2,8 - 4,6%);

Thủy điện tích năng 20.691 - 21.327 MW;

Nhập khẩu điện 14.688 MW từ Lào, Trung Quốc (chiếm tỷ lệ 1,8 - 1,9%), có thể tăng thêm quy mô tối đa hoặc đẩy sớm thời gian nhập khẩu điện từ Lào về khu vực miền Bắc nếu điều kiện thuận lợi, giá thành hợp lý.

Về việc tham gia DPPA và sản xuất năng lượng mới chiếm khoảng 30 - 60% tổng sản lượng điện sản xuất từ năng lượng tái tạo hoặc cao hơn tùy điều kiện phát triển của thị trường.

Duy trì xuất khẩu điện sang Singapore, Malaysia và các đối tác khác trong khu vực với quy mô khoảng 10.000 MW, có thể cao hơn tùy theo nhu cầu của bên nhập khẩu trên cơ sở có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an ninh năng lượng trong nước và an ninh quốc phòng.

2. Phương án phát triển lưới điện

a) Định hướng phát triển

- Phát triển hệ thống truyền tải điện đồng bộ với tiến độ các nguồn điện, nhu cầu phát triển phụ tải của các địa phương, sử dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế, sẵn sàng kết nối khu vực. Phát triển lưới điện thông minh (Smart Grid) để tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo ở quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định và kinh tế.

- Phát triển lưới điện truyền tải 500 kV và 220 kV bảo đảm khả năng giải tỏa công suất các nhà máy điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng và nguồn điện hạt nhân. Phát triển lưới điện truyền tải điện có dự phòng lâu dài, tăng cường sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung để giảm diện tích chiếm đất. Khuyến khích xây dựng các trạm biến áp truyền tải kết hợp cung cấp điện cho phụ tải lân cận.

- Lưới điện truyền tải 500 kV giữ vai trò xương sống trong liên kết các hệ thống điện miền và trao đổi điện năng với các nước trong khu vực. Giới hạn truyền tải liên miền ở mức hợp lý, giảm truyền tải điện đi xa, hạn chế tối đa xây dựng mới các đường dây truyền tải liên miền trước năm 2030.

- Xây dựng lưới điện 220 kV bảo đảm độ tin cậy, các trạm biến áp trong khu vực có mật độ phụ tải cao thiết kế theo sơ đồ đảm bảo vận hành linh hoạt. Xây dựng các trạm biến áp 220 kV đủ điều kiện vận hành không người trực. Đẩy mạnh xây dựng các trạm biến áp GIS, trạm biến áp 220/22 kV, trạm ngầm tại các trung tâm phụ tải.

- Nghiên cứu ứng dụng hệ thống Back-to-Back, thiết bị truyền tải điện linh hoạt để nâng cao khả năng truyền tải, giảm thiểu diện tích chiếm đất. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ truyền tải điện xoay chiều và một chiều điện áp trên 500 kV.

- Định hướng sau 2030 sẽ phát triển các đường dây truyền tải siêu cao áp một chiều kết nối khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Bắc Bộ để khai thác mạnh tiềm năng điện gió ngoài khơi. Nghiên cứu các kết nối xuyên châu Á - Thái Bình Dương.

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, giải pháp lưới điện thông minh (Smart Grid) như HVDC, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, DLR phù hợp với nhu cầu hệ thống để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và tăng hiệu quả vận hành.

b) Khối lượng xây dựng lưới truyền tải

- Giai đoạn 2025 - 2030: Xây dựng mới 102.900 MVA và cải tạo 23.250 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 12.944 km và cải tạo 1.404 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 105.565 MVA và cải tạo 17.509 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 15.307 km và cải tạo 5.483 km đường dây 220 kV.

- Định hướng giai đoạn 2031 - 2035: Xây dựng mới 26.000 - 36.000 MW dung lượng trạm chuyển đổi điện cao áp một chiều (trạm HVDC) và 3.500 - 6.600 km đường dây truyền tải cao áp một chiều (HVDC). Xây dựng mới 73.800 MVA và cải tạo 36.600 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 7.480 km và cải tạo 650 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 44.500 MVA và cải tạo 34.625 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 4.296 km và cải tạo 624 km đường dây 220 kV.

- Định hướng giai đoạn 2036 - 2050: Xây dựng mới 26.000 - 36.000 MW dung lượng trạm HVDC và 3.600 - 6.700 km đường dây HVDC; xây dựng mới 24.000 MVA dung lượng trạm chuyển đổi điện cao áp xoay chiều (trạm HVAC) trên 500 kV và 2.500 km đường dây truyền tải cao áp xoay chiều HVAC trên 500kV; xây dựng mới 72.900 MVA và cải tạo 102.600 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 7.846 km và cải tạo 750 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 81.875 MVA và cải tạo 103.125 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 5.370 km và cải tạo 830 km đường dây 220 kV.

Khối lượng lưới điện phát triển mang tính định hướng để bố trí không gian phát triển, dự kiến nhu cầu sử dụng đất cho phát triển và làm cơ sở cập nhật vào quy hoạch tỉnh, các quy hoạch có tính kỹ thuật chuyên ngành có liên quan. Thông số chi tiết về công suất, quy mô, địa điểm trạm biến áp, chiều dài, tiết diện, số mạch đường dây đấu nối sẽ xác định trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

3. Liên kết lưới điện với các nước trong khu vực

- Tiếp tục nghiên cứu hợp tác, liên kết lưới điện với các nước tiểu vùng sông Mê Kông và các nước ASEAN ở các cấp điện áp 500 kV và 220 kV để tăng cường khả năng liên kết hệ thống, trao đổi điện năng, tận dụng thế mạnh tài nguyên của các quốc gia.

- Thực hiện liên kết lưới điện với Lào bằng các tuyến đường dây 500 kV, 220 kV để nhập khẩu điện từ các nhà máy điện tại Lào theo Hiệp định và Biên bản ghi nhớ hợp tác đã ký kết giữa hai Chính phủ.

- Duy trì liên kết lưới điện với các nước láng giềng qua các cấp điện áp 220 kV, 110 kV, trung thể hiện có; nghiên cứu thực hiện giải pháp hòa không đồng bộ giữa các hệ thống điện bằng trạm chuyển đổi một chiều - xoay chiều ở cấp điện áp 220 - 500 kV.

- Thực hiện kết nối lưới điện bằng các tuyến đường dây 500 kV, 220 kV để nhập khẩu điện từ Trung Quốc về các tỉnh phía Bắc trong giai đoạn đến năm

2030, trong đó nghiên cứu phương án liên kết theo hình thức chuyển đổi một chiều - xoay chiều hoặc siêu cao áp một chiều.

- Nghiên cứu, ứng dụng liên kết lưới điện siêu cao áp với các nước trong khu vực ASEAN phục vụ xuất, nhập khẩu điện. Phương án cụ thể được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo từng dự án.

4. Định hướng phát triển điện nông thôn

Xây dựng mới Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo để cấp cho các hộ dân chưa có điện và cải tạo lưới điện nông thôn hiện có. Thực hiện cung cấp điện từ lưới điện quốc gia, kết hợp với cung cấp điện từ nguồn năng lượng tái tạo cho khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo; phấn đấu 100% số hộ dân nông thôn có điện đến năm 2025.

5. Định hướng phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo

- Dự kiến đến năm 2030, hình thành 02 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng tại các khu vực có nhiều tiềm năng như Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ khi có điều kiện.

- Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng dự kiến bao gồm các nhà máy điện năng lượng tái tạo công suất 2.000 - 4.000 MW (chủ yếu là điện gió ngoài khơi); các nhà máy sản xuất thiết bị năng lượng tái tạo, thiết bị sản xuất năng lượng mới; thiết bị và phương tiện vận chuyển, xây dựng, lắp đặt thiết bị năng lượng tái tạo; các dịch vụ phụ trợ; các khu công nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp; trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo về năng lượng tái tạo.

6. Nhu cầu vốn đầu tư

- Giai đoạn 2026 - 2030: Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn và lưới điện truyền tải tương đương 136,3 tỷ USD, trong đó: đầu tư cho nguồn điện khoảng 118,2 tỷ USD, lưới điện truyền tải khoảng 18,1 tỷ USD.

- Định hướng giai đoạn 2031 - 2035: Ước nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn và lưới điện truyền tải tương đương 130,0 tỷ USD, trong đó: đầu tư cho nguồn điện khoảng 114,1 tỷ USD, lưới điện truyền tải khoảng 15,9 tỷ USD, sẽ được chuẩn xác trong các quy hoạch tiếp theo.

- Định hướng giai đoạn 2036 - 2050: Ước nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn và lưới điện truyền tải tương đương 569,1 tỷ USD, trong đó: đầu tư cho nguồn điện khoảng 541,2 tỷ USD, lưới điện truyền tải khoảng 27,9 tỷ USD, sẽ được chuẩn xác trong các quy hoạch tiếp theo.

IV. ĐỊNH HƯỚNG BỐ TRÍ SỬ DỤNG ĐẤT CHO PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BẢO TỒN SINH THÁI, CẢNH QUAN, DI TÍCH

1. Bố trí sử dụng đất cho phát triển điện lực

Nhu cầu đất cho phát triển cơ sở và kết cấu hạ tầng điện lực khoảng 89,9 - 93,36 nghìn ha trong giai đoạn 2021 - 2030 và khoảng 169,8 - 195,15 nghìn ha giai đoạn 2031 - 2050, phù hợp với chỉ tiêu phân bổ đất đai trong Nghị quyết số 39/2021/QH15, để đảm bảo thực hiện các mục tiêu phát triển điện.

2. Các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích

Thực hiện chuyển dịch năng lượng mạnh mẽ từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo và năng lượng mới để giảm phát thải khí ô nhiễm và khí gây hiệu ứng nhà kính, đáp ứng mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

Áp dụng công nghệ mới, hiện đại theo hướng chuyển dịch sang nền kinh tế các-bon thấp, giảm tiêu thụ năng lượng, giảm phát thải, hướng đến đáp ứng các quy định về phát thải các-bon trên đơn vị sản phẩm hàng hóa xuất khẩu và thị trường các-bon.

Tránh và hạn chế tối đa phát triển các công trình năng lượng và cơ sở hạ tầng năng lượng ở những vị trí có nguy cơ ảnh hưởng đến rừng, khu bảo tồn tự nhiên và đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích và di sản văn hóa đã được xếp hạng.

Cần tính đến các giải pháp chống biến đổi khí hậu và ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, ngập lụt, bão lũ, sạt lở, nắng nóng, lượng mưa, nước biển dâng... trong quá trình triển khai dự án điện lực để công trình vận hành an toàn, ổn định, giảm tối đa những rủi ro và thiệt hại.

V. DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA NGÀNH ĐIỆN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN

1. Tiêu chí, luận chứng xây dựng danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên của ngành điện

Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên của ngành điện được xây dựng dựa trên các tiêu chí và luận chứng sau đây:

- Các dự án có vai trò quan trọng trong cân đối cung - cầu điện quốc gia và các vùng, miền, các trung tâm phụ tải quan trọng nhằm đảm bảo an ninh cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Các dự án đảm bảo an ninh quốc phòng; các dự án đảm bảo lợi ích tổng hợp kinh tế kết hợp quốc phòng an ninh.

- Các dự án tăng cường nguồn điện cho các khu vực có nguy cơ thiếu điện.

- Các dự án nhằm đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống điện quốc gia giữa nguồn điện chạy nền, nguồn điện năng lượng tái tạo và phụ tải (thủy điện tích năng, pin lưu trữ năng lượng...).

- Các dự án góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường (điện sản xuất từ năng lượng tái tạo, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn, đồng phát, sử dụng khí dư...), thực hiện các cam kết về khí hậu.

- Các dự án góp phần tạo ra hệ sinh thái tổng thể về công nghiệp và dịch vụ năng lượng tái tạo.

- Các dự án xuất khẩu điện, xuất khẩu năng lượng mới sản xuất từ năng lượng tái tạo.

- Các dự án lưới điện 500 kV và 220 kV.

2. Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên của ngành

Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên của ngành nêu tại các Phụ lục I, III.

VI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp bảo đảm an ninh cung cấp điện

- Đa dạng hóa nguồn nhiên liệu sử dụng cho phát điện, kết hợp hài hòa nguồn năng lượng sơ cấp trong nước và nhập khẩu.

- Đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác than, dầu khí trong nước phục vụ sản xuất điện để giảm phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhập khẩu khí thiên nhiên, LNG, nhập khẩu than, phù hợp với cơ cấu nguồn nhiệt điện và xu thế chuyển dịch năng lượng.

- Phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hóa thạch. Kịp thời cập nhật tiến bộ khoa học - công nghệ trên thế giới về các nguồn năng lượng mới (hydrogen, amoniac xanh, ...) để sử dụng cho phát điện.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện chạy than, khí sang nhiên liệu sinh khối, amoniac xanh, hydrogen.

- Tổ chức nghiên cứu, đánh giá tiềm năng các nguồn năng lượng phi truyền thống.

2. Giải pháp tạo nguồn vốn và huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện

- Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế tài chính và huy động vốn cho đầu tư phát triển ngành điện.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn, các hình thức huy động vốn, thu hút có hiệu quả các nguồn vốn trong và ngoài nước vào phát triển điện lực, đảm bảo quốc phòng, an ninh và cạnh tranh trong thị trường điện. Tăng cường kêu gọi, sử dụng có hiệu quả các cam kết hỗ trợ của quốc tế (ví dụ JETP, AZEC, ...), các nguồn tín dụng xanh, tín dụng khí hậu, trái phiếu xanh, ...

- Đa dạng hóa hình thức đầu tư (nhà nước, tư nhân, đối tác hợp tác công - tư v.v...) đối với các dự án điện. Phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước, thu hút mạnh khu vực tư nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển điện. Tiếp tục đàm phán, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, hỗ trợ thu xếp vốn của các đối tác quốc tế trong quá trình thực hiện chuyển dịch năng lượng và hướng tới phát thải ròng bằng "0" của Việt Nam.

- Tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch, thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án điện.

- Từng bước tăng khả năng huy động tài chính của các doanh nghiệp trong lĩnh vực điện lực theo yêu cầu của các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

3. Giải pháp về pháp luật, chính sách

- Hoàn thiện cơ chế điều hành giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của Nhà nước và mục tiêu sản xuất kinh doanh, tự chủ tài chính của các doanh nghiệp ngành điện. Giá điện bảo đảm thu hồi chi phí, có mức lợi nhuận hợp lý, thu hút đầu tư phát triển điện, khuyến khích cạnh tranh trong các khâu sản xuất, truyền tải, phân phối, bán lẻ, sử dụng điện, chống lãng phí điện. Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện biểu giá điện hiện hành. Nghiên cứu thực hiện giá điện hai thành phần vào thời điểm thích hợp. Tiếp tục thực hiện minh bạch giá điện.

- Sửa đổi Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc giảm cường độ sử dụng năng lượng của nền kinh tế, ban hành chế tài và các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc về sử dụng hiệu quả năng lượng, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng của nền kinh tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong nước tham gia phát triển năng lượng tái tạo, phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới phục vụ trong nước và xuất khẩu, phát triển công nghiệp chế tạo thiết bị ngành điện.

- Xây dựng chính sách nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong ngành điện để nâng cao tính độc lập tự chủ, giảm giá thành.

- Rà soát hệ thống pháp luật, các văn bản pháp lý để có kế hoạch xây dựng, hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý để phát triển điện hạt nhân. Có lộ trình xây dựng hệ thống pháp quy để đảm bảo an toàn hạt nhân.

4. Giải pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai

- Thực hiện chuyển dịch năng lượng, trong đó trọng tâm là chuyển đổi từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng tái tạo và năng lượng mới; tăng cường bề hấp thụ và nghiên cứu ứng dụng công nghệ thu giữ các-bon.

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải từ điện năng lượng tái tạo theo nguyên tắc giảm thiểu, thu hồi, tái sử dụng, tái chế để giảm tối đa lượng chất thải, tận dụng vật liệu thải bỏ làm nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác.

- Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và hiện tượng thời tiết cực đoan ngay từ quá trình lựa chọn vị trí dự án, thiết kế, xây dựng công trình đến sản xuất vận hành.

- Hạn chế tối đa việc phát triển các công trình điện và cơ sở hạ tầng ở những vị trí có nguy cơ ảnh hưởng đến rừng tự nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích và di sản văn hóa đã được xếp hạng, phù hợp với phân vùng bảo vệ môi trường quốc gia.

5. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Đầu tư thành lập trung tâm nghiên cứu cơ bản và trung tâm phát triển về năng lượng tái tạo, năng lượng mới, công nghệ lưu trữ các-bon tại Việt Nam để nâng cao trình độ, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, quản trị nhằm đẩy nhanh và mở rộng quy mô triển khai năng lượng tái tạo và quản lý hệ thống điện sạch tại Việt Nam và khu vực.

- Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) về điện lực.

- Sử dụng công nghệ hiện đại cho các công trình điện xây dựng mới; từng bước nâng cấp, cải tạo các công trình hiện có.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối điện, nâng cao độ tin cậy, giảm tổn thất điện năng. Đẩy nhanh lộ trình xây dựng lưới điện thông minh.

- Hiện đại hóa hệ thống thông tin dữ liệu, các hệ thống tự động hóa, điều khiển phục vụ công tác điều độ, vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Tiếp cận thành tựu khoa học công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, kết nối vạn vật, trong đó có chuyển đổi số trong ngành điện.

- Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị của các ngành kinh tế sử dụng nhiều điện.

- Thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Cùng cố cơ sở hạ tầng hỗ trợ kỹ thuật và tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia về phát triển chung và đảm bảo an toàn, an ninh hạt nhân cho điện hạt nhân.

6. Giải pháp về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả

- Tăng cường nhận thức sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội như tinh thần Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị.

- Khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng; tăng cường kiểm toán năng lượng; đẩy mạnh triển khai mô hình các công ty dịch vụ năng lượng.

- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng điện hiệu quả đối với những lĩnh vực, ngành có mức tiêu thụ điện cao.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình Quản lý nhu cầu điện (DSM), chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

7. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực phát điện, truyền tải, phân phối, điều độ, thị trường điện, lưới điện thông minh, v.v...

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao trong lĩnh vực điện lực; xây dựng các đơn vị mạnh về khoa học - công nghệ điện lực.

- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý ngành điện ngang tầm các nước trong khu vực và thế giới.

- Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, đa dạng hóa hình thức đào tạo nhân lực, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, đảm bảo đủ trình độ năng lực vận hành hệ thống điện quy mô lớn, tích hợp tỷ trọng cao các nguồn năng lượng tái tạo, ứng dụng công nghệ lưới điện thông minh.

8. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Triển khai tích cực, hiệu quả các nội dung của tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng với các đối tác quốc tế (JETP), tận dụng tối đa hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ, quản trị, đào tạo nhân lực, cung cấp tài chính, coi JETP là giải pháp quan trọng cho quá trình chuyển dịch năng lượng ở Việt Nam.

- Thực hiện chính sách đối ngoại năng lượng, khí hậu linh hoạt, hiệu quả, bình đẳng, cùng có lợi. Mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác năng lượng với các đối tác chiến lược, đối tác quan trọng.

- Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, triển khai kết nối lưới điện với các nước láng giềng, các nước trong khu vực Đông Nam Á, các nước tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ điện lực, tranh thủ chuyển giao công nghệ, nguồn vốn từ các đối tác nước ngoài.

9. Giải pháp về tăng cường năng lực trong nước, nội địa hóa thiết bị ngành điện, xây dựng phát triển ngành cơ khí điện

- Hình thành các trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo, tạo lập một hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tái tạo hoàn chỉnh, gắn với sản xuất chế tạo, dịch vụ phụ trợ, các khu công nghiệp tập trung.

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo, thiết bị lưu trữ điện năng, công nghệ thu hồi, hấp thụ, lưu trữ và sử dụng CO₂ v.v... trong nước để chủ động khai thác tiềm năng sẵn có của nước ta, tăng tính độc lập tự chủ, giảm giá thành sản xuất điện từ năng lượng tái tạo.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước thực hiện các công trình dự án điện phức tạp, kỹ thuật cao. Nâng cao năng lực thiết kế, tổ chức mua sắm, quản lý điều hành dự án của các doanh nghiệp trong nước, đủ khả năng đảm nhiệm vai trò tổng thầu các dự án điện quy mô lớn.

- Nâng cao năng lực thiết kế, chế tạo thiết bị trong nước để tăng tỉ lệ thiết bị nội địa trong các công trình nguồn và lưới điện; nâng cao năng lực sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định các thiết bị điện trong nước.

10. Giải pháp về tổ chức quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực

- Đổi mới mạnh mẽ quản lý ngành điện theo hướng công khai, minh bạch, cạnh tranh, hiệu quả, tăng năng suất lao động, giảm giá thành các khâu, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành điện phù hợp với lộ trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh đã được phê duyệt.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực điện lực, áp dụng các mô hình và thông lệ quản trị tiên tiến, nâng cao hệ số tín nhiệm quốc tế, thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động.

11. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành điện lực, bao gồm dữ liệu về quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch để làm cơ sở giám sát tình hình thực hiện quy hoạch. Thường xuyên rà soát tình hình phát triển phụ tải toàn quốc và các địa phương, tiến độ thực hiện các công trình nguồn và lưới điện để đề xuất các giải pháp điều chỉnh cơ cấu nguồn điện, tiến độ nếu cần thiết, đảm bảo cung cầu điện của nền kinh tế.

- Quản lý chặt chẽ việc phát triển các nguồn điện tự sản tự tiêu, nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, các sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp, nguồn điện mặt trời mái nhà và các nguồn điện được các đơn vị phát điện và mua điện tự thỏa thuận mua bán điện trực tiếp với nhau.

- Xây dựng và áp dụng thiết chế về tính kỷ luật và tuân thủ trong việc tổ chức triển khai Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII đối với các chủ đầu tư, các bộ, ngành và các địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ quy hoạch, bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này.

- Tổ chức công bố quy hoạch theo quy định và triển khai thực hiện Quyết định này gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch theo quy định để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong quy hoạch; tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình triển khai các dự án nguồn, lưới điện để đề xuất giải pháp bảo đảm tiến độ theo quy hoạch được duyệt, xử lý theo thẩm quyền và quy định đối với các dự án chậm tiến độ.

- Xây dựng, ban hành khung giá phát điện phù hợp, hiệu quả đối với các loại hình nguồn điện, bảo đảm tính linh hoạt, lợi ích hài hoà, rủi ro chia sẻ.

2. Các bộ, ngành

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để triển khai đúng tiến độ các dự án trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII; đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp tháo gỡ vướng mắc để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chịu trách nhiệm về danh mục dự án đề xuất, thứ tự ưu tiên của các dự án, tính chính xác, hợp lý của phương án đầu tư các nguồn điện theo các văn bản đề xuất.

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan cập nhật danh mục nguồn và lưới điện được xác định trong quy hoạch này vào quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính kỹ thuật, chuyên ngành như quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện để tổ chức không gian làm cơ sở thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện.

- Rà soát điều chỉnh, cập nhật trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh theo các quy định của pháp luật về quy hoạch, điện lực (nếu có mâu thuẫn với quy hoạch này), trong đó xác định rõ phạm vi nguồn điện, lưới điện trong phương án cấp điện đã được quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực, bảo đảm phù hợp với nội dung, quy mô phân bổ công suất tăng thêm cho các địa phương trong Quy hoạch điện VIII và Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, tuân thủ danh mục và thứ tự ưu tiên đã đề xuất gửi Bộ Công Thương.

- Tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện theo thẩm quyền, bố trí quỹ đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định.

- Chỉ đạo, giám sát chủ đầu tư thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn và lưới điện trên địa bàn, bảo đảm đưa dự án vào vận hành đúng giai đoạn theo quy hoạch.

4. Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải theo nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá cân đối cung - cầu điện, tình trạng vận hành hệ thống điện toàn quốc và khu vực, báo cáo các cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện triệt để các giải pháp đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành.

- Thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn, lưới điện được giao.

5. Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

- Tăng cường tìm kiếm, thăm dò và khai thác các nguồn khí trong nước để cung cấp cho phát điện, phù hợp với nhu cầu phụ tải điện. Triển khai nhanh, có hiệu quả các mỏ khí Lô B, Cá Voi Xanh, Kèn Bầu... theo tiến độ được duyệt.

- Thực hiện các giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng kho, cảng, kết nối hệ thống khí trong nước và khu vực phục vụ nhập khẩu khí thiên nhiên và LNG để đảm bảo nguồn khí cho các nhà máy điện.

- Thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn, lưới điện được giao.

6. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp than cho sản xuất điện phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng. Trước mắt nâng cao năng lực sản xuất than trong nước, kết hợp với nhập khẩu than để cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy điện.

- Đầu tư các dự án nguồn, lưới điện theo nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Các dự án điện có trong quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023, Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024, Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 hoặc các dự án điện đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện thì được tiếp tục thực hiện theo quy hoạch hoặc chủ trương nhập khẩu điện đã được phê duyệt.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Chủ tịch, Tổng giám đốc Tổng công ty Đông Bắc và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng công ty Đông Bắc;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 105

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Bùi Thanh Sơn



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN/DỰ ÁN ƯU TIÊN VỀ HOÀN THIỆN
CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC
CỦA NGÀNH ĐIỆN**

*(Kèm theo Quyết định số 168/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Các đề án/dự án xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật.
2. Đề án/dự án tăng cường năng lực khoa học công nghệ, xây dựng trung tâm nghiên cứu cơ bản, trung tâm phát triển bao gồm:
 - Trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới;
 - Trung tâm nghiên cứu năng lượng và biến đổi khí hậu;
 - Trung tâm nghiên cứu phát triển điện hạt nhân;
 - Nghiên cứu đề án hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng.
3. Đề án/dự án đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Phụ lục II
PHÂN BỐ CÔNG SUẤT CÁC NGUỒN ĐIỆN
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO THEO ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 768/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

(Đây là tổng công suất tăng thêm của mỗi địa phương so với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII đã được phê duyệt)

Bảng 1: Công suất thủy điện tăng thêm theo tỉnh (MW)

TT	Vùng/tỉnh	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)	Ghi chú
A	Đối với thủy điện nhỏ tăng thêm theo tỉnh			
	Tổng toàn quốc	3.780,5	3.939,3	
I	Bắc Bộ	2.411,5	2.067,3	
1	Hà Giang	117,5	211,2	
2	Cao Bằng	34	14	
3	Lào Cai	311,9	270,7	
4	Bắc Kạn	41,3	30	
5	Lạng Sơn	24	24	
6	Tuyên Quang	31	30,9	
7	Yên Bái	228	209	
8	Thái Nguyên	30	30	
9	Phú Thọ	10,2	0	
10	Quảng Ninh	32	0	
11	Lai Châu	892	1.092,1	
12	Điện Biên	207	8,3	
13	Sơn La	411,6	147,2	
14	Hòa Bình	38	0	
15	Bắc Giang	3	0	
16	TP. Hà Nội	0	0	
17	Vĩnh Phúc	0	0	
II	Bắc Trung Bộ	147	192	
1	Thanh Hóa	52,9	130	
2	Nghệ An	33,2	22	
3	Hà Tĩnh	24,69	0	
4	Quảng Bình	58	39	
III	Trung Trung Bộ	595	829	
1	Quảng Trị	63	151,8	
2	TP Huế	31	51,9	
3	Quảng Nam	318	438,3	

TT	Vùng/tỉnh	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)	Ghi chú
4	Quảng Ngãi	127	186,7	
5	Đà Nẵng	55	0	
IV	Tây Nguyên	306	380	
1	Kon Tum	57,4	44	
2	Gia Lai	114	144,6	
3	Đắk Lắk	50	128,45	
4	Đắk Nông	84,6	63	
V	Nam Trung Bộ	277	397	
1	Bình Định	62	63,5	
2	Phú Yên	48	60	
3	Khánh Hòa	8	2	
4	Ninh Thuận	29	28,5	
5	Bình Thuận	47	22	
6	Lâm Đồng	83	221,3	
VI	Nam Bộ	46	74	
1	Bình Dương	13	23,1	
2	Bình Phước	28	40,9	
3	Đồng Nai	0	0	
4	Tây Ninh	5	10	
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	
6	Kiên Giang	0	0	
B	Đối với thủy điện có công suất trên 30 MW đến dưới 50 MW tăng thêm theo tỉnh			
	Tổng toàn quốc	462,3		
I	Bắc Bộ	40,5		
1	Lai Châu	40,5		
II	Bắc Trung Bộ	83		
1	Thanh Hóa	38		
2	Nghệ An	45		
III	Trung Trung Bộ	48		
1	Quảng Trị	48		
IV	Nam Trung Bộ	122		
1	Bình Định	40		
2	Bình Thuận	46		
3	Lâm Đồng	36		
V	Nam Bộ	168,8		
1	Bình Phước	78,8		
2	Đồng Nai	90		

Bảng 2: Công suất điện mặt trời tăng thêm theo tỉnh (MW)

STT	Tỉnh/TP	ĐMT mái nhà tăng thêm		ĐMT tập trung tăng thêm	
		Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)
I	Bắc Bộ	17950	1068	10306	9459
1	Hà Nội	894	54	483	9459 (Giai đoạn tới năm 2035 công suất đề xuất từ các địa phương nhỏ hơn công suất nhu cầu của hệ thống điện)
2	TP. Hải Phòng	2092	124	100	
3	Hải Dương	1348	80	100	
4	Hưng Yên	1189	71	57	
5	Hà Nam	1107	66	50	
6	Nam Định	601	36	223	
7	Thái Bình	610	36	50	
8	Ninh Bình	440	27	50	
9	Hà Giang	64	4	100	
10	Cao Bằng	50	3	100	
11	Lào Cai	550	33	105	
12	Bắc Kạn	51	3	200	
13	Lạng Sơn	492	29	100	
14	Tuyên Quang	76	5	198	
15	Yên Bái	500	30	1656	
16	Thái Nguyên	1019	60	220	
17	Phú Thọ	595	35	100	
18	Vĩnh Phúc	1155	68	50	
19	Bắc Giang	1674	99	100	
20	Bắc Ninh	1528	91	50	
21	Quảng Ninh	1418	84	400	
22	Lai Châu	50	3	1086	
23	Điện Biên	50	0	904	
24	Sơn La	50	5	3674	
25	Hòa Bình	347	21	150	
II	Bắc Trung Bộ	1041	210	1670	1529
1	Thanh Hóa	373	68	440	164
2	Nghệ An	232	49	350	0
3	Hà Tĩnh	313	68	440	1336
4	Quảng Bình	123	26	440	28
III	Trung Trung Bộ	250	463	1444	2366
1	Quảng Trị	50	27	310	781
2	TP Huế	50	136	397	1583
3	TP. Đà Nẵng	50	102	50	0

STT	Tỉnh/TP	ĐMT mái nhà tăng thêm		ĐMT tập trung tăng thêm	
		Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)
4	Quảng Nam	50	113	50	0
5	Quảng Ngãi	50	85	140	2
IV	Tây Nguyên	200	0	6333	6513
1	Kon Tum	50	0	660	0
2	Gia Lai	50	0	1030	0
3	Đắk Lắk	50	0	3349	4962
4	Đắk Nông	50	0	1294	1551
V	Nam Trung Bộ	300	88	4475	4388
1	Bình Định	50	77	500	0
2	Phú Yên	50	11	1000	0
3	Khánh Hòa	50	0	100	0
4	Ninh Thuận	50	0	1974	3984
5	Bình Thuận	50	0	564	266
6	Lâm Đồng	50	0	337	138
VI	Nam Bộ	6635	14673	3654	10514
1	Bình Phước	440	1258	678	4114
2	Tây Ninh	226	708	450	314
3	Bình Dương	1036	2486	55	1367
4	Đồng Nai	1520	3075	1069	3942
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	985	1783	50	0
6	TP. Hồ Chí Minh	374	981	20	0
7	Long An	999	2062	268	156
8	Tiền Giang	149	296	50	0
9	Bến Tre	97	228	50	0
10	Trà Vinh	58	134	50	0
11	Vĩnh Long	110	221	50	0
12	Đồng Tháp	50	203	74	249
13	An Giang	50	95	80	0
14	Kiên Giang	50	0	400	0
15	TP. Cần Thơ	199	390	50	0
16	Hậu Giang	142	370	110	372
17	Sóc Trăng	50	183	50	0
18	Bạc Liêu	50	0	50	0
19	Cà Mau	50	200	50	0

Bảng 3: Công suất điện gió trên bờ và gần bờ tăng thêm theo tỉnh (MW)

STT	Tỉnh/TP	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)	Ghi chú
I	Bắc Bộ	2194	0	
1	Hà Nội	0	0	
2	TP. Hải Phòng	0	0	
3	Hải Dương	0	0	
4	Hưng Yên	0	0	
5	Hà Nam	0	0	
6	Nam Định	0	0	
7	Thái Bình	0	0	
8	Ninh Bình	0	0	
9	Hà Giang	0	0	
10	Cao Bằng	0	0	
11	Lào Cai	0	0	
12	Bắc Kạn	266	0	
13	Lạng Sơn	0	0	
14	Tuyên Quang	0	0	
15	Yên Bái	160	0	
16	Thái Nguyên	0	0	
17	Phú Thọ	0	0	
18	Vĩnh Phúc	0	0	
19	Bắc Giang	108	0	
20	Bắc Ninh	0	0	
21	Quảng Ninh	300	0	
22	Lai Châu	0	0	
23	Điện Biên	779	0	
24	Sơn La	580	0	
25	Hòa Bình	0	0	
II	Bắc Trung Bộ	3333	0	
1	Thanh Hóa	364	0	
2	Nghệ An	240	0	
3	Hà Tĩnh	1605	0	
4	Quảng Bình	1124	0	
III	Trung Trung Bộ	510	0	
1	Quảng Trị	560	0	
2	TP. Huế	100	0	
3	TP. Đà Nẵng	0	0	
4	Quảng Nam	100	0	

STT	Tỉnh/TP	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)	Ghi chú
5	Quảng Ngãi	0	0	
IV	Tây Nguyên	2643	3496	
1	Kon Tum	474	206	
2	Gia Lai	884	2129	
3	Đắk Lắk	1085	1162	
4	Đắk Nông	200	0	
V	Nam Trung Bộ	3254	250	
1	Bình Định	1273	0	
2	Phú Yên	300	0	
3	Khánh Hòa	200	0	
4	Ninh Thuận	1039	0	
5	Bình Thuận	242	0	
6	Lâm Đồng	200	250	
VI	Nam Bộ	4212	2350	
1	Bình Phước	0	0	
2	Tây Ninh	0	0	
3	Bình Dương	0	0	
4	Đồng Nai	0	0	
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	100	6	
6	TP. Hồ Chí Minh	0	0	
7	Long An	73	18	
8	Tiền Giang	100	226	
9	Bến Tre	500	340	
10	Trà Vinh	1450	448	
11	Vĩnh Long	0	0	
12	Đồng Tháp	0	0	
13	An Giang	50	0	
14	Kiên Giang	219	19	
15	TP. Cần Thơ	0	0	
16	Hậu Giang	100	0	
17	Sóc Trăng	988	0	
18	Bạc Liêu	346	351	
19	Cà Mau	387	942	

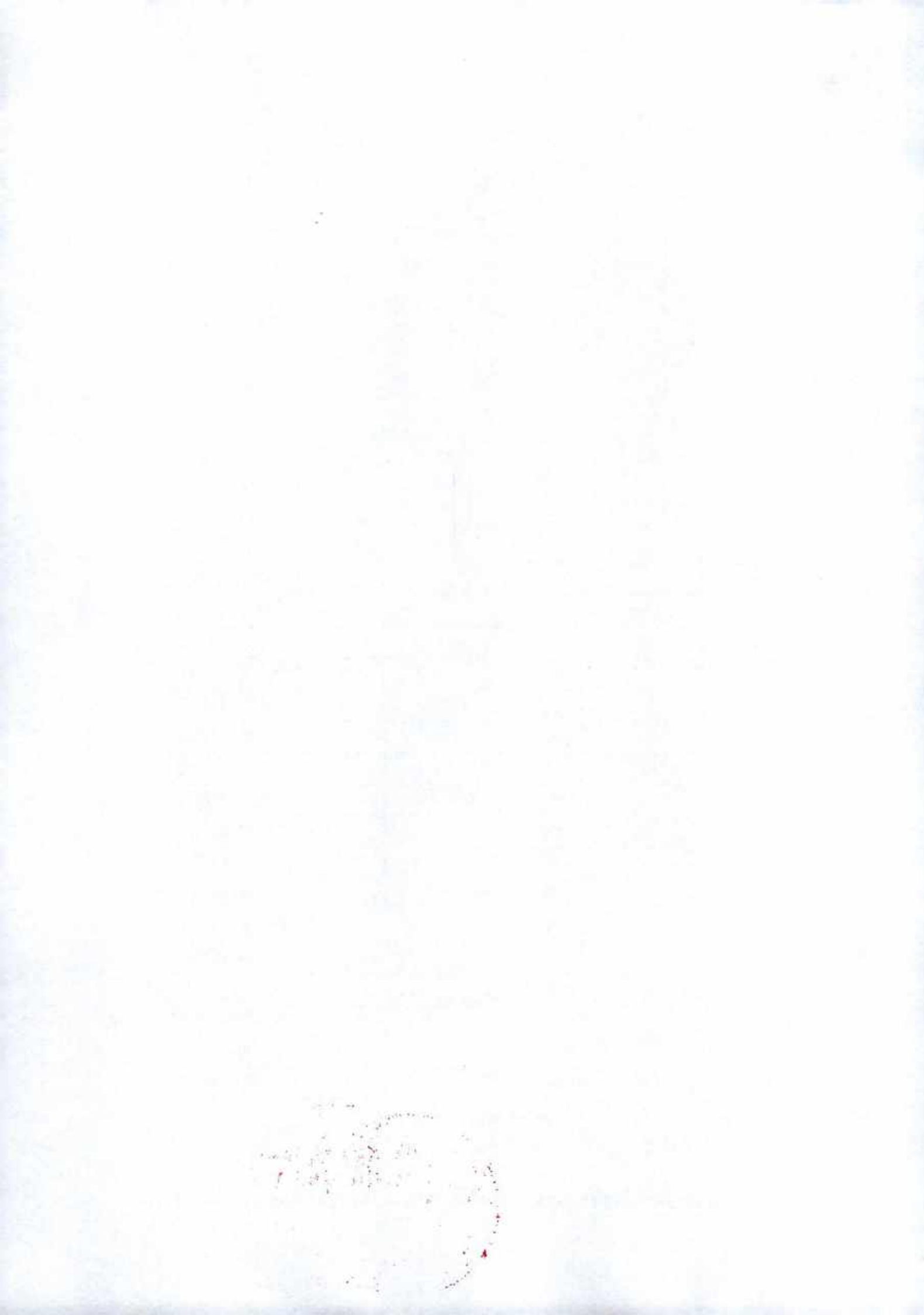
Bảng 4: Công suất điện rác, điện sinh khối tăng thêm theo tỉnh (MW)

STT	Tỉnh/Thành phố	Điện rác tăng thêm		Điện sinh khối tăng thêm	
		Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)
	Toàn quốc	1270	0	1510	1276
I	Bắc Bộ	523	0	375	208
1	Hà Nội	220	0	6	4
2	Hải Phòng	20	0	0	0
3	Hải Dương	0	0	0	0
4	Hưng Yên	73	0	0	0
5	Hà Nam	0	0	0	0
6	Nam Định	35	0	34	19
7	Thái Bình	0	0	0	0
8	Ninh Bình	0	0	0	0
9	Hà Giang	0	0	32	18
10	Cao Bằng	0	0	0	0
11	Lào Cai	12	0	32	18
12	Bắc Kạn	0	0	16	9
13	Lạng Sơn	0	0	13	7
14	Tuyên Quang	0	0	32	18
15	Yên Bái	0	0	32	18
16	Thái Nguyên	10	0	6	4
17	Phú Thọ	0	0	19	11
18	Vĩnh Phúc	0	0	0	0
19	Bắc Giang	13	0	0	0
20	Bắc Ninh	0	0	0	0
21	Quảng Ninh	0	0	0	0
22	Lai Châu	0	0	6	4
23	Điện Biên	3	0	84	46
24	Sơn La	0	0	16	9
25	Hòa Bình	137	0	45	25
II	Bắc Trung Bộ	25	0	388	30
1	Thanh Hóa	0	0	126	10
2	Nghệ An	0	0	60	5
3	Hà Tĩnh	0	0	14	1
4	Quảng Bình	25	0	188	14
III	Trung Trung Bộ	142	0	92	564
1	Quảng Trị	20	0	17	106
2	Huế	2	0	10	58
3	Đà Nẵng	70	0	2	13

STT	Tỉnh/Thành phố	Điện rác tăng thêm		Điện sinh khối tăng thêm	
		Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)
4	Quảng Nam	50	0	56	344
5	Quảng Ngãi	0	0	7	43
IV	Tây Nguyên	39	0	343	213
1	Kon Tum	0	0	31	19
2	Gia Lai	30	0	171	106
3	Đắk Lắk	9	0	141	88
4	Đắk Nông	0	0	0	0
V	Nam Trung Bộ	117	0	165	0
1	Bình Định	15	0	50	0
2	Phú Yên	10	0	115	0
3	Khánh Hòa	40	0	0	0
4	Lâm Đồng	40	0	0	0
5	Ninh Thuận	12	0	0	0
6	Bình Thuận	0	0	0	0
VI	Nam Bộ	425	0	146	261
1	Hồ Chí Minh	216	0	0	0
2	Bình Phước	0	0	79	121
3	Tây Ninh	0	0	0	0
4	Bình Dương	0	0	0	0
5	Đồng Nai	58	0	0	0
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	25	0	3	7
7	Long An	72	0	20	42
8	Đồng Tháp	0	0	0	0
9	An Giang	8	0	26	54
10	Tiền Giang	0	0	0	0
11	Vĩnh Long	0	0	0	0
12	Bến Tre	18	0	10	20
13	Kiên Giang	20	0	0	0
14	Cần Thơ	0	0	150	0
15	Hậu Giang	0	0	0	0
16	Trà Vinh	0	0	0	0
17	Sóc Trăng	9	0	8	17
18	Bạc Liêu	0	0	0	0
19	Cà Mau	0	0	0	0

Bảng 5: Công suất thủy điện tích năng tăng thêm theo tỉnh (MW)

Tỉnh	Giai đoạn 2025 - 2030 (MW)	Giai đoạn 2031 - 2035 (MW)
I. Bắc Bộ	1900	1400
Lai Châu	300	400
Điện Biên	400	400
Sơn La	900	300
Bắc Giang	300	300
II. Bắc Trung Bộ	831	0
Thanh Hóa	126.5	
Hà Tĩnh	704.5	
III. Trung Trung Bộ	846	1795
Quảng Trị	246	1200
Đà Nẵng		595
Quảng Nam	300	
Quảng Ngãi	300	
IV. Nam Trung Bộ		1200
Bình Định		600
Ninh Thuận		
Lâm Đồng		600





Phụ lục III
DANH MỤC VÀ TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN NGUỒN, LƯỚI ĐIỆN
QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA NGÀNH ĐIỆN
(Kèm theo Quyết định số 768 /QĐ-TTg
ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Phụ lục III.1
DANH MỤC VÀ TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN
QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA NGÀNH

Bảng 1: Danh mục các nhà máy nhiệt điện LNG

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	LNG Quảng Ninh	1500	2025-2030	
2	LNG Thái Bình	1500	2025-2030	
3	LNG Quảng Trạch II	1500	2025-2030	
4	LNG Hải Lăng giai đoạn 1	1500	2025-2030	
5	NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	1624	2025-2030	
6	LNG Hiệp Phước giai đoạn I	1200	2025-2030	
7	LNG Long An I	1500	2025-2030	
8	NMĐ BOT Sơn Mỹ I (*)	2250	2025-2030	
9	NMĐ BOT Sơn Mỹ II (*)	2250	2025-2030	
10	LNG Bạc Liêu (*)	3200	2025-2030	
11	LNG Nghi Sơn (*)	1500	2025-2030	
12	LNG Cà Ná (*)	1500	2025-2030	
13	LNG Quỳnh Lập (*)	1500	2025-2030	
14	LNG Hải Phòng giai đoạn I	1600	2025-2030	Theo cam kết của UBND TP Hải Phòng tại Văn bản số 583/UBND-UBND-XD2 ngày 26/3/2025
15	LNG Hiệp Phước giai đoạn II	1500	2025-2030	Theo cam kết của UBND TP Hồ Chí Minh tại Văn bản số 1945/UBND-KT ngày 27/3/2025
16	LNG Long Sơn (*)	1500	2031-2035	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề xuất, có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
17	LNG Long An II	1500	2031-2035	
18	LNG Công Thanh (**)	1500	2031-2035	UBND tỉnh Thanh Hoá kiến nghị chuyển đổi nhiên liệu dự án NĐ than Công Thanh sang LNG. Văn bản số 5473/VPCP-CN ngày 31/7/2024 của



TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
				Văn phòng Chính phủ về việc chuyển đổi nhiên liệu từ than sang LNG đối với dự án nhiệt điện Công Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Có thể đẩy sớm lên giai đoạn 2026-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
19	LNG Hải Phòng giai đoạn II (**)	3200	2031-2035	Theo cam kết của UBND TP Hải Phòng tại Văn bản số 583/UBND-UBND-XD2 ngày 26/3/2025, có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
20	LNG Vũng Áng III (**)	1500	2031-2035	
21	LNG Quảng Trạch III (**)	1500	2031-2035	
22	Các vị trí tiềm năng cho các dự án LNG phát triển mới, dự phòng cho các dự án chậm tiến độ hoặc không thể triển khai.			Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Vũng Áng, Quảng Bình, Chân Mây, Đà Nẵng, Vân Phong, Mũi Kê Gà, Tân Phước, Bến Tre, Cà Mau...

Ghi chú:

- Công suất đặt của các nhà máy điện có thể dao động trong phạm vi $\pm 15\%$ và sẽ được chuẩn xác, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch, giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

(*): Các dự án cần có giải pháp để bảo đảm tiến độ vận hành theo quy hoạch được duyệt.

(**): Các dự án phát triển mới giai đoạn 2031-2035 phục vụ cấp điện khu vực miền Bắc.

Bảng 2: Danh mục các nhà máy nhiệt điện LNG dự phòng phát triển

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	LNG Quảng Ninh 2	1500	2031-2035	Các dự án dự phòng phát triển giai đoạn 2031-2035 và chỉ được triển khai khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận để bù đắp các nguồn điện khác trong khu vực chậm tiến độ hoặc phụ tải tăng đột biến
2	LNG Thái Bình giai đoạn 2	1500	2031-2035	
3	LNG Hoà Ninh giai đoạn I	1500	2031-2035	
4	LNG Thanh Hóa	1500	2031-2035	
5	Mở rộng Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1&2	1500	2031-2035	

Bảng 3: Danh mục các nhà máy nhiệt điện than đang xây dựng

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	NMNĐ Na Dương II	110	2025-2030	
2	NMNĐ An Khánh - Bắc Giang	650	2025-2030	
3	NMNĐ Vũng Áng II	1330	2025-2030	
4	NMNĐ Quảng Trạch I	1403	2025-2030	
5	NMNĐ Long Phú I	1200	2025-2030	

Bảng 4: Danh mục các nhà máy nhiệt điện than đang gặp khó khăn trong triển khai

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	NMNĐ Nam Định I	1200	2025-2030	
2	NMNĐ Quảng Trị	1320	2025-2030	Nhà đầu tư đã xin dừng dự án (theo Văn bản EGATi 277/2023)
3	NMNĐ Vĩnh Tân III	1980	2025-2030	
4	NMNĐ Sông Hậu II	2120	2025-2030	Bộ Công Thương đã chấm dứt Hợp đồng BOT của Dự án tại Văn bản 4579/BCT-ĐL ngày 01/7/2024

**Bảng 5: Danh mục nguồn điện đồng phát,
nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ
của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp**

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	NĐ đồng phát Hải Hà 1	300	2025-2030	CĐT lập FS dự án thành phần 50 MW
2	NĐ đồng phát Đức Giang	100	2025-2030	UBND tỉnh Lào Cai có Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03 tháng 01 năm 2025 trong đó cho biết CĐT đã có văn bản đề nghị “bỏ” dự án.
3	Formosa HT2	650	2025-2030	
4	NĐ khí dư Hòa Phát II	300	2025-2030	Đang xây dựng
5	Nhà máy nhiệt điện thuộc dự án: Nhà máy Bột - Giấy VNT19	54	2025-2030	Theo văn bản số 1432/UBND-KTN ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
6	NĐ đồng phát Hải Hà 2	600	2031-2035	
7	NĐ đồng phát Hải Hà 3	600	2031-2035	
8	NĐ đồng phát Hải Hà 4	600	2031-2035	
9	Các dự án khác	Ưu tiên, khuyến khích phát triển loại hình này để sản xuất điện nhằm tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. Tổng công suất loại hình này được phát triển không giới hạn phù hợp với nhu cầu sử dụng và tiềm năng của các cơ sở công nghiệp.		

Bảng 6: Danh mục các nhà máy nhiệt điện khí trong nước

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	Nhiệt điện Ô Môn I (*)	660	2025-2030	Sử dụng khí Lô B
2	NMNĐ Ô Môn II	1050	2025-2030	
3	NMNĐ Ô Môn III	1050	2025-2030	
4	NMNĐ Ô Môn IV	1050	2025-2030	
5	TBKHH Dung Quất I	750	2025-2030	Sử dụng khí Cá Voi Xanh, đồng bộ với tiến độ phía thượng nguồn thuộc chuỗi dự án khí - điện Cá Voi Xanh.
6	TBKHH Dung Quất II	750	2025-2030	
7	TBKHH Dung Quất III	750	2025-2030	
8	TBKHH Miền Trung I	750	2025-2030	
9	TBKHH Miền Trung II	750	2025-2030	
10	TBKHH Quảng Trị	340	2025-2030	Sử dụng khí mỏ Báo Vàng, đồng bộ với tiến độ phía thượng nguồn.

Ghi chú:

- Công suất đặt của các nhà máy điện có thể dao động trong phạm vi $\pm 15\%$ và sẽ được chuẩn xác, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch, giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

(*) Nhà máy điện hiện có chuyển sang sử dụng khí Lô B.

Bảng 7: Danh mục các nguồn thủy điện lớn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Tỉnh	Ghi chú
	Công suất tăng thêm 2025 - 2030	2,958			
1	TĐ Long Tạo	44	2021-2024	Điện Biên	Đã vận hành
2	TĐ Sông Lô 6	60	2021-2024	Tuyên Quang	Đã vận hành
3	TĐ Sông Lô 7	36	2021-2024	Tuyên Quang	Đã vận hành
4	TĐ Pắc Ma	160	2021-2024	Lai Châu	Đã vận hành
5	TĐ Suối Sập 2A	49.6	2021-2024	Sơn La	Đã vận hành
6	TĐ Đắc Mi 2	147	2021-2024	Quảng Nam	Đã vận hành
7	TĐ Sông Tranh 4	48	2021-2024	Quảng Nam	Đã vận hành
8	TĐ Thượng Kon Tum	220	2021-2024	Kon Tum	Đã vận hành
9	TĐ Phú Tân 2	93	2021-2024	Đồng Nai	Đã vận hành
10	TĐ Hòa Bình MR	480	2025-2030	Hòa Bình	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
11	TĐ Yên Sơn	90	2025-2030	Tuyên Quang	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
12	TĐ Nậm Cùm 1,4,5	100.8	2025-2030	Lai Châu	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII; Nậm Cùm 5 đề nghị điều chỉnh từ 10 MW lên 15 MW
13	TĐ Nậm Cùm 2,3,6	83	2025-2030	Lai Châu	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII; Nậm Cùm 6 đề nghị điều chỉnh từ 7 MW lên 10,5 MW
14	TĐ Hồi Xuân	102	2025-2030	Thanh Hóa	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
15	TĐ Mỹ Lý	120	2025-2030	Nghệ An	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
16	TĐ Nậm Mô 1 (Việt Nam)	51	2025-2030	Nghệ An	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
17	TĐ Ialy MR	360	2025-2030	Gia Lai	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
18	TĐ Đắc Mi 1	84	2025-2030	Kon Tum	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
19	TĐ Trị An MR	200	2025-2030	Đồng Nai	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
20	TĐ Sông Lô 9	87	2025-2030	Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang đề xuất tại Văn bản số 15/SCT-QLNL ngày 03/01/2025.
21	TĐ Tuyên Quang MR	120	2025-2030	Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang đề xuất tại Văn bản số 15/SCT-QLNL ngày 03/01/2025.
22	TĐ Sê San 3 MR	130	2025-2030	Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai đề xuất tại Văn bản số 17/UBND-CN XD ngày 05/01/2025.
23	TĐ Sê San 4 MR	120	2025-2030	Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai đề xuất tại Văn bản số 17/UBND-CN XD ngày 05/01/2025.
24	TĐ Bàn Chát MR	110	2025-2030	Lai Châu	
25	TĐ Đa Nhim MR (Giai đoạn 2)	80	2025-2030	Ninh Thuận	
26	TĐ Srêpôk 3 MR	110	2025-2030	Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk đề xuất tại Văn bản số 2285/UBND-CN XD ngày 11/3/2025.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Tỉnh	Ghi chú
27	TĐ Buôn Kuốp MR	140	2025-2030	Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk đề xuất tại Văn bản số 2285/UBND-CNXD ngày 11/3/2025.
28	TĐ Việt Thành	55	2025-2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
29	TĐ An Bình	65	2025-2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
30	TĐ An Thịnh	70	2025-2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
31	TĐ Bảo Hà	75	2025-2030	Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai đề xuất tại Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03/01/2025.
32	TĐ Thái Niên	75	2025-2030	Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai đề xuất tại Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03/01/2025.
33	TĐ Suối Hưng	50	2025-2030	Hoà Bình	Văn bản số 338/UBND-KTN ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Hoà Bình.
	Công suất tăng thêm 2031-2035	2,049	2031-2035		
1	TĐ Sơn La MR	800	2031-2035	Sơn La	
2	TĐ Lai Châu MR	400	2031-2035	Lai Châu	
3	TĐ Huội Quảng MR	260	2031-2035	Sơn La	
4	TĐ Sê San 3A MR	54	2031-2035	Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum đề xuất tại Văn bản số 11/BC-UBND ngày 13/01/2025.
5	TĐ Thuần Mỹ	250	2031-2035	TP. Hà Nội	TP. Hà Nội đề xuất tại Văn bản số 536/SCT-QLNL ngày 05/02/2025
6	TĐ Trung Sơn MR	130	2031-2035	Thanh Hóa	Văn bản số 2930/UBND-CNXXDKH ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá.
7	TĐ A Vương MR	105	2031-2035	Quảng Nam	UBND tỉnh Quảng Nam đề xuất tại Văn bản số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025
8	TĐ Đạ Kho	50	2031-2035	Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng đề xuất tại Văn bản số 23/SCT-QLCN ngày 04/1/2025.
9	TĐ Đắk R'lấp 1 (*)	53	2031-2035	Đắk Nông, Lâm Đồng	UBND tỉnh Đắk Nông đề xuất tại Văn bản số 1428/UBND-TH ngày 11/3/2025
10	TĐ Đắk R'lấp 2 (*)	68	2031-2035	Đắk Nông, Lâm Đồng	UBND tỉnh Đắk Nông đề xuất tại Văn bản số 1428/UBND-TH ngày 11/3/2025
11	TĐ Đắk R'lấp 3 (*)	82	2031-2035	Bình Phước	

Ghi chú:

(*) Các dự án tiềm năng đã được phê duyệt theo Quyết định số 500/QĐ-TTg, cần được xem xét, đánh giá kỹ các tác động về môi trường, đất đai và ảnh hưởng đến rừng của dự án.

**Bảng 8: Danh mục các thủy điện có công suất
dưới 50 MW đầu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên**

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Tỉnh	Ghi chú
	Công suất tăng thêm 2025-2030	132,2			
1	TĐ Sê San 4A MR	29	2025-2030	Gia Lai	Văn bản số 538/UBND-CNXD ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
2	TĐ Mường Lát	45	2025-2030	Thanh Hóa	Văn bản số 2930/UBND-CNXXDKH ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
3	TĐ Đồng Văn (nâng công suất)	29,8	2025-2030	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An đề xuất nâng công suất từ 28 MW lên 29,8 MW (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
4	Dự án sử dụng hiệu quả nguồn nước TĐ Sông Ba Hạ	18	2025-2030	Phú Yên	EVN đề xuất tại Văn bản số 862/EVN-KH ngày 11/02/2025 (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
5	TĐ Sông Bồ	26	2025-2030	Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế đề xuất nâng công suất từ 23,6 MW (đã vận hành) lên 26 MW (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
6	TĐ Cẩm Sơn	36	2025-2030	Nghệ An	Văn bản số 1673/UBND-KTN ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Nghệ An (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
7	TĐ Thông Thụ	28	2025-2030	Nghệ An	Văn bản số 1673/UBND-KTN ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Nghệ An (ĐZ 220 kV đầu chuyển tiếp vào ĐZ 220 kV Nậm Sum - Nông Cống)
8	TĐ Thái An MR	41	2025-2030	Hà Giang	Văn bản số 300/SCT-QLNL ngày 07/3/2025 của Sở Công Thương Hà Giang
9	TĐ Đa R'Sal	42	2025-2030	Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng đề xuất tại Văn bản số 2237/UBND-MT ngày 07/3/2025
10	TĐ Bản Ngà	24	2025-2030	Cao Bằng	Theo Quyết định số 262/QĐ-TTg. Cao Bằng đề xuất tại Văn bản số 629/UBND-CN ngày 07/3/2025. ĐZ 220 kV TĐ Bản Ngà - rẽ TĐ Nho Quế 3 - Cao Bằng
	Công suất tăng thêm 2031-2035	60			
1	TĐ Sê San 5	30	2031-2035	Gia Lai	Văn bản số 538/UBND-CNXD ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
2	TĐ Thủy điện Sông Ba Hạ MR	30	2031-2035	Phú Yên	Văn bản số 1408/UBND-ĐTKT ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)

Bảng 9: Danh mục các thủy điện tích năng

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Tỉnh	Ghi chú
1	TĐTN Bắc Ái	1200	2025-2030	Ninh Thuận	Đã có trong QHĐ VIII
2	TĐTN Phước Hòa	1200	2025-2030	Ninh Thuận	Đã có trong QHĐ VIII
3	TĐTN Đông Phú Yên	900	2025-2030	Sơn La	Đã có trong QHĐ VIII, điều chỉnh giai đoạn vận hành
4	TĐTN Đơn Dương #1	300	2025-2030	Lâm Đồng	Đã có trong QHĐ VIII, điều chỉnh giai đoạn vận hành
	TĐTN tăng thêm (*)	7.072	2025-2035		
1	TĐTN Sìn Hồ GĐ 1	300	2025-2030	Lai Châu	Văn bản số 961/UBND-KTN ngày 07/3/2025
2	TĐTN Sìn Hồ GĐ 2	400	2031-2035	Lai Châu	Văn bản số 961/UBND-KTN ngày 07/3/2025
3	TĐTN Điện Biên 3 GĐ 1	400	2025-2030	Điện Biên	Văn bản số 837/UBND-KT ngày 07/3/2025
4	TĐTN Điện Biên 3 GĐ 2	400	2031-2035	Điện Biên	Văn bản số 837/UBND-KT ngày 07/3/2025
5	TĐTN Đông Phú Yên	300	2031-2035	Sơn La	Văn bản số 937/UBND-KTN ngày 07/3/2025
6	TĐTN Cẩm Sơn 1	300	2025-2030	Bắc Giang	Văn bản số 1213/UBND-KTTH ngày 08/3/2025
7	TĐTN Cẩm Sơn 2	300	2031-2035	Bắc Giang	Văn bản số 1213/UBND-KTTH ngày 08/3/2025
8	TĐTN Sông Mực - Đồng Lớn	110	2025-2030	Thanh Hoá	Văn bản số 2930/UBND-CNXXDKH ngày 07/3/2025
9	TĐTN Yên Mỹ - Bồng Bồng	16,5	2025-2030	Thanh Hoá	Văn bản số 2930/UBND-CNXXDKH ngày 07/3/2025
10	TĐTN Kim Sơn - Thượng Sông Trí	530	2025-2030	Hà Tĩnh	Văn bản số 1200/UBND-KT2 ngày 05/3/2025
11	TĐTN Kê Gổ - Bộc Nguyên	174,5	2025-2030	Hà Tĩnh	Văn bản số 1200/UBND-KT2 ngày 05/3/2025
12	TĐTN Cam Lộ	246	2025-2030	Quảng Trị	Văn bản số 854/UBND-KT ngày 07/3/2025
13	TĐTN Cam Lộ GĐ 2	1200	2031-2035	Quảng Trị	Văn bản số 854/UBND-KT ngày 07/3/2025
14	TĐTN Đà Nẵng GĐ 1	595	2031-2035	Đà Nẵng	Văn bản số 1316/UBND-SCT ngày 07/3/2025
15	TĐTN A Vương	300	2025-2030	Quảng Nam	Văn bản số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025
16	TĐTN Ba Tơ GĐ 1	300	2025-2030	Quảng Ngãi	Văn bản số 1230/UBND-KTN ngày 07/3/2025
17	TĐTN Vĩnh Thạnh	600	2031-2035	Bình Định	Văn bản số 1799/UBND-KT ngày 07/3/2025
18	TĐTN Đơn Dương #2,3 (**)	600	2031-2035	Lâm Đồng	Văn bản số 2237/UBND-MT ngày 07/3/2025

Ghi chú:

(*) Các dự án được xác định trên cơ sở xét theo thứ tự ưu tiên đối với danh mục đề xuất của các địa phương. Có thể xem xét phát triển với quy mô lớn hơn tùy thuộc vào nhu cầu của hệ thống điện.

(**): Tổng quy mô dự án là 1.200 MW.

Bảng 10: Danh mục dự kiến các nguồn điện hạt nhân (MW)

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành
1	Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1	2.000 - 3.200	2030-2035
2	Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2	2.000 - 3.200	2030-2035

Bảng 11: Danh mục dự kiến các dự án pin lưu trữ (MW)

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	Dự án pin lưu trữ 50 MW	50	2025-2030	Dung lượng MWh sẽ được chuẩn xác trong quá trình triển khai
2	Dự án pin lưu trữ 7 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 50 MW	7	2025-2030	
3	Dự án pin lưu trữ 105 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 400 MW	105	2025-2030	
4	Các dự án pin lưu trữ khác	138	2025-2030	
5	Lắp đặt hệ thống BESS tại NMDMT Krông Pa	7	2025-2030	Đầu nối trung áp
6	Lắp đặt hệ thống BESS tại NMDMT Krông Pa 2	7	2025-2030	
7	Dự án Hệ thống pin lưu trữ năng lượng BESS NMDG Hải Anh	4	2025-2030	Đầu nối nội bộ nhà máy
8	Pin lưu trữ tăng thêm	Khoảng 20.287	2025-2035	Các dự án điện mặt trời tập trung phải lắp pin lưu trữ với công suất tối thiểu bằng 10% công suất đặt của dự án, tích trong 2 giờ; phần công suất pin tích năng còn lại được lắp đặt trên hệ thống điện phụ thuộc vào nhu cầu vận hành

Bảng 12: Danh mục dự kiến các dự án điện gió trên bờ và gần bờ đã được phê duyệt trong Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Điện Biên	300			
1	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	175	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA NMDG BCG Điện Biên 1 về trạm 220kV Điện Biên	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ	125	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nậm Pồ - Lai Châu về trạm biến áp 500kV Lai Châu	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bắc Kạn	400			
1	Nhà máy điện gió Thiên Long Ngân Sơn	130	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn từ trạm 220kV NMDG Thiên Long - Ngân Sơn về thanh cái 220kV tại TBA 220kV Bắc Kạn	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Ngân Sơn	150	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Thiên Long Chợ Mới	120	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép từ trạm 220kV NMDG Thiên Long - Chợ Mới chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Bắc Kạn - Thái Nguyên	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Yên Bái	200			
1	Nhà máy điện gió Nậm Búng	200	2025-2030	ĐZ 220kV hai mạch đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bắc Giang	470			
1	Nhà máy điện gió Bắc Giang 1	55	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối về thanh cái 110kV mở rộng của TBA 110kV Bắc Lũng	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bắc Giang 2	55	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110 kV Sơn Động - TBA 220 kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cẩm Lý	55	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối về trạm biến áp 110kV Bắc Lũng	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Gió Tân Sơn	50	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối về TBA 110kV Lục Ngạn	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió SD Sơn Động	105	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối vào TBA 110kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Yên Dũng	150	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối vào TBA 110kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Lạng Sơn	1414			
1	Nhà máy điện gió Ái Quốc	100	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch kép đầu transit vào ĐZ 220 kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bình Gia	80	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Bình Gia đầu nối transit vào ĐZ 110kV Lạng Sơn - Bình Gia	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cao Lộc	55	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đầu về TBA 110kV Cao Lộc	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Cao Lộc 3	69	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối TBA NMDG Cao Lộc 3 vào TBA 220 kV Lạng Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Chi Lăng	100	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1	50	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn - Bắc Giang	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1.1	50	2025-2030	Lắp thêm 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMDG Cao Lộc 1 để đầu nối NMDG Cao Lộc 1.1.	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Đình Lập	100	2025-2030	Xây dựng TBA220kV và đường dây 220kV mạch đơn đầu nối về Thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Đình Lập 1	50	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ trạm biến áp 110 kV Đình Lập 1 đầu nối vào thanh cái 110kV của trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đình Lập 1.1	50	2025-2030	Lắp thêm 01 máy biến áp 110kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 110kV NMDG Đình Lập 1 để đầu nối NMDG Đình Lập 1.1	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Đình Lập 4	90	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối TBA NMDG Đình Lập 4 vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Đình Lập 5	100	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối TBA NMDG Đình Lập 5 vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Văn Quan 1	50	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 110 kV TBA 220 kV Lạng Sơn - Bình Gia	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
14	Nhà máy điện gió Hữu Kiên	90	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép từ NMDG Hữu Kiên đến đầu nối vào TBA 220kV NMDG Chi Lăng	QĐ 262/QĐ-TTg
15	Nhà máy điện gió Lộc Bình	60	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
16	Nhà máy điện gió Lộc Bình - Pharbaco	50	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối vào TBA 220kV NMDG Cao Lộc 1	QĐ 262/QĐ-TTg
17	Nhà máy điện gió Lộc Bình 1	50	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
18	Nhà máy điện gió Lộc Bình 3	60	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
19	Nhà máy điện gió Thăng Long 3	50	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
20	Nhà máy điện gió Văn Lãng 1	80	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đầu nối vào thanh cái 110kV TBA 220kV Lạng Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
21	Nhà máy điện gió Văn Quan	30	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ trạm 110kV Lạng Sơn - trạm 110kV Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Ninh	370			
1	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1	100	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến trạm 220kV Quảng Ninh 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 2	70	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đầu nối vào trạm 110kV Vân Đồn 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 3	50	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn NMDG Quảng Ninh 3 - TBA 220kV Hải Hà hoặc XDM ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến TBA 220kV Hải Hà hoặc XDM ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến TBA 220kV Cộng Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 4	50	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn NMDG Quảng Ninh 4 - trạm 110kV Cô Tô	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 5	100	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đi TBA 220kV Móng Cái.	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Thái Bình	70			
1	Nhà máy điện gió Tiền Hải - Thái Bình	70	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Thái Nguyên	100			
1	Nhà máy điện gió BPC Võ Nhai	100	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu nối vào trạm 110kV Võ Nhai	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Sơn La	400			
1	Nhà máy điện gió Tà Xùa - Bắc Yên	72	2025-2030	ĐZ 220 kV Nhà máy điện gió Tà Xùa - Bắc Yên - NMĐG Hồng Ngài - Bắc Yên	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Hồng Ngài - Bắc Yên	108	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Hồng Ngài - Bắc Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Phù Yên	70	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối về trạm 220kV HATACO Bắc Yên	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Risen Phù Yên	80	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Risen Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Thiên Vũ Bắc Yên	70	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Thiên Vũ Bắc Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Thanh Hóa	300			
1	Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn	100	2025-2030	ĐZ 220kV NMĐG Bắc Phương - Nghi Sơn - rẽ 220kV Nông Cống - 220kV Nghi Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Mường Lát	200	2025-2030	ĐZ 220kV NMĐG Mường Lát - 220kV TĐ Trung Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Nghệ An	70			
1	Nhà máy điện gió Nam Đàn - giai đoạn 1	70	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đô Lương - Hưng Đông	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Hà Tĩnh	700			
1	Trang trại phong điện HBRE Hà Tĩnh	120	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110kV Kỳ Anh - Vũng Áng	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên 1	70	2025-2030	Đường dây 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NĐ Vũng Áng	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Nhà máy điện gió Kỳ Khang - giai đoạn 1	60	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên 2	100	2025-2030	Đường dây 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NB Vũng Áng hoặc 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NB Formosa	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Kỳ Anh ĐT2, ĐT3	99	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên - giai đoạn 1 (phần trên đất liền)	84	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Kỳ Nam	167	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Đồng Hới	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Bình	520			
1	Nhà máy điện gió Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu (điện gió gần bờ)	80	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép ĐG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đấu nối về TBA 220kV Lệ Thủy hoặc XD ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đến TBA 220kV Quảng Bình 1	QĐ 1682/QĐ-TTg,
2	Nhà máy điện gió Thái Dương 1 (điện gió gần bờ)	80	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Ba Đồn	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Cụm Nhà máy điện gió Hải Ninh (điện gió gần bờ)	80	2025-2030	ĐZ220kV mạch kép đến TBA 220kV Đồng Hới hoặc ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy ĐG Hải Ninh đến TBA 220kV Quảng Bình 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Hal Com Hồng Đức (điện gió gần bờ)	80	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đông Hà mạch 2 qua Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Hồng Đức Halcom đi Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới Trạm cắt 220kV đấu nối tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đông Hà mạch 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Phúc Lộc Thọ (điện gió gần bờ)	80	2025-2030	Xây dựng TBA 35/500kV với tổng công suất 900MVA tại NMĐG Phúc Lộc Thọ; Xây dựng ĐZ mạch đơn 500kV từ NMĐ gió Phúc Lộc Thọ đấu nối về thanh cái 500kV NB Quảng Trạch	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
6	Trang trại điện gió Quảng Bình 2	30	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ba Đồn - NĐ Formosa	QĐ 1682/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Thanh Sơn (gồm Thanh Sơn 1 và Thanh Sơn 2)	30	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đồng Hới - Ba Đồn - Formosa	QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3	30	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy Lệ Thủy 3 đấu vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy	QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3, giai đoạn 3	30	2025-2030	ĐZ mạch kép 220kV từ nhà máy Lệ Thủy 3 đấu vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Ngãi	48			
1	Nhà máy điện gió xung quanh Nhà máy Lọc hóa Dầu Bình Sơn	48	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Trị	448			
1	Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 1	48	2025-2030	ĐZ 220kV đầu nối trạm biến áp 220kV NMĐG LIG Hướng Hóa 1 có điểm đầu là TBA 220kV NMĐG LIG Hướng Hóa 1 và điểm cuối là TBA 220kV NMĐG Hướng Tân thuộc địa bàn xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 2	48	2025-2030	Đường dây 220KV mạch đơn đầu nối đến TBA 35/220kV NMĐG LIG Hướng Hóa 1. Đi chung đường dây 220 kV NMĐG LIG Hướng Hóa 1 đến TBA 35/220KV Hướng Tân.	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 1	50	2025-2030	Đường dây 220kV mạch đơn đầu nối vào TBA 220kV Hướng Tân	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 2	50	2025-2030	Đường dây 22kV 04 mạch từ NMĐG TNC Quảng Trị 2 đầu nối vào TBA 22/220kV NMĐG Quảng Trị 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 1	48	2025-2030	XDM TBA 220kV Quảng Trị Win 1-2 đầu nối về TBA 220kV Hướng Tân, mở rộng 01 ngăn lộ 220kV TBA Hướng Tân	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 2	48	2025-2030	Đầu nối vào TBA 220kV Quảng Trị Win 1-2	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 3	48	2025-2030	Xây dựng TBA 220kV Quảng Trị Win 3 đấu nối vào TBA 220kV Tài Tâm, mở rộng 01 ngăn lộ 220kV TBA Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Hưng Bắc	30	2025-2030	Đấu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió TK Power	48	2025-2030	Đường dây 220kV mạch đơn từ trạm nâng áp 35/220kV NMĐG TK Power đấu nối về TBA 220kV NMĐG Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đức Thắng 2	42	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu về TBA 220kV Tài Tâm	
11	Nhà máy điện gió SCI Tân Thành	30	2025-2030	Đường dây 220kV, mạch đơn từ NMĐG SCI Tân Thành đến TBA 500kV Lao Bảo (Hương Hóa). Xây dựng 1 ngăn lộ 220kV tại TBA 500kV Lao Bảo (Hương Hóa) để đấu nối	QĐ 1682/QĐ-TTg
12	NMĐG Cam Lộ	200	2025-2030	ĐZ 220 kV đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đông Hà - Lao Bảo	
	Tỉnh Kon Tum	154			
1	Nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật - Đắk Glei	50	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Sạc Ly - Kon Tum	104	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp vào 01 mạch ĐZ 220kV Trạm cắt 220kV Bờ Y - TBA 500kV Pleiku 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Gia Lai	1011,3			
1	Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai	96	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Ia Le 1	52,8	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Chơ Long	105,5	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Yang Trung	145	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông	50	2025-2030	ĐZ 220 kV Ia Boòng - Chư Prông - ĐG Nhơn Hoà 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Phú Mỹ	42	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối về trạm 35/220kV Hoàng Ân	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Nhà máy điện gió Hoàng Ân	42	2025-2030	Đầu nối đường dây 220kV về TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Xã Trang	100	2025-2030	ĐZ 220kV đầu vào thanh cái 220kV TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Thăng Hưng	42	2025-2030	ĐZ 220kV đầu vào thanh cái 220kV TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 3	42	2025-2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng áp 220kV ĐG Nhơn Hòa 1 (nối cấp phía 220 kV của TBA 500 kV Nhơn Hoà) để đầu nối NMĐG Nhơn Hòa 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 4	42	2025-2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng áp 220kV ĐG Nhơn Hòa 1 (nối cấp phía 220 kV của TBA 500 kV Nhơn Hoà) để đầu nối NMĐG Nhơn Hòa 4	QĐ 1682/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Ia Ko 1	42	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối từ thanh cái trạm nâng áp 33/220kV NMĐG Ia Ko 1 đầu nối đến thanh cái 220kV TBA 500kV Nhơn Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Ia Ko 2	42	2025-2030	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Ko 1 để đầu nối NMĐG Ia Ko 2.	QĐ 1682/QĐ-TTg
14	Nhà máy điện gió Ia Blứ 1	42	2025-2030	ĐZ 220kV từ TBA nâng 220kV NMĐG Ia Blứ 1 chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Pleiku 2 - Chư Sê - Krông Buk	QĐ 1682/QĐ-TTg
15	Nhà máy điện gió Lơ Pang - Gia Lai	42	2025-2030	ĐZ 220kV chuyển tiếp đường dây 220kV Pleiku 2 - An Khê và đường dây 220kV Pleiku - TD An Khê	QĐ 1682/QĐ-TTg
16	Nhà máy điện gió Chư Sê 1	42	2025-2030	ĐZ 220kV từ TBA nâng 220kV NMĐG Chư Sê 1 vào thanh cái 220kV TBA 220kV Chư Sê	QĐ 1682/QĐ-TTg
17	Nhà máy điện gió Ia Le 2 (thuộc Cụm Nhà máy điện gió Ia Le)	42	2025-2030	ĐZ 220kV chuyển tiếp ĐZ 220kV Pleiku 2 - Krông Buk	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Đắk Lắk	862			
1	Nhà máy điện gió Cư Né 1	50	2025-2030	ĐZ 220 kV đầu nối ĐG Cư Né 1, Cư Né 2, Krông Buk 1, Krông Buk 2 qua TBA 220 kV ĐG Krông Buk vào ĐZ 220 kV Pleiku 2 - Krông Buk	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cư Né 2	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Krông Búk 1	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Krông Búk 2	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Nhà máy điện gió Easin 1	100	2025-2030	ĐZ 220 kV NMDG Easin 1 - trạm cắt 220 kV Cư Né mạch kép. Xây dựng trạm cắt 220 kV Cư Né và đường dây 220 kV bốn mạch Cư Né - Rẽ Pleiku 2 - Krong Buk (chuyển tiếp trên cả 02 mạch đường dây 220 kV Pleiku 2 - Krông Buk)	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Krongbuk 3	100	2025-2030	Mở rộng 01 ngăn MBA trạm biến áp nâng áp 35/220 kV NMDG Ea Sin 1 kiểu ngoài trời với quy mô như sau: 01 ngăn MBA 35/220 kV - 125 MVA đấu nối NMDG Krông Búk 3, nâng công suất trạm nâng áp NMDG Easin 1 lên 2x125 MVA. Tận dụng hạ tầng đấu nối NMDG Easin 1	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Thuận Phong Đắc Lắc	100	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - Nha Trang	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Tân Lập - Ea Hồ	50	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Krông Búk - Krông Năng.	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Cư Pong 1,2	80	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV từ trạm 500kV Krông Búk - trạm 220kV Krông Búk	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Krông Năng 1.1; 1.2	80	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm biến áp 110kV NMDG Krông Năng 1.1 đấu nối đến 110kV Krông Năng	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió NT 1; NT 2	75	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm biến áp 110kV NMDG NT 1 đấu nối về thanh cái 110kV TBA 110kV Krông Păk	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Ea Sin	77	2025-2030	ĐZ 220kV ĐG Ea Sin - TBA 500kV Ea Nam	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Đắk Nông	510			
1	Nhà máy điện gió Tuy Đức	50	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối về thanh cái 220 TBA 220kV Đắk Nông	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Tuy Đức 10	60	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép NMDG Tuy Đức 10 đấu nối về NLMR tại TBA220kV Đắk Nông	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nam Bình 1	50	2025-2030	Đấu về thanh cái 220kV ĐG Đắk Hòa	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Đắc N'Drung 1	100	2025-2030	Đấu về thanh cái 220kV Trạm biến áp 500kV	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Đắc N'Drung 2	100	2025-2030	Đấu về thanh cái 35kV/220kV trạm biến áp Điện gió Đắc N'Drung 1	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
6	Đắc N'Drung 3	100	2025-2030	Đầu về thanh cái 35kV/220kV trạm biến áp Điện gió Đắc N'Drung 1	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Asia Đắc Song 1	50	2025-2030	Chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Đắc Song-Đắc Mil	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bình Định	143			
1	Nhà máy điện gió Vân Canh Bình Định	143	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối vào TBA 110kV Vân Canh	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Phú Yên	414			
1	Trang trại phong điện HBRE An Thọ giai đoạn 1	200	2023-2025	ĐZ 220kV đấu nối vào TBA 220kV Tuy Hòa	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió xanh Sông Cầu giai đoạn 1	50	2023-2025	ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Sông Cầu 2	82	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió LRSH Sơn Hòa	82	2025-2030	Xây dựng trạm 220 kV NMĐG Sơn Hòa và đường dây 220 kV ACSR400 dài 24 km đấu nối vào thanh cái 220 kV trạm biến áp 220 kV Tuy Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Khánh Hòa	102			
1	Nhà máy điện gió Nexif Energy Khánh Hòa 1	102	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp vào 1 mạch ĐZ 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Ninh Thuận	337,5			
1	Nhà máy điện gió Phước Hữu	50	2023-2027		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện dùng năng lượng tái tạo Phước Nam - Enfinity - Ninh Thuận	65	2023-2027	Đầu nối chuyển tiếp trên một mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió BIM mở rộng giai đoạn 2	50	2023-2027	Đầu nối về TBA 220kV NMĐG BIM (hiện hữu)	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Tri Hải	39,5	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Một phần Công suất Nhà máy điện gió Hanbaram	93	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió V2	40	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đến thanh cái 220kV TBA 500kV Thuận Nam	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Bình Thuận	497,9			
1	Dự án điện gió Hoà Thắng 1.2	100	2025-2030	Đầu nối vào đường dây 110 kV Lương Sơn - Hoà Thắng - Mũi Né	QĐ 262/QĐ-TTg , Tháo gỡ theo NQ 233/NQ-CP
2	NMĐG Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 2	29,7	2025-2030	Theo phương án đã được phê duyệt	
3	NMĐG Hòa Thắng 2.2	19,8	2025-2030	Theo phương án đã được phê duyệt	
4	NMĐG Hồng Phong 2	20	2025-2030	Theo phương án đã được phê duyệt	
5	NMĐG Hàm Kiệm 2	15	2025-2030	Theo phương án đã được phê duyệt	
6	ĐG Hòa Thắng 2.2 giai đoạn 2	30	2025-2030	Theo phương án đã được phê duyệt	
7	Dự án Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 3	30	2025-2030	XDM TBA 220 kV Phong điện 1 - Bình Thuận và ĐZ 220 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	
8	Dự án Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 4	30	2025-2030	XDM TBA 220 kV Phong điện 1 - Bình Thuận và ĐZ 220 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	
9	Dự án điện gió khu vực huyện Tuy Phong	100	2025-2030	Đầu nối ở cấp điện áp 110 kV, sử dụng hệ thống truyền tải của các dự án điện gió	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Dự án điện gió khu vực huyện Bắc Bình	123.4	2025-2030	Đầu nối ở cấp điện áp 110 kV, sử dụng hệ thống truyền tải của các dự án điện gió	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Lâm Đồng	216,9			
1	Nhà máy điện gió Cầu Đất	68,9	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Đức Trọng	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Xuân Trường 1	50	2025-2030	Đầu nối NMĐG Xuân Trường 1 vào NMĐG Xuân Trường 2	QĐ 1682/QĐ-TTg, tính đề xuất điều chỉnh vị trí dự án

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
4	Nhà máy điện gió Xuân Trường 2	48	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Đa Nhim - Đơn Dương. XDM TBA 110 kV ĐG Xuân Trường 2, công suất 63 MVA	QĐ 1682/QĐ-TTg, tỉnh đề xuất điều chỉnh vị trí dự án
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	103			
1	Nhà máy điện gió Công Lý Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 1	103	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu nối vào TBA 110 kV Hồ Tràm	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bến Tre	605,8			
1	Nhà máy điện gió số 5 Bến Tre giai đoạn 2 (NMĐG Thanh Hải 2,3,4)	85,8	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Nexif Bến Tre giai đoạn 2, 3	50	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Thanh Phú	120	2025-2030	ĐZ 110kV NMĐG Thanh Phú - 110kV trạm cắt Bình Thạnh - 110kV Bình Thạnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Bảo Thạnh	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió số 19 Bến Tre	50	2025-2030	Xây dựng TBA 220kV Bình Đại quy mô 2x250MVA + 2x63MVA (Giai đoạn 1: lắp đặt 01 máy biến áp 63MVA phục vụ đấu nối nhà máy điện gió số 19 và 01 máy biến áp 63MVA phục vụ đấu nối nhà máy điện gió số 20). Mở rộng ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Bến Tre. Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép Bình Đại - Bến Tre dài 50 km	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió số 20 Bến Tre	50	2025-2030	Đấu nối về máy biến áp 63MVA tại TBA 220kV Bình Đại (chia sẻ chi phí xây dựng trạm biến áp 220kV Bình Đại và chi phí mở rộng ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Bến Tre). Chia sẻ chi phí xây dựng ĐZ 220kV mạch kép Bình Đại - Bến Tre.	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Hải Phong	200	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Bạc Liêu	817			
1	Nhà máy điện gió Nhật Bản - Bạc Liêu	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
2	Nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn III	141	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Hòa Bình 3	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 3 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 2	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Hòa Bình 2-1	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 2-1 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 2	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Hòa Bình 4	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 4 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 1	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6	40	2025-2030	ĐZ 220 kV NMDG Hòa Bình 6 - NMDG Kosy Bạc Liêu (giai đoạn 1) hoặc đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Hòa Bình 8	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 8 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Bình - Bạc Liêu.	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Hòa Bình 5.1	80	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 5.1 đến TBA 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối về TBA 220kV NMDG Hòa Bình 5 (giai đoạn 1)	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 3	50	2025-2030	Đấu nối về TC110kV trạm cắt Hòa Bình 2 thuộc NMDG Đông Hải 1 (dùng chung ĐZ đấu nối 110kV từ Trạm cắt Hòa Bình 2 tới ĐZ 110kV Đông Hải - Hòa Bình) hoặc ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Đông Hải 1 - giai đoạn 3 tới trạm 220kV Giá Rai	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đông Hải 6	30	2025-2030	Đấu nối từ NMDG Đông Hải 6 vào TBA 220kV Hòa Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Đông Hải 5	36	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình sử dụng chung đường dây đấu nối với nhà máy điện gió Đông Hải 6	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió An Phúc Đông Hải	40	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình sử dụng chung đường dây đấu nối với nhà máy điện gió Đông Hải 6	QĐ 262/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Đông Hải 13	100	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối từ NMDG Đông Hải 13 vào TBA 220kV Giá Rai	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
14	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMĐG Đông Hải 3 - giai đoạn 1 vào 110kV TBA 110kV Đông Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Tiền Giang	200			
1	Nhà máy điện gió Tân Thành	100	2025-2030	Trạm 110kV Điện gió Tân Thành - Rẽ Điện gió Tân Phú Đông 2 - Gò Công Đông; trạm biến áp nâng áp 2x63MVA	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1	100	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Trà Vinh	632,5			
1	Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh (phần còn lại)	64,5	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg. Tổng công suất 77,3 MW, đã vận hành 12,8 MW
2	Nhà máy điện gió Đông Thành 1	80	2025-2030	ĐZ 220 kV đấu nối ĐG Đông Thành 1 đến trạm 500kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Đông Thành 2	120	2025-2030	Gom chung với ĐG Đông Thành 1	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Thăng Long	96	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu vào TBA 220kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3)	48	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-3 về TBA 220kV ĐG Đông Thành 1	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió V1-5 và V1-6 giai đoạn 2	80	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối TBA 110kV ĐG V1-5 và V1-6 giai đoạn 2 chuyển tiếp trên ĐZ 110kV đấu nối ĐG Hiệp Thạnh - ĐG V1-3	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Duyên Hải 2	96	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió số 3 (vị trí V3-8)	48	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-8 vào thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-7	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Sóc Trăng	1143,4			
1	Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2	123,6			QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió số 7 - giai đoạn 2	90	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Nhà máy điện gió số 11	100,8	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Trần Đề	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Sông Hậu	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
7	Cụm Nhà máy điện gió Phú Cường 1A và 1B	200	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Sóc Trăng 4	350	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu	129	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối từ TBA 220kV dự án về thanh cái 220kV TBA 220kV Vĩnh Châu	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh An Giang	50	2025-2030		
1	Nhà máy điện gió JR An Giang	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Cà Mau	860			
1	Nhà máy điện gió Viên An	50	2023-2030	ĐZ 110kV mạch đơn TBA 110kV NMDG Viên An - TBA 110kV Rạch Gốc	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cà Mau 1A	88	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cà Mau 1B	88	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1	100	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 - TBA 110kV NMDG Khai Long giai đoạn 2	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió An Đông 1	50	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG An Đông 1 đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ NMDG Viên An - TBA 110kV Rạch Gốc	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Khánh Bình Tây	50	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Khánh Bình Tây - TBA 110kV Trần Văn Thời	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 2	100	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Khai Long giai đoạn 2 - TBA 220kV Năm Căn	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
8	Nhà máy điện gió Cà Mau 1C	88	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Cà Mau 1D	86	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 3	100	2025-2030	Trạm biến áp 110kV NMĐG Khai Long giai đoạn 2, lắp thêm máy biến áp T3 và T4; sử dụng chung đường dây 110kV NMĐG Khai Long giai đoạn 2	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Viên An Đông	60	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Viên An Đông - TBA 220kV NMĐG Viên An	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Hậu Giang	100			
1	Nhà máy điện gió Long Mỹ 1	100	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Kiên Giang	137			
1	Nhà máy điện gió Hòn Đất 1	77	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Hòn Đất 1 - Rẽ Rạch Giá - Kiên Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Kiên Lương 1	60	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg

Bảng 13: Danh mục các dự án điện gió trên bờ, gần bờ được phân bổ thêm cho các địa phương theo từng giai đoạn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
Danh mục các dự án được phân bổ tăng thêm, đưa vào vận hành giai đoạn 2025-2030			
Tỉnh Điện Biên		779	
1	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	175	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA NMDG BCG Điện Biên 2 về TBA 220kV Điện Biên
2	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ 2	150	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nậm Pồ - Lai Châu về TBA 500kV Lai Châu
3	Nhà máy điện gió Mường Ảng	108	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối từ TBA 110kV ĐG Mường Ảng vào TC110kV của TBA 220kV Điện Biên
4	Nhà máy điện gió Điện Biên Đông (Giai đoạn 1)	126	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ TBA 220kV Điện Biên đến TBA 500kV
5	NMDG Tia Dình	120	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA 220kV NMDG Tia Dình về TC 220kV TBA NMDG Điện Biên Đông (Giai đoạn 1)
6	NMDG Mường Chà	50	ĐZ 110kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Tuần Giáo - TBA 500kV Lai Châu
7	NMDG Điện Biên Đông	50	ĐZ 110kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TBA Sông Mã 3 - TBA 110kV Điện Biên Đông
Tỉnh Bắc Kạn		266	
1	Nhà máy điện gió Hương Nê	100	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp ĐZ 110kV Bắc Kạn - Cao Bằng. XDM TBA 35/220kV NMDG Hương Nê quy mô công suất 1x125MVA
2	Nhà máy điện gió Thượng Quan	100	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp đường dây 110kV Bắc Kạn - Cao Bằng. XDM TBA 35/220kV NMDG Thượng Quan quy mô công suất 1x125MVA
3	Nhà máy điện gió Yên Hạ	66	XDM ĐZ 220kV mạch đơn từ trạm 220kV NMDG Yên Hạ về thanh cái 220kV tại TBA220kV NMDG Thiên Long - Chợ Mới; XDM TBA 35/220kV NMDG Yên Hạ quy mô công suất 1x75MVA
Tỉnh Yên Bái		160	
1	Điện gió Trạm Tấu	60	Đường dây 110 kV 1 mạch, đấu nối từ TBA 110kV NMDG Trạm Tấu về ngăn lộ 110kV TBA 220kV Nghĩa Lộ.
2	Điện gió Trạm Tấu 1	100	Đường dây 220 kV 1 mạch đấu nối từ TBA 220kV NMDG Trạm Tấu 1 về TBA 220kV Nghĩa Lộ.
Tỉnh Quảng Ninh		300	
1	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1- Giai đoạn 2	100	ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Quảng Ninh 1
2	Nhà máy điện gió tại huyện Bình Liêu, huyện Tiên Yên	100	ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Hải Hà. Hoặc Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Cộng Hòa
3	Nhà máy điện gió tại thành phố Móng Cái	100	ĐZ 220kV mạch kép đi TBA 220kV Móng Cái

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
	Tỉnh Sơn La	503	
1	Điện gió Mai Sơn	128	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ TBA 220kV Sơn La - TBA 500kV Sơn La
2	Điện gió Tây Phù Yên	100	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Sơn La - Việt Trì
3	Điện gió Mường Sam	150	ĐZ 220kV đầu nối vào TBA 220kV Sông Mã
4	Điện gió Bắc Yên 1	125	Xây dựng đường dây 220kV mạch kép, đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Sơn La - Việt Trì
	Tỉnh Thanh Hóa	245	
1	Điện gió Thái Hải Hùng	30	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối Dự án Điện gió Thái Hải Hùng vào TBA 220kV Sầm Sơn
2	Nhà máy điện gió Hoằng Hóa	115	ĐZ 220kV từ TBA 220kV dự án đến TBA 220kV Hậu Lộc
3	Nhà máy điện gió Nghi Sơn 1	50	Đầu nối vào lưới 220kV/110kV hiện trạng
4	Nhà máy điện gió Nghi Sơn 2	50	Đầu nối vào lưới 220kV/110kV hiện trạng
	Tỉnh Nghệ An	200	
1	Nhà máy điện gió Nam Đàn giai đoạn 2	130	Sử dụng chung hạ tầng ĐZ đầu nối 220kV Đô Lương - Hưng Đông (xây dựng trong giai đoạn 1 của dự án)
2	Điện gió Quỳnh Lập 2	70	ĐZ 110kV mạch đơn NMDG Quỳnh Lập 2 kết nối đến Trạm biến áp 110kV Hoàng Mai
	Tỉnh Hà Tĩnh	1604,5	
1	Nhà máy điện gió Kỳ Anh DT1	49,5	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối đến NMDG DT2
2	Nhà máy điện gió Eco Wind Kỳ Anh	498	ĐZ 500 kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 500kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
3	Nhà máy điện gió Kỳ Ninh - Hà Tĩnh	198	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
4	Nhà máy điện gió Hồ Đá Cát	40	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
5	Nhà máy điện gió Kỳ Khang - giai đoạn 2	60	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối Nhà máy ĐG Kỳ Khang giai đoạn 1
6	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên - giai đoạn 2 (phần gần bờ)	84	Chia sẻ đầu tư xây dựng với ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh
7	Nhà máy điện gió Kỳ Anh	400	ĐZ 500kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 500kV mạch 3
8	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 1	65	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
9	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 2	50	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
10	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 3	50	ĐZ 110kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 110kV TBA 220kV Nhà máy điện gió Kỳ Anh 1
11	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 4	60	ĐZ 220kV mạch kép, đầu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
12	Nhà máy điện gió Kỳ Anh DT3 mở rộng	50	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối đến NMDG DT3

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
	Tỉnh Quảng Bình	997,5	
1	Nhà máy điện gió Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu (điện gió gần bờ)	120	ĐZ 220kV mạch kép ĐG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đấu nối về TBA 220kV Lệ Thủy hoặc XD ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đến TBA 220kV Quảng Bình 1
2	Nhà máy điện gió Thái Dương 1 (điện gió gần bờ)	120	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Ba Đồn
3	Cụm Nhà máy điện gió Hải Ninh (Điện gió gần bờ)	118	ĐZ220kV mạch kép đến TBA 220kV Đồng Hới hoặc ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy ĐG Hải Ninh đến TBA 220kV Quảng Bình 2
4	Nhà máy Điện gió HalCom Hồng Đức (Điện gió gần bờ)	120	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2 qua Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Hồng Đức Halcom đi Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới Trạm cắt 220kV đấu nối tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2
5	Nhà máy điện gió Phúc Lộc Thọ (Điện gió gần bờ)	120	Xây dựng TBA 35/500kV với tổng công suất 900MVA tại NMĐG Phúc Lộc Thọ; Xây dựng ĐZ mạch đơn 500kV từ NMD gió Phúc Lộc Thọ đấu nối về thanh cái 500kV ND Quảng Trạch
6	Nhà máy điện gió Quảng Bình 1	70	Đấu nối vào TBA Tuyên Hóa 110kV, mạch đơn
7	Trang trại điện gió Quảng Bình 2	70	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ba Đồn - ND Formosa
8	Nhà máy điện gió Thanh Sơn (gồm Thanh Sơn 1 và Thanh Sơn 2)	60	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đồng Hới - Ba Đồn - Formosa
9	Nhà máy điện gió Phú Định	69	ĐZ110kV mạch đơn từ trạm tăng áp 110kV NMĐG Phú Định về trạm 110kV Bắc Đồng Hới
10	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3	110.5	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy Lệ Thủy 3 vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy. Hoặc xây dựng ĐZ, TBA 110 kV nhà máy điện gió đấu nối vào đường dây, TBA 110 kV khu vực huyện Lệ Thủy
11	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3, Giai đoạn 3 - tăng công suất	20	ĐZ mạch kép 220kV từ nhà máy Lệ Thủy 3 vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy. Hoặc ĐZ, TBA 110 kV nhà máy điện gió đấu nối vào đường dây, TBA 110 kV khu vực huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh
	Tỉnh Quảng Trị	493,4	
1	SCI Tân Thành (phần còn lại)	12	Đấu nối chung NMĐG SCI Tân Thành
2	Hưng Bắc (phần còn lại)	40	Đấu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Tài Tâm
3	Tân Hợp 1	50	Đấu nối vào TBA 110 kV NMĐG Tân Hợp
4	Phong Liễu mở rộng	35	Đấu nối vào TBA 220kV Hướng Tân
5	AMACCAO - Quảng Trị 2	48	ĐZ 220kV ĐG Amaccao Quảng Trị 2 - Ngăn lộ mở rộng NMĐG Amaccao Quảng Trị 1
6	Phúc Thành An Quảng Trị	48	Đấu nối vào TBA 220kV Hướng Tân
7	My Anh Quảng Trị 1	48	Đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 220kV Lao Bảo
8	Nhà máy điện gió SCI Ba Tầng 1	25	Đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV SCI Tân Thành bằng ĐZ mạch đơn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
9	Quảng Trị Win 5	48	XDM các ĐZ trung áp đấu nối về phía 35 kV của MBA 35/220 kV Quảng Trị Win 5-6 - 125 MVA
10	Quảng Trị Win 6	48	XDM TBA 220 kV Quảng Trị Win 5-6 - 125 MVA; XDM ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối TBA Quảng Trị Win 5-6 đến TBA 220 kV Lao Bảo (Hương Hoá)
11	Phúc Thành An Vĩnh Phúc	30	Đấu nối vào TBA 220 kV Hương Tân
12	Đức Thắng 2 (phần còn lại)	20	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối về TBA 220 kV NMDG Tài Tâm
13	TK Power (phần còn lại)	20	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối về TBA 220 kV NMDG Tài Tâm
14	Cam Lộ 1	36	ĐZ 220 kV NMDG Cam Lộ 1 - Đông Hà
15	Licogi 16 - Quảng Trị	30	ĐZ 220 kV NMDG Licogi 16 - Quảng Trị - Lao Bảo
	Tỉnh Kon Tum	430,75	
1	Điện gió Chư Hreng (giai đoạn 1)	150	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối vào ngăn lộ 220kV TBA 500kV Kon Rẫy
2	Điện gió Sạc Ly - Kon Tum (giai đoạn 2)	96	Đấu nối về TBA 220kV NMDG Sạc Ly - Kon Tum. Lắp thêm 01 MBA công suất 1x125MVA tại trạm biến áp 220kV NMDG Sạc Ly-Kon Tum
3	Điện gió Kon Plong	103.5	TBA nâng áp NMDG Kon Plông 35/220kV, công suất 150MVA. Xây dựng trạm cắt 220kV Kon Plông để gom công suất NMDG Kon Plông và đấu nối vào hệ thống điện quốc gia. XDM ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 35/220kV NMDG Kon Plông đấu về thanh cái 220kV trạm cắt Kon Plông. Xây dựng ĐZ 220kV bốn mạch từ trạm cắt 220kV Kon Plông đấu chuyển tiếp trên hai mạch đường dây 220kV thủy điện Thượng Kon Tum - 220kV Quảng Ngãi
4	Điện gió Đắk Tờ Re	81.25	Đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 110kV Kon Tum - Kon Plông bằng đường dây 110kV; phương án dự phòng: đấu nối về TBA 500kV Kon Rẫy
	Tỉnh Gia Lai	849	
1	NMDG Chư Sê - Envision	40	Đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Chư Sê - Krong Buk (mạch 2)
2	NMDG Ia Blư 1 (GD2)	42	Đấu nối NMDG Ia Blư 1 (GD 2) về TBA 220kV NMDG Ia Blư 1
3	NMDG Chư Pưh 1.1	45	XDM TBA nâng 220 kV NMDG Chư Pưh 1.1, công suất 125 MVA. ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMDG Chư Pưh 1.1 đấu nối đến TBA 220kV nâng áp Ia Bông - Chư Prông. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMDG Chư Pưh 1.1
4	NMDG Chư Pưh 1.2	45	XDM các ĐZ trung thế đấu nối về phía trung áp của TBA nâng 220 kV NMDG Chư Pưh 1.1
5	NMDG TNE 1	45	XDM TBA nâng 220 kV NMDG TNE 1, công suất 63 MVA. ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMDG TNE 1 đấu nối đến TBA 220kV Chư Pưh 1.1. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMDG TNE 1
6	NMDG TNE 2	45	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMDG TNE 1 để đấu nối

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
			NMĐG TNE 2. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG TNE 2
7	NMĐG TNE 3	45	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 3. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG TNE 3
8	NMĐG Xã Trang (GD2)	100	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
9	NMĐG Bờ Ngoong	100	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
10	NMĐG Thăng Hưng (GD 2)	38	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
11	NMĐG Phú Mỹ (GD 2)	38	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Phú Mỹ đến TBA 220kV NMĐG Hoàng Ân và đi chung về TBA 500kV Pleiku 3
12	NMĐG An Thành Gia Lai	40	Đấu nối bằng ĐZ 220 kV NMĐG An Thành Gia Lai sử dụng cột 4 mạch đấu nối transit vào 02 ĐZ 220kV Pleiku - ĐSK An Khê và Pleiku 2 - An Khê
13	NMĐG Ia Dreng 1 - Chư Puh	40	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng 35/220kV NMĐG Ia Dreng 1 - Chư Puh vào thanh cái 220kV trạm 220kV Chư Sê
14	NMĐG Ia Hla	40	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn về TBA 500kV Nhơn Hoà
15	NMĐG Ia Blứ 1 - Chư Puh	40	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa, (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
16	NMĐG Ia Blứ 2 - Chư Puh	40	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
17	NMĐG Hoàng Ân (GD2)	28	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Hoàng Ân đến TBA 500kV Pleiku 3
18	NMĐG Chư Sê 1 (GD2)	38	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Chư Sê 1 vào TBA 220kV Chư Sê
	Tính Đắc Lắc	985	
1	Nhà máy điện gió Krông Ana 1	160	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Krông Ana 1 đấu nối về TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin)
2	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 - Giai đoạn II;	100	ĐZ 220kV đấu nối về TBA 220kV Krông Buk
3	Nhà máy điện gió E&M Đắc Lắc	95	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Buk - Nha Trang
4	Điện gió Thanh Phong Giai đoạn 1	100	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Buk - Pleiku 2
5	Nhà máy điện gió Ea Sin 2	250	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV NMĐG Ea Nam
6	Nhà máy điện gió Thuận Phong 2, GD 1	100	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV trạm 500kV Krông Buk - Krông Buk
7	Điện gió HLP Krông Năng	50	Đấu nối tại thanh cái 110kV của TBA 110kV nâng áp HLP Ea HLeo 1
8	Nhà máy điện gió Chư Kbo, GD 1	50	ĐZ 220kV mạch đơn từ NMĐG Chư Kbo đấu nối về TBA 500kV của NMĐG Ea Nam

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
9	Dự án Nhà máy điện gió Diên Ya-Krông Năng, GD 1	80	ĐZ 110kV mạch đơn từ TBA 110kV nhà máy điện gió về HTPP 110kV TBA 220kV Krông Búk
	Tỉnh Bình Định	1233	
1	Nhà máy điện gió Hòn Trâu - Giai đoạn 1	750	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Hòn Trâu 1 (khu vực HT1A) đi TBA 220kV Phù Mỹ và XDM ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Hòn Trâu 1 (khu vực HT1B) đi TBA 220kV Nhơn Hội
2	Nhà máy điện gió Vĩnh Thuận	143	ĐZ 110kV mạch kép từ TBA 110kV NMĐG Vĩnh Thuận đấu nối vào TC110kV của TBA 110kV Đồn Phó
3	Nhà máy điện gió Vân Canh 1	160	ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV ĐG Vân Canh 1 đấu nối transit trên ĐZ 220kV Quy Nhơn - TĐ An Khê và ĐZ 220kV Phước An - TĐ An Khê
4	Nhà máy điện gió Vân Canh 2	180	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV ĐG Vân Canh 2 đấu nối vào TC220kV TBA 220kV ĐG Vân Canh 1
	Tỉnh Phú Yên	300	
1	Dự án điện gió Sông Cầu 2 giai đoạn 2	38	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Sông Cầu đấu nối vào TBA 220kV NMĐG Sông Cầu 1
2	Dự án điện gió Sông Cầu 1 giai đoạn 1	50	Đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu, đường dây 220kV mạch đơn
3	Dự án điện gió Sơn Long	50	ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV Phú Hòa
4	Dự án điện gió EaBar	50	ĐZ 220 kV đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220 kV Krông Buk - Sông Ba Hạ
5	Dự án điện gió LRSH Sơn Hòa giai đoạn 2	18	Xây dựng trạm 220 kV MĐG Sơn Hòa và ĐZ 220 kV ACSR400 đấu nối vào TBA 220 kV Tuy Hòa
6	Dự án điện gió VICO	44	Đấu nối vào TBA 220kV Tuy Hòa, đường dây 220kV
7	Dự án điện gió LRSC Sông Cầu	50	Đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu, đường dây 110kV mạch đơn
	Tỉnh Khánh Hòa	200	
1	Nhà máy điện gió TDX Khánh Hòa 1	100	ĐZ 220 kV với 02 mạch đấu nối chuyển tiếp trên mạch 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
2	Nhà máy điện gió EEC Khánh Hòa	100	Đấu nối vào 2 mạch của đường dây 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
	Tỉnh Ninh Thuận	1039	
1	Điện gió Tri Hải (giai đoạn 2)	39.5	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2 từ giai đoạn 1
2	Điện gió Bắc Sơn	60.5	ĐZ 220kV từ NMĐG Bắc Sơn đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2
3	Điện gió hồ Núi Một	50	Đường dây 35(22) kV 6 mạch từ Nhà máy đến TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2; Nâng công suất TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2 lên (100+125) MVA
4	Điện gió BIM mở rộng giai đoạn 3	120	Đấu nối về TBA 220kV NMĐG BIM (hiện hữu); Đầu tư mở rộng MBA T2 33/33/200kV, công suất 200MVA tại vị trí dự phòng TBA 220kV NMĐG BIM. Đầu tư mở rộng các ngăn lộ 220kV tại TBA 220kV NMĐG BIM đồng bộ với MBA T2 và hoàn thiện sơ đồ nối điện tại TBA 220kV NMĐG BIM. Đầu tư mở rộng 01

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
			ngăn lộ 220kV tại Trạm cắt Quán Thê (278). Treo mạch 2 ĐZ 220kV NMDG BIM - Trạm cắt Quán Thê
5	Điện gió V2 - Mở rộng	769	ĐZ 220kV mạch kép ĐG biển Phước Dinh - TBA 500 kV Thuận Nam
	Tỉnh Bình Thuận	242	
1	NMDG khu vực biển gần bờ huyện Tuy Phong, Bắc Bình	100	Đầu nối vào lưới điện 220 kV gần khu vực dự án
2	NMDG khu vực biển gần bờ huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Tân, thị xã La Gi	142	Đầu nối vào lưới điện 220 kV gần khu vực dự án
	Tỉnh Lâm Đồng	200	
1	Dự án điện gió Cầu Đất giai đoạn 2	200	Xây dựng TBA nâng áp 22/220kV, công suất 2x125MVA: ĐZ 22kV mạch đơn từ TBA 220kV đầu nối về TC 220kV trạm cắt 220kV Đa Nhim, mở rộng ngăn lộ ĐZ 220kV trạm cắt 220kV Đa Nhim.
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100	
1	Nhà máy điện gió gần bờ Xuyên Mộc giai đoạn 3	100	ĐZ 110 kV đầu nối vào TC110kV của TBA 220 kV Phước Thuận
	Tỉnh Bến Tre	500	
1	NMDG huyện Ba Tri	50	ĐZ 110kV NMDG huyện Ba Tri - 220kV Bình Đại
2	NMDG huyện Bình Đại 1	50	ĐZ 110kV NMDG huyện Bình Đại 1 - 220kV Bình Đại
3	NMDG huyện Bình Đại 2	50	ĐZ 110kV NMDG huyện Bình Đại 2 - 220kV Bình Đại
4	NMDG huyện Bình Đại 3	100	ĐZ 110kV NMDG huyện Bình Đại 3 - 220kV Bình Đại
5	NMDG Thạnh Phú 1	125	ĐZ 110kV NMDG Thạnh Phú 1 - 220kV Thạnh Phú
6	NMDG Thạnh Phú 2	75	ĐZ 110kV NMDG Thạnh Phú 2 - 220kV Thạnh Phú
7	NMDG Thạnh Phú 3	50	ĐZ 110kV NMDG Thạnh Phú 3 - 220kV Thạnh Phú
	Tỉnh Bạc Liêu	270	
1	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 Giai đoạn 4	50	ĐZ 220 kV đầu nối từ NMDG Đông Hải 1 - giai đoạn 4 tới TBA 220 kV NMDG Đông Hải 13
2	Nhà máy điện gió Đông Hải 13 Giai đoạn 2	70	Đầu nối vào trạm 220 kV Giá Rai, sử dụng chung đường dây đầu nối với NMDG Đông Hải 13
3	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 2	50	Lắp đặt máy biến áp NMDG Đông Hải 3 giai đoạn 2 trong trạm 110 kV
4	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6 - giai đoạn 2	100	Đường dây 220 kV đầu nối từ NMDG Hòa Bình 6 - GĐ2 vào TBA 220 kV Hòa Bình
	Tỉnh Tiền Giang	100	
1	Điện gió Tân Thành 2	100	ĐZ 220 kV đầu nối về TBA 220 kV Gò Công
	Tỉnh Trà Vinh	1402	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
1	Dự án Nhà máy điện gió số 3 (vị trí V3-8) - mở rộng	160	Lắp mở rộng thêm 2 MBA công suất 2x90MVA tại TBA 220kV NMĐG số 3 (Vị trí V3-8). Sử dụng chung hạ tầng ĐZ truyền tải NMĐG số 3
2	Dự án Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3) mở rộng	120	Đường dây 220kV đấu nối, chia sẻ hạ tầng trạm và đường dây 220kV từ Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (Vị trí V3-3) đến Trạm biến áp 500kV Duyên Hải
3	Dự án Nhà máy điện gió tại vị trí V3-6	275	Xây dựng TBA 220kV ĐG V3-6 và ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-6 về thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-7
4	Dự án Nhà máy điện gió V3-5	120	Xây mới TBA 220kV NMĐG V3-5 và ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-5 về thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-6
5	Dự án Nhà máy điện gió V3-7	329	Xây mới TBA 220kV NMĐG V3-7 và ĐZ 220kV 04 mạch đấu nối TBA 220kV NMĐG V3-7 chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ NB Duyên Hải - Trà Vinh
6	Nhà máy điện gió Đông Hải 4	148	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV ĐG Đông Hải 3 - ĐG Đông Thành 1
7	Nhà máy điện gió V3-2	250	Xây dựng TBA 220kV ĐG V3-2 và ĐZ 220kV đấu nối Dự án điện gió V3-2; Đấu nối về thanh cái 220kV của trạm 220kV Trà Vinh 3 và một mạch về thanh cái 220kV trạm 220kV ĐG Đông Hải 3
	Tỉnh Sóc Trăng	988	
1	Điện gió Vĩnh Hải 1	400	ĐZ 220kV từ TBA 220kV NMĐG gần bờ Vĩnh Hải đi TBA 220kV Vĩnh Châu (sử dụng hạ tầng đấu nối sẵn có của Dự án Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu - 129MW) .
2	Điện gió Vĩnh Hải 2	270	ĐZ 220kV từ TBA 220kV dự án đấu về TBA 220kV Trần Đề
3	Điện gió Lạc Hòa 3	50	Tận dụng hạ tầng hiện có, mở rộng thanh cái TBA 110kV - NMĐG Lạc Hòa GĐ1, lắp thêm máy biến áp
4	Điện gió Mỹ Thanh	68	Xây dựng mới TBA 110kV của dự án. Đường dây 110kV mạch kép đấu nối từ trạm biến áp 110kV dự án về trạm biến áp 110kV KCN Mỹ Thanh
5	Điện gió Vĩnh Tân	200	Tận dụng hạ tầng hiện có, mở rộng thanh cái TBA 220kV - Cụm NMĐG Phú Cường Sóc Trăng 1A và 1B, lắp thêm máy biến áp
	Tỉnh An Giang	50	
1	Nhà máy điện gió An Giang 2	50	ĐZ 110kV mạch đơn từ đầu vào TBA 110 kV NMĐG An Giang 1
	Tỉnh Cà Mau	387	
1	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Viên An	100	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiển - Viên An - TBA 220kV NMĐG Viên An
2	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tam Giang Tây	100	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiển - Tam Giang Tây - TBA 220kV Cà Mau 3
3	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Rạch Gốc	60	ĐZ 110kV 1 mạch TBA 110KV NMĐG Ngọc Hiển - Rạch Gốc - TBA 110kV Rạch Gốc
4	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Đất Mũi	67	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Ngọc Hiển - Đất Mũi - TBA 220kV NMĐG Viên An

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
5	Nhà máy điện gió Ngọc Hiến - Tân Ân 1	60	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMDG Ngọc Hiến - Tân Ân 1 - TBA 220kV Cà Mau 3
	Tỉnh Hậu Giang	100	
1	Điện gió Sao Mai 1	100	ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối transit vào ĐZ 110kV Long Mỹ - Hồng Dân
	Tỉnh Kiên Giang	171	
1	Nhà máy điện gió tại huyện Hòn Đất (II)	43	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình.
2	Nhà máy điện gió Kiên Lương 2	65.6	ĐZ 110kV đấu nối về TBA 110kV của nhà máy điện gió Kiên Lương 1
3	Nhà máy điện gió An Biên, An Minh	62.4	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110kV An Biên - Lại Sơn
	Thành phố Huế	100	
1	Nhà máy điện gió Phong Điền	100	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMDG Phong Điền đến trạm 220kV Phong Điền
	Tỉnh Khánh Hòa	200	
1	Nhà máy điện gió TDX Khánh Hòa 1	100	ĐZ 220 kV 02 mạch đấu nối từ trạm 220 kV ĐG TDX Khánh Hòa 1 chuyển tiếp trên mạch 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
2	Nhà máy điện gió EEC Khánh Hòa	100	Đấu nối vào 2 mạch của ĐZ 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
	Tỉnh Quảng Nam	100	
1	Dự án Điện gió TDX Quảng Nam 1	100	Đường dây 110kV dài 10,5 km đấu từ TBA nâng 22/110kV đấu vào TBA 220kV Tam Kỳ
	Tỉnh Long An	73	
1	Nhà máy năng lượng gió Châu Thành - Giai đoạn 1	73	ĐZ 110kV mạch kép ĐG Châu thành - trạm 110kV Tầm Vu 2
Danh mục các dự án được phân bổ tăng thêm, đưa vào vận hành giai đoạn 2031-2035			
	Kon Tum	100	
1	Điện gió Chư Hreng (giai đoạn 2)	100	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối vào ngắn lộ 220kV TBA 500kV Kon Rẫy
	Gia Lai	2039,5	
1	NMDG Ia Phang 1	100	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng áp 22/220kV NMDG Ia Phang 1 chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Chư Sê - Krông Pa
2	NMDG TNE 3A	49.5	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMDG TNE 1 để đấu nối NMDG TNE 3A Bổ sung thêm một mạch trên ĐZ 220 kV Ia Phòng Chu Prong - TBA 500kV Nhơn Hòa
3	NMDG TNE 5	49.5	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMDG TNE 1 để đấu nối NMDG TNE 5
4	NMDG Ia Rong 1	49.5	Xây dựng TBA nâng áp 33/220kV NMDG IA RONG 1, công suất 63MVA. Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA 33/220kV NMDG Ia Rong 1 đến TBA nâng áp 33/220kV NMDG TNE 1

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
5	NMĐG Ia Rong 2	49.5	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 2
6	NMĐG Ia Rong 3	49.5	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 3
7	NMĐG Ia Rong 3A	49.5	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 3A
8	NMĐG Ia Ko 3	49.5	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng 220kV NMĐG Ia Ko 1 để đấu nối NMĐG Ia Ko 3
9	NMĐG Ia Ko 3A	49.5	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng 220kV NMĐG Ia Ko 1 để đấu nối NMĐG Ia Ko 3A
10	NMĐG Xã Trang (GD3)	100	Đấu nối bằng ĐZ 220kV NMĐG Xã Trang - TBA 500kV Pleiku 3
11	NMĐG Bờ Ngoong (GD2)	115	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng áp 220kV NMĐG Bờ Ngoong vào TC 220kV của TBA 500kV Pleiku 2
12	NMĐG Ia Tôr	50	ĐZ 110kV mạch đơn từ TBA nâng 22/110kV NMĐG Ia Tôr vào thanh cái 110kV TBA 220kV NMĐG Thăng Hưng
13	NMĐG Ia Blứ 1 - Chư Pưh	50	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
14	NMĐG Ia Blứ 2 - Chư Pưh	50	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
15	NMĐG Ia Boòng - Chư Prông (Giai đoạn 2)	150	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng 22/220kV NMĐG Ia Boòng - Chư Prông (GD2) về thanh cái 220kV trạm 500kV Pleiku 2
16	NMĐG Phước Sơn	50	Đấu nối bằng ĐZ 220kV, mạch đơn từ TBA 35/220kV NMĐG Phước Sơn đến thanh cái 220kV của TBA 220kV NMĐG Phú Mỹ
17	NMĐG Yang Trung 2	49.5	Đấu nối NMĐG Yang Trung 2 bằng ĐZ 220kV mạch đơn đến thanh cái 220kV TBA nâng áp 220kV NMĐG Chợ Long
18	NMĐG H'Boong 1 - Chư Sê	50	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 35/220kV NMĐG H'Boong 1 - Chư Sê chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Chư Sê - 220kV Krông Pa
19	Cụm dự án NMĐG Mang Yang 3.1, Mang Yang 3.2, Mang Yang 3.3	300	ĐZ 500 kV mạch kép từ TBA 500kV Mang Yang - TBA 500kV Pleiku ĐZ 220 kV từ TBA 220kV Mang Yang 3.3 đến thanh cái 220kV TBA 220kV NMĐG Mang Yang 2
20	Nhà máy Phong điện Gia Lai	49	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về trạm 500kV Pleiku 3
21	NMĐG Nam Hàm Rồng	40	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng 22/220kV NMĐG Nam Hàm Rồng chuyển tiếp trên ĐZ 220kV NMĐG Ia Boòng Chư Prông - 500kV Pleiku 2

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
22	NMĐG An Thành Gia Lai	40	Đầu nối bằng ĐZ 220 kV NMĐG An Thành Gia Lai sử dụng cột 4 mạch đầu nối transit vào 02 ĐZ 220kV hiện có là Pleiku - ĐSK An Khê và Pleiku 2 - An Khê
23	NMĐG Ia Le 3	50	Đầu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào mạch hiện hữu ĐZ 220kV Pleiku 2 - Krông Buk
24	NMĐG HE Gia Lai	100	Đầu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 35/110/220kV NMĐG HE Gia Lai (được xây dựng tại vị trí khu vực 04) đến thanh cái 220kV của TBA 220kV Chư Sê
25	NMĐG Tây Hồ - Chư Prông	50	ĐZ 110kV mạch đơn từ NMĐG Tây Hồ - Chư Prông đến TBA 110kV NMĐG Phát triển miền núi
26	NMĐG Đăk Jơ Ta	50	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV cụm NMĐG Đăk Jơ Ta - Ayun chuyển tiến trên đường dây 220kV Pleiku 2 - TĐ An Khê.
27	NMĐG Ayun	50	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV cụm NMĐG Đăk Jơ Ta - Ayun chuyển tiến trên đường dây 220kV Pleiku 2 - TĐ An Khê.
28	Nâng CS Trang trại phong điện HBRE Chư Prông (từ 50 lên 100MW)	50	Lắp đặt thêm 01 MBA 22(35)/110kV-63MVA tại gần máy biếp áp dự phòng TBA 110kV Trang điện Phong điện HBRE Gia Lai hiện có
29	Cụm NMĐG K'Bang A, K'Bang B	100	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng 35/220kV tại Cụm NMĐG K'Bang A, K'Bang B về TBA 220kV An Khê
	ĐẮK LẮK	945	
1	Nhà máy điện gió Krông Ana 2	160	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng áp 220kV Nhà máy điện gió Krông Ana 1 đầu nối vào TC 220kV TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin)
2	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 - Giai đoạn III;	150	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 2
3	Điện gió Thanh Phong, Giai đoạn 2	100	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
4	Nhà máy điện gió E&M Đăk Lăk, Giai đoạn 2	105	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
5	Nhà máy điện gió Thuận Phong 2, Giai đoạn 2	100	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
6	Cụm Nhà máy điện gió GETEC Đăk Lăk	100	Đầu nối về thanh cái 220kV của TBA 220kV điện gió AMI AC Đăk Lăk bằng ĐZ 220kV mạch đơn
7	Nhà máy điện gió AMI AC Đăk Lăk 1	100	ĐZ 220kV bốn mạch từ TBA 220kV của Cụm NMĐG AMI AC Đăk Lăk đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - TĐ Sêrêpok 4 và từ trạm 220kV Krông Búk đi trạm 220kV TĐ Buôn Kuốp
8	Điện gió Ea Hleo RWP	80	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp lên ĐZ NMĐG Thanh Phong - Pleiku 2
9	Điện gió HLP Ea Hleo 1	50	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - Pleiku 2
	TRÀ VINH	400	
1	Dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải 3 mở rộng	170	Xây mới TBA 220kV Nhà máy điện gió ven biển Duyên Hải

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Phương án đấu nối
2	Dự án Nhà máy điện gió Thăng Long (giai đoạn 2)	100	Lắp máy biến áp nâng áp tại NMDG Thăng Long Trà Vinh, đấu chuyển tiếp lên ĐZ NMDG Thăng Long Trà Vinh
3	Dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải 2 mở rộng	130	Đấu nối chuyển tiếp lên TBA 220kV Nhà máy điện gió Duyên Hải 2 đấu nối trạm 220kV Duyên Hải
	Cà Mau	942	
1	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Viên An Đông	100	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Ngọc Hiển - Viên An Đông đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV NMDG Viên An Đông - NMDG An Đông 1
2	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tân Ân 2	150	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Ngọc Hiển Tân Ân 2 - TBA 220kV Cà Mau 3
3	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tân Ân 3	142	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Ngọc Hiển - Tân Ân 3 - TBA 220kV Cà Mau 3
4	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tam Giang Tây 1	200	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Ngọc Hiển - Tam Giang Tây 1 - TBA 220kV Cà Mau 3
5	Nhà máy điện gió Năm Căn - Tam Giang Đông	100	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Năm Căn - Tam Giang Đông - TBA 220kV Cà Mau 3
6	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Đất Mũi 1	50	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMDG Ngọc Hiển - Đất Mũi 1 - TBA 110kV NMDG Ngọc Hiển - Đất Mũi
7	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Khai Long 4	100	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Ngọc Hiển - Khai Long 4 đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ NMDG Ngọc Hiển - Đất Mũi - TBA 220kV NMDG Viên An
8	Nhà máy điện gió Trần Văn Thời - Phong Điền	50	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Trần Văn Thời - Phong Điền - TBA 110kV Sông Đốc
9	Nhà máy điện gió U Minh - Khánh Tiến	50	ĐZ 110kV mạch kép NMDG U Minh - Khánh Tiến - TBA 110kV U Minh
	Bạc Liêu	351	
1	Nhà máy điện gió Hòa Bình 9	200	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMDG Hòa Bình 9 vào TBA 220 kV Hòa Bình
2	Nhà máy điện gió Hòa Bình - Đông Hải 1 (giai đoạn 1)	151	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMDG Hòa Bình - Đông Hải 1 vào TBA 220 kV Hòa Bình 9
	Tiền Giang	226	
1	Điện gió Tân Thành 2	226	XDM ĐZ 220 kV đấu nối về TBA 220 kV Gò Công

Bảng 14: Danh mục các dự án điện mặt trời tập trung

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh An Giang	80				
1	Nhà máy điện mặt trời An Cư	40	2025-2030		Chưa có phương án đấu nối	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời An Giang	80	2025-2030		Chưa có phương án đấu nối	
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	50				
1	Dự án điện mặt trời Phú Mỹ	50	2025-2030		Đường dây 110 kV đấu nối vào trạm biến áp 110kV hiện hữu	
	Tỉnh Bắc Giang	100				
1	Nhà máy điện mặt trời Yên Thế	50	2025-2030		Đường dây 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV mở rộng của TBA 110kV Cầu Gồ	
2	Điện mặt trời hồ Đá Ong và hồ Cầu Rễ	50	2025-2030		Đường dây 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV TBA 110kV Cầu Gồ	
	Tỉnh Bạc Liêu	50				
1	Nhà máy điện mặt trời kết hợp hệ thống pin lưu trữ An Phúc Đông Hải	50	2025-2030		Đường 110kV mạch kép đấu nối từ TBA nhà máy điện mặt trời kết hợp hệ thống pin lưu trữ An Phúc Đông Hải vào ngăn lộ 110kV trạm 220kV Giá Rai.	
	Tỉnh Bến Tre	50				
1	NMĐMT Bến Tre	50	2025-2030		110 kV NMĐMT Bến Tre - 220 kV Bình Đại	
	Tỉnh Bình Định	500				
1	Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức	50	2025-2030		XDM ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức đến đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hoài Nhơn - Phù Mỹ	
2	Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh	60	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh đến đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hoài Nhơn - Tam Quan	
3	Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một	100	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một đến đầu vào thanh cái 110kV của trạm biến áp 110kV Nhơn Tân hiện hữu	
4	Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 1	100	2025-2030		Đầu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 2	100	2025-2030		Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	
6	Nhà máy điện mặt trời Bình An 1	90	2025-2030		Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	
	Tỉnh Bình Dương		50	1200		
1	KCN Bàu Bàng Mở Rộng	50	2025-2030		Đường dây 22 kV mạch kép	
2	KCN Cây Trường	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
3	KCN Bàu Bàng 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
4	KCN Bàu Bàng 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
5	KCN Dầu Tiếng 1A	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
6	KCN Dầu Tiếng 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
7	KCN Dầu Tiếng 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
8	KCN Bắc Tân Uyên 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
9	KCN Bắc Tân Uyên 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
10	KCN Phú Giáo 3	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
11	KCN Phú Giáo 1	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
12	KCN Bình Dương Riverside ISC	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
13	KCN Tân Uyên 3	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
14	NMĐMT Long Tân	600		2031 -2035	- Xây dựng TBA 220kV NMĐMT Long Tân - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào KCN Dầu Tiếng 1A. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào KCN Dầu Tiếng 4. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào CCN An Lập, An Lập 2, An Lập 3. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào CCN Long Tân. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào CCN Long Hòa 1, 2. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đấu nối vào CCN Thanh An 1, 2, 3.	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Bình Phước	708,4		3650,2		
1	ĐMT MT1	24	2025-2030		Đấu nối về Trạm 110 kV Hoa Lư (hoặc Trạm cắt liên kế TBA 110 kV Hoa Lư)	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT MT2	24	2025-2030		Đấu nối vào TC 110 kV TBA NĐMT MT1	
3	ĐMT Lộc Thạnh 1-1	40	2025-2030		Đấu nối ở cấp điện áp 110 kV về TBA 110 kV Hoa Lư	
4	ĐMT Hải Lý Bình Phước	40	2025-2030		Đấu nối về Trạm cắt 220 kV Lộc Tấn	
5	Nhà máy điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Srok Phu Miêng (150MWp)	120	2025-2030		Đường dây 110 kV đấu nối ngắn lộ 110 kV tại trạm 220 kV Bình Long 2	
6	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 (100MWp)	80	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 22kV mạch kép của nhà máy ĐMT Thác Mơ hiện hữu và ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đắk Nông	
7	Nhà máy điện mặt trời Phước Hòa (76MWp)	60,4	2025-2030		Đấu nối vào ngắn lộ 220kV tại TBA 500kV Chơn Thành	
8	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ 2 (150MWp)	120	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 220kV Đông Bình Phước - rẽ Bình Long - rẽ điện phân nhôm	
9	Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ (ĐMT nổi Thác Mơ 5) 200MWp	160	2025-2030		Xây dựng TBA 220kV Đông Bình Phước, công suất 200+300MVA (01 MBA 300MVA cho dự án Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ 2); Xây dựng ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV Đông Bình Phước chuyển tiếp trên 2 mạch tuyến ĐZ 220kV Bình Long - Điện phân nhôm Đắk Nông.	
10	Nhà máy điện mặt trời Minh Tâm (50MWp)	40	2025-2030		Đấu nối vào ngắn lộ tại thanh cái 220kV của TBA 500kV Chơn Thành	
11	Nhà máy điện mặt trời Phước Hòa (174MWp)	139,2		2031-2035	Đấu nối vào ngắn lộ 220kV tại TBA 500KV Chơn Thành	
12	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 (275MWp)	220		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đắk Nông	
13	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ 1 (200MWp)	160		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Đông Bình Phước - rẽ Bình Long - rẽ điện phân nhôm	
14	Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ 2 (ĐMT nổi Thác Mơ 6) 300MWp	240		2031-2035	Xây dựng TBA 220kV Đông Bình Phước, công suất 200+300MVA (01 MBA 300MVA cho dự án NĐMT nổi Asia Thác Mơ 2); Xây dựng ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV Đông Bình Phước chuyển tiếp trên 2 mạch tuyến ĐZ 220kV Bình Long	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					- Điện phân nhôm Đắk Nông	
15	Tổ hợp nhà máy điện mặt trời nổi Thác Mơ Bình Phước (400MWp)	320		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đắk Nông	
16	Nhà máy điện mặt trời nổi Cần Đơn (350MWp)	280		2031-2035	Xây dựng trạm nâng áp 110kV NMĐMT nổi hồ TĐ Cần Đơn, công suất 1x63MVA. Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp 110kV NMĐMT nổi hồ TĐ Cần Đơn đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Bù Đốp - TĐ Cần Đơn	
17	Nhà máy điện mặt trời hồ Srok Phu Miêng (GD 2) (125MWp)	100		2031-2035	Đấu nối vào ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Phước Long	
18	Dự án điện mặt trời Minh Tâm (300MWp)	240		2031-2035	Đấu nối vào ngăn lộ tại thanh cái 220kV của TBA 500kV Chơn Thành	
19	Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 6,7,9,10,11,12 (1,000MWp)	800		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
20	Nhà máy điện mặt trời Tân Hưng 1 (55MWp)	44		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
21	Nhà máy điện mặt trời Tân Hưng 2 (55MWp)	44		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
22	Nhà máy điện mặt trời Lộc Thiện (500MWp)	395		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
23	Nhà máy điện mặt trời Hải Lý Bình Phước 2 (180MWp)	144		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
24	Nhà máy điện mặt trời Gianty Apha Group 1 (50MWp)	40		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
25	Nhà máy điện mặt trời Gelex 2 (210MWp)	165		2031-2035	Đấu nối vào máy biến áp AT2 của trạm nâng áp 22/220kV ĐMT Gelex Bình Phước 1	
26	Nhà máy điện mặt trời Tân Long (40MWp)	32		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
27	Nhà máy điện mặt trời Khang Nam Solar (90MWp)	72		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
28	Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước (100MWp)	80		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
29	Nhà máy điện mặt trời Fecon	39		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	(48,8MWp)					
30	Nhà máy điện mặt trời 50MWp Lộc Ninh	40		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
31	Nhà máy điện mặt trời Nậm La (100MWp)	80		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
32	Nhà máy điện mặt trời An Khang Bình Phước (100MWp)	80		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
	Tỉnh Bình Thuận		524	266		
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình	200	2025-2030		- ĐZ 110 kV từ nhà máy đấu nối vào ĐZ 110 kV thủy điện Đại Ninh - Phan Rí. - Trường hợp phương án đấu nối nêu trên không thực hiện được hoặc không phù hợp với thực tế lưới điện, xem xét điều chỉnh phương án đấu nối bổ sung trạm 220 kV Sông Bình và ĐZ 220 kV đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Dự án NMTĐ mặt trời Hồng Liêm 6.1	40	2025-2030		ĐZ 110 kV đấu nối vào TBA ĐMT Hồng Liêm 3	
3	Dự án NMTĐ mặt trời Tân Xuân	23,61	2025-2030		ĐZ 110 kV đấu nối vào TC 110 kV TBA 220 kV Hàm Tân	
4	Dự án điện mặt trời Đa Mi giai đoạn 2	70	2025-2030		Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Đa Mi (hiện hữu)	
5	Dự án điện mặt trời Hàm Thuận giai đoạn 1	100	2025-2030		Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Hàm Thuận (hiện hữu)	
6	Dự án nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 7/Tích hợp pin lưu trữ	40	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Phan Thiết; TBA 22/220kV	Pin lưu trữ có công suất 50MW/150M Wh
7	Dự án Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6.2	110	2025-2030		Xây mới TBA 22/110kV VH6.2; Xây mới ĐZ 110kV VH6.2 - trạm cắt VH6; Xây mới TBA 110/220kV tại trạm cắt 110kV VH6; Xây mới ĐZ 220kV VH6 - Transit 1 mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Phan Rí	
8	Dự án Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 7.2 / Tích hợp pin lưu trữ	24	2025-2030		Lắp đặt bổ sung 01 máy biến áp 22/220kV tại TBA 220kV NM ĐMT Hồng Phong 7	Pin lưu trữ có công suất

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
						20MW/60MWh
9	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình 4 (giai đoạn 1)	130	2025-2030		Đề xuất phương án đấu nối vào TBA 220 kV Sông Bình đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	
10	Dự án Nhà máy điện mặt trời Tân Đức 1	50	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 110 kV Hàm Tân 2 - Tân Đức	
11	Dự án điện mặt trời Hàm Thuận giai đoạn 2	126		2031-2035	Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Hàm Thuận (hiện hữu)	
12	Dự án điện mặt trời Đa Mi giai đoạn 3	30		2031-2035	Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Đa Mi (hiện hữu)	
13	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình 4 (giai đoạn 2)	70		2031-2035	Đấu nối vào TBA 220 kV Sông Bình đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	
	Tỉnh Cà Mau					
1	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Hiển	50	2026-2030		ĐZ 110kV mạch kép NMTĐMT Ngọc Hiển - 220kV Năm Căn; mở rộng ngăn lộ 110kV TBA 220kV Năm Căn	
	Thành phố Đà Nẵng					
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời tại Hòa Vang	50	2026-2030		ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110 kV, xuất tuyến 171 TBA Cầu Đỏ - xuất tuyến 171 TBA 500 Đà Nẵng	
	Tỉnh Đắk Lắk		3010	4907		
1	ĐMT KN Srêpôk 3	304	2025-2030		Xây mới ĐZ 500kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 500kV Pleiku 2 - Chơn Thành	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Ea Súp 1	40	2025-2030		Chưa có phương án đấu nối	
3	ĐMT Ia Lốp 1	40	2025-2030		Chưa có phương án đấu nối	
4	Nhà máy ĐMT trên hồ thủy điện Srêpôk 3	50	2028		Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 220kV NMTĐ Srêpôk 3 (hiện hữu)	
5	Nhà máy ĐMT trên hồ thủy điện Buôn Kuốp	50	2028		XDM ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào Trạm 110/220kV NMTĐ Buôn Kuốp (hiện hữu)	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
6	Nhà máy ĐMT trên hồ Ea Súp Thượng giai đoạn 1	452	2025-2030		- Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Krông Búk. - Mở rộng 02 ngăn lộ 220kV tại TBA 500kV Krông Búk.	
7	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Krông Búk Hạ 1,2	200	2025-2030		Krông Búk hạ 1 (50MW): Xây mới đường dây 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp đường dây 110kV Ea Kar-Krông Búk. Krông Búk hạ 2 (150MW): Xây mới đường dây 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp lên đường dây 220kV Krông Búk - Nha Trang mạch 1.	
8	Nhà máy điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Krông H'năng	100	2025-2030		XDM ĐZ 220kV mạch kép đấu nối trên 02 mạch ĐZ 220kV Sông Ba Hạ - Krông Búk	
9	Nhà máy điện mặt trời trên hồ thủy lợi Ea H'leo	150	2025-2030		Xây dựng mới ĐZ 220kV 04 mạch đấu nối trên thanh cái 220kV TBA 500kV NMDG Ea Nam	
10	Nhà máy điện mặt trời Ea súp 1	50	2025-2030		XDM ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái TBA 110kV Cư M'gar	
11	Nhà máy điện mặt trời Ia Lốp 1	50	2025-2030		XDM ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào phía thanh cái 110kV của TBA 500kV NMDMT Xuân Thiện - Ea Súp	
12	Cụm nhà máy điện mặt trời tiểu khu 293, xã Cư M'lan	500	2025-2030		ĐZ 500kV mạch kép chuyển tiếp vào ĐZ 500kV Pleiku 2-Chơn Thành	
13	Nhà máy ĐMT Jang Pông 2	50	2025-2030		ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối TBA 110kV NMDMT Jang Pông hiện hữu	
14	Nhà máy điện mặt trời Ia Rvê (gồm 04 nhà máy từ số 1 đến số 4)	1000	2025-2030		Xây dựng các ĐZ 110kV đấu nối vào phía 110kV vào TBA 500kV Xuân Thiện - Ea súp; Mở rộng TBA 500kV ĐMT Xuân Thiện - Ea Súp, công suất 900MVA	
15	Nhà máy điện MT kết hợp trồng cây dược liệu, giai đoạn 1	230	2025-2030		XDM ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 500kV Ea Nam	
16	Nhà máy điện mặt trời Buôn Đôn	48	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TĐ Srêpôk 4A - TĐ Srêpôk 4	
17	Nhà máy ĐMT trên hồ Ea Súp Thượng giai đoạn 2	500		2031-2035	Sử dụng chung Đường dây đấu nối ở giai đoạn 1	
18	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Ea Súp hạ	150		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
19	Nhà máy điện mặt đất kết hợp bán ngập BCG Vụ Bồn	187		2031-2035	Đấu nối cấp điện áp 220kV, về trạm gom 500kV Năng lượng tái tạo 2	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
20	Nhà máy điện mặt trời Rừng Xanh	1100		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
21	Nhà máy điện mặt trời Ea Súp (gồm 05 nhà máy từ số 6 đến số 10)	1400		2031-2035	Xây dựng các ĐZ 110kV đấu nối vào phía 110kV vào TBA 500 kV Xuân Thiện - Ea súp; Mở rộng TBA 500kV ĐMT Xuân Thiện - Ea Súp, công suất 900MVA; Xây dựng mới ĐZ 500kV mạch kép, đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 500kV Pleiku 2 - Chơn Thành (mạch 2)	
22	Nhà máy điện MT kết hợp trồng cây dược liệu, Giai đoạn 2	220		2031-2035	Sử dụng chung Đường dây đấu nối ở giai đoạn 1	
23	Cụm Nhà máy ĐMT Cư Kbang	500		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
24	Nhà máy điện mặt trời Ea Hleo	50		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối trên ĐZ 220kV Krông Búk - Pleiku 2	
25	Nhà máy điện mặt trời Ea Huar	50		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV TBA 110kV Buôn Đôn	
26	Nhà máy điện mặt trời VK-100MWp	100		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Cư M'gar - Buôn Đôn	
27	Nhà máy điện mặt trời Ia JLoi	200		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
28	Nhà máy điện mặt trời Ea Bung	450		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
	Tỉnh Đắk Nông	893				
1	Điện mặt trời KN Buôn Tua Srah	312	2025-2030		Giai đoạn 1: Xây dựng TBA 220 kV ĐMT nối Buôn Tua Srah công suất 125 MVA; Xây dựng ĐZ 220 kV ĐMT nối Buôn Tua Srah - TBA 220 kV thủy điện Buôn Tua Srah; Mở rộng 1 ngăn lộ 220 kV tại sân phân phối NMTĐ Buôn Tua Srah; Giai đoạn 2: Lắp MBA thứ 2, công suất 250MVA tại TBA mặt trời nối Buôn Tua Srah; Nâng khả năng tải ĐZ 220kV Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah - Đắk Nông	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời Cư Knia	144	2025-2030		Xây dựng TBA nâng áp 22/220 kV tại nhà máy ĐMT Cư Knia, công suất 160 MVA; Xây dựng trạm cắt 220 kV đặt gần vị trí dự kiến đấu nối trên ĐZ 220 kV Buôn Kuốp - Nhà máy Điện phân nhôm. Xây dựng ĐZ 220 kV mạch đơn từ TBA nâng áp 22/220 kV nhà máy ĐMT Cư Knia đấu vào trạm cắt 220 kV	
3	Điện mặt trời Ea Tling	76	2025-2030		Xây dựng TBA nâng áp 22/110kV tại nhà máy điện mặt trời Ea T'ling, công suất (40+63)MVA; Xây dựng ĐZ 110 kV mạch kép	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					từ TBA nâng áp 22/110 kV nhà máy ĐMT Ea T'ling đấu chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Buôn Kuốp - Krông Nô	
4	Điện mặt trời Xuyên Hà	104	2025-2030		Xây dựng TBA nâng áp 22/220 kV tại nhà máy ĐMT Xuyên Hà, công suất 1x125 MVA; Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép từ TBA nâng áp 22/220 kV nhà máy ĐMT Xuyên Hà đấu chuyển tiếp vào ĐZ 220 kV Buôn Kuốp - Thủy điện Buôn Tua Srah	
5	Đức An	30	2025-2030		Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Đắk Nông - Buôn Kuốp	
6	Buôn Kuốp	87	2025-2030		Đầu nối thanh cái 22/110kV nhà máy điện mặt trời nổi Buôn Kuốp tỉnh Đắk Lắk	
7	Srêpôk 3	100	2025-2030		Đầu nối thanh cái 22/220kV nhà máy điện mặt trời nổi Srêpôk 3 tỉnh Đắk Lắk	
8	Điện mặt trời Ea Pô 1	40	2025-2030		Đầu nối thanh cái 220kV TBA 220kV thủy điện Sêrêpôk 4	
	Tỉnh Điện Biên		850	250		
1	Nhà máy ĐMT Nậm Pồ 1	150	2025-2030		Đầu nối về TBA 220kV NMDG Envision Nậm Pồ thông qua ĐZ 220kV từ TBA 220kV nhà máy ĐMT Nậm Pồ 1	
2	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ Pá Khoang tích hợp Pin lưu trữ	200	2025-2030		ĐZ 110kV mạch kép đầu nối về TC 110kV TBA 220kV Điện Biên và mở rộng 02 ngăn lộ 110kV tại TBA 220kV Điện Biên	
3	Nhà máy điện mặt trời Điện Biên 1	300	2025-2030		Đầu nối Trạm 220kV Điện Biên	
4	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu	100	2025-2030		Xây dựng mới TBA 35/110kV, đầu transit vào ĐZ110kV hiện hữu của Nhà máy thủy điện Trung Thu	
5	Dự án điện mặt trời lòng hồ thủy điện Sông Mã 3	100	2025-2030		Xây dựng trạm 110kV tại nhà máy điện mặt trời Sông Mã 3 với công suất 01 máy 125MVA. Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép, đầu nối vào thanh cái 110kV TBA Sông Mã 3.	
6	Dự án điện mặt trời Anh Huy	50		2031-2035	Đầu nối lên lưới 110kV Tuần Giáo - Trung Thu	
7	Nhà máy điện mặt trời Rạng Đông	200		2031-2035	Dự kiến đầu nối Transit lên ĐZ 220kv tuyến Sơn La - Điện Biên	
	Tỉnh Đồng Nai		1069	3942		
1	ĐMT nổi KN Trị An	928	2025-2030		Giai đoạn 1: Xây mới ĐZ 110 kV mạch kép, đầu nối từ TBA 110 kV KN Trị An về TBA 110 kV Vĩnh An.	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					Giai đoạn 2: Xây mới ĐZ 500 kV mạch kép từ TBA 500 kV KN Trị An đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 500 kV Sông Mây - Tân Định.	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời Trị An	101	2025-2030		Đầu nối cấp điện áp 110 kV và 22 kV	
3	ĐMT Hồ Gia Ui (giai đoạn 1)	40	2025-2030		Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Hàm Thuận - Đa Mi - Xuân Lộc	
4	ĐMT Hồ Gia Ui (giai đoạn 2)	80		2031-2035	Đầu nối vào TBA 220 kV ĐMT Hồ Gia Ui (giai đoạn 1)	
5	ĐMT hồ Cầu Dầu	100		2031-2035	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ	
6	ĐMT hồ Gia Măng	79		2031-2035	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Xuân Lộc - Xuân Trường	
7	ĐMT hồ mô đá (hồ Tân Hạnh, hồ Bình Hoà, hồ Tân Vạn, hồ Hoà An, hồ Tân Bản)	100		2031-2035	ĐZ 22 kV mạch kép đầu nối vào ĐZ 22 kV hiện hữu và TBA 110 kV Biên Hoà	
8	Điện mặt trời hồ Trị An 1	500		2031-2035	Xây dựng TBA 35/500 kV ĐMT Trị An. Xây dựng ĐZ 500 kV 2 mạch đầu nối chuyển tiếp vào 1 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định.	
9	Điện mặt trời hồ Trị An 2	500		2031-2035		
10	Điện mặt trời hồ Trị An 3	500		2031-2035		
11	Điện mặt trời hồ Trị An 4	500		2031-2035		
12	Điện mặt trời hồ Trị An 5	600		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 500 kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định	
13	Điện mặt trời hồ Trị An 6	600		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 500 kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định	
14	Điện mặt trời vùng bán ngập	160		2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110 kV Kiềm Tâm - Định Quán 2 - Định Quán. Đầu nối về thanh cái 110 kV trạm 110 kV Định Quán 2.	
15	Điện mặt trời hồ Thủy lợi	223		2031-2035	Đầu nối vào lưới 22 kV, 110 kV và 220 kV của khu vực	
	Tỉnh Đồng Tháp		74	249		
1	Điện mặt trời Tháp Mười 1	74	2025-2030		Đầu nối vào ĐZ 110kV Tháp Mười - Trường Xuân - Tam Nông	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
2	Điện mặt trời Tháp Mười 2	99		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 110kV Tháp Mười - Trường Xuân - Tam Nông	
3	Điện mặt trời Tân Hồng	50		2031-2035	Đầu nối vào ĐZ 110kV Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	
4	Điện mặt trời Tam Nông	100		2031-2035	ĐZ 110kV An Long - Tam Nông	
	Tỉnh Gia Lai	1030				
1	ĐMT KN Ia Ly - Gia Lai	400	2025-2028		Xây mới 2 mạch đường dây 500kV NMĐMT KN Ialy - Gia Lai đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 500kV Pleiku - NMTĐ Ialy (điều chỉnh so với phương án đầu nối tại Văn bản số 1870/TTg-CN ngày 31/12/2020 do khó có thể mở rộng được ngăn lộ tại TĐ Ialy)	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Krông Pa 2	39,2	2025-2030		TBA nâng 110 kV ĐMT Krông Pa 2, công suất 2x25 MVA. XDM ĐZ 110 kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV TĐ Đắk Srông 3A+3B - ĐMT Krông Pa. Khi TBA 220 kV Krông Pa được đầu tư, nghiên cứu chuyển đầu nối ĐMT Krông Pa 2 về TBA 220 kV Krông Pa bằng ĐZ 110 kV.	
3	Phú Thiện	32	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Chư Sê - Ayun Pa	
4	Chư Ngọc giai đoạn 2	20	2025-2030		XDM ĐZ 110 kV mạch đơn đầu nối vào TBA 110 kV Krông Pa	
5	Trang Đức	39,2	2025-2030		TBA nâng 110 kV tại ĐMT Trang Đức, công suất 50 MVA; ĐZ 110 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Krông Pa - TĐ Đắk Srông 3B. Khi TBA 220 kV Krông Pa được đầu tư, nghiên cứu chuyển đầu nối ĐMT Trang Đức về TBA 220 kV Krông Pa bằng ĐZ 110 kV.	
6	Ayun Pa	20	2025-2030		ĐZ 110 kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Ayun Pa - Ea H'leo	
7	Ia R suom - Bitexco - TôNa	11,84	2025-2030		Đầu nối vào thanh cái 22 kV NMTĐ Đắk Srông 3B	
8	ĐMT nối Plei Thờ Ga 1 kết hợp hệ thống pin lưu trữ	35	2025-2030		Đầu nối bằng cấp điện áp 220kV chuyển tiếp lên đường dây 220kV TBA 500kV Pleiku - Krong Buk hoặc đầu nối vào 01 ngăn lộ trạm 220kV - 500kV Nhơn Hòa	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
9	ĐMT nối Plei Thơ Ga 2 kết hợp hệ thống pin lưu trữ	20	2025-2030		Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV chuyển tiếp lên đường dây 220kV TBA 500kV Pleiku - Krong Buk hoặc đấu nối vào 01 ngăn lộ trạm 220kV - 500kV Nhơn Hòa	
10	ĐMT Ia Blứ 4	40	2025-2030		Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
11	ĐMT Ia Blứ 3	40	2025-2030		Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
12	ĐMT Ia Blứ A	40	2025-2030		Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
13	ĐMT Nhơn Hòa 2	90	2025-2030		- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 125MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1.	
14	ĐMT Nhơn Hòa 1	49	2025-2030		- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 63MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1.	
15	ĐMT Nhơn Hòa 1A kết hợp hệ thống Pin lưu trữ	49	2025-2030		- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 63MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhơn Hòa 1.	
	Thành phố Hà Nội		280			
1	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Suối Hai	120	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 110kV đi TBA 110kV Ba Vì	
2	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Đồng Mô	160	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 110kV trạm 110kV Đại học Quốc Gia	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
			330	1336		
	Tỉnh Hà Tĩnh					
1	ĐMT Sơn Quang	23,2	2025-2030			Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Cẩm Lạc	100		2031-2035	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng	
3	Nhà máy điện mặt trời Kỳ Sơn giai đoạn 1	50	2025-2030		ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về thanh cái TBA 220kV Vũng Áng (xây mới ngăn lộ)	
4	Nhà máy điện mặt trời Kỳ Sơn giai đoạn 2	200		2031-2035	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về thanh cái TBA 220kV Vũng Áng (xây mới ngăn lộ)	
5	Dự án ĐMT trên các mặt kênh thủy lợi	59,4	2025-2030		Lưới điện phân phối và lưới trung áp khu vực dọc tuyến kênh	
6	Dự án ĐMT trên các mặt kênh thủy lợi	571		2031-2035	Lưới điện phân phối và lưới trung áp khu vực dọc tuyến kênh	
7	Nhà máy điện mặt trời nổi Sông Rác giai đoạn 1	180	2025-2030		Xây dựng Trạm nâng áp 35/500kV Điện mặt trời Sông Rác và ĐZ 500kV mạch đơn đấu nối Nhà máy với TBA 500kV Hà Tĩnh; Mở rộng 01 ngăn lộ 500kV tại TBA 500kV Hà Tĩnh	
8	Nhà máy điện mặt trời nổi Sông Rác giai đoạn 2	220		2031-2035	Xây dựng Trạm nâng áp 35/500kV Điện mặt trời Sông Rác và ĐZ 500kV mạch đơn đấu nối Nhà máy với TBA 500kV Hà Tĩnh; Mở rộng 01 ngăn lộ 500kV tại TBA 500kV Hà Tĩnh	
9	Nhà máy điện mặt trời nổi Kè Gỗ 1 giai đoạn 1	100	2025-2030		Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối vào thanh cái 220kV của TBA 500kV Hà Tĩnh	
10	Nhà máy điện mặt trời nổi Kè Gỗ 1 giai đoạn 1	100		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối vào thanh cái 220kV của TBA 500kV Hà Tĩnh	
11	Nhà máy điện mặt trời nổi Kè Gỗ 2	145		2031-2035	Đấu nối vào TBA 220kV Nhà máy ĐMT nổi hồ Kè Gỗ 1	
	Tỉnh Hậu Giang	50		372		
1	ĐMT Sao Mai 1	50	2025-2030		ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối transit vào ĐZ 110kV Long Mỹ - Hồng Dân	
2	ĐMT Sao Mai 1 (mở rộng)	172		2031-2035	XDM ĐZ 4 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ mạch kép 220kV Sóc Trăng 2 - Châu Thành - Ô Môn. Xây dựng mới Trạm biến áp 33/220kV - 450MVA	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	ĐMT Sao Mai 2	200		2031-2035	XDM ĐZ 4 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ mạch kép 220kV Nhiệt điện Cà Mau - Ô Môn. Xây dựng mới Trạm biến áp 33/220kV - 250MVA	
	Thành phố Huế		290	950		
1	NMĐMT Phong Hoà	40	2025-2030		ĐZ 110 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV ĐMT Phong Điền 2 đến TBA 220 kV Phong Điền	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời A Lưới	105	2025-2030		Xây mới ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về trạm 220kV NMTĐ A Lưới xuất tuyến A Lưới - Phong Điền	
3	Nhà máy điện mặt trời Điền Hương	95	2025- 2030		Xây mới ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối từ thanh cái 110 kV TBA nâng 22/110 kV Nhà máy điện mặt trời Điền Hương đấu nối vào thanh cái TBA 110 kV Mỹ Thủy.	
4	Nhà máy điện mặt trời Phong Điền III	50	2025-2030		Xây mới ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối vào TBA 110kV Phong Điền II	
5	ĐMT Cầu Hai (giai đoạn 1)	350		2031-2035	ĐZ 220 kV 04 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Huế - Hoà Khánh	
6	ĐMT Tam Giang	600		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép đấu vào TBA 220 kV Phong Điền	
	Tỉnh Khánh Hòa		100			
1	ĐMT Ninh Sim	32	2025-2030			Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Long Sơn - giai đoạn 2	100	2026		Đấu nối vào TBA 220 kV Vân Phong trên cơ sở tận dụng hạ tầng đấu nối của nhà máy điện mặt trời Long Sơn giai đoạn 1, xây dựng 06 mạch đường dây 22 kV NMĐMT Long Sơn giai đoạn 2 về sân phân phối ĐMT Long Sơn giai đoạn 1	
	Tỉnh Kiên Giang		400			
1	Điện mặt trời trên ao nuôi tôm Giang Thành 1	400	2026-2030		Đấu nối bằng cáp 220kV về TBA 220kV Kiên Bình hiện có: - Tại trạm biến áp 35/220kV dự án Điện mặt trời trên ao nuôi tôm Giang Thành 1, lắp đặt 02 MBA 35/220kV - (2x250) MVA và 02 ngăn xuất tuyến 220kV đi TBA Kiên Bình; - XD ĐZ 220kV, mạch kép n đến TBA 220kV Kiên Bình;	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					- Xây dựng 02 ngăn xuất tuyến 220kV mở rộng tại TBA 220kV Kiên Bình.	
	Tỉnh Kon Tum		550			
1	ĐMT KN Ialy Kon Tum	160	2025-2028		XDM ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp 35/110kV tại NMĐMT KN Ialy Kon Tum đến trạm nâng áp 35/110/500kV tại NMĐMT KN Ialy - Gia Lai (điều chỉnh so với phương án đấu nối tại Văn bản số 1870/TTg-CN ngày 31/12/2020).	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Ia Toi DT	140	2025-2030		Đầu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép chuyển tiếp lên ĐZ 220kV NMTĐ Sê San 3A - TBA 500kV Pleiku	
3	ĐMT Đăk Rơ Sa	50	2025-2030		ĐZ 110kV mạch đơn đầu nối về TBA 110kV Tân Mai Đăk Tô	
4	ĐMT FSI Plei Krông (lòng hồ thủy điện Plei Krông) - Giai đoạn 1	75	2025-2030		Đầu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 220kV Kon Tum	
5	ĐMT nối Plei Krông ĐK (giai đoạn 1)	40	2025-2030		Đầu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 220kV Kon Tum	
6	ĐMT Ya Tăng	60	2025-2030		Đầu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV TĐ Sê San 3A - TĐ Sê San 3 bằng ĐZ 220kV	
7	ĐMT Sê San 3A (trên lòng hồ thủy điện Sê San 3A) - Giai đoạn 1	25	2025-2030		TBA 220kV ĐMT Sê San 3A - 60MVA; ĐZ 220kV mạch đơn ĐMT Sê San 3A - TĐ Sê San 3A; MR 1 ngăn lộ 220kV tại SPP TĐ Sê San 3A	
	Tỉnh Lai Châu	1060		420		
1	Điện mặt trời Bản Chát 1	250	2025-2030		ĐZ 220kV NR Điện mặt trời Bản Chát 1 (ĐZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	
2	Điện mặt trời Bản Chát 2	300	2025-2030		ĐZ 220kV NR Điện mặt trời Bản Chát 2 (ĐZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	
3	Điện mặt trời Huội Quảng 1	100	2025-2030		ĐZ 110kV TBA 110kV NMĐMT Huội Quảng 1 - TBA 220kV NMĐMT Huội Quảng 2, 3	
4	Điện mặt trời Huội Quảng 2	140	2025-2030		TBA 220kV Huội Quảng 2,3, công suất 450MVA và ĐZ 220kV đầu nối transit trên ĐZ 220kV Huội Quảng - Than Uyên	
5	Điện mặt trời Huội Quảng 3	100	2025-2030		ĐZ 35kV NMĐMT Huội Quảng 3 - TBA 220kV NMĐMT Huội Quảng 2, 3	
6	Điện mặt trời Nậm Mạnh	80	2025-2030		ĐZ 110kV mạch đơn ĐMT Nậm Mạnh - TBA 220kV ĐMT Nậm Hàng	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Điện mặt trời Nậm Hàng	90	2025-2030		TBA 220/110/35kV Nậm Hàng, công suất (250+125) MVA và ĐZ 220kV mạch kép ĐMT Nậm Hàng - TBA 500kV Lai Châu	
8	ĐMT nổi trên hồ TĐ Lai Châu	120		2031-2035	ĐZ 220 kV 04 mạch ĐMT nổi trên hồ TĐ Lai Châu - rẽ Lai Châu - Mường Tè	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
9	ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát	200		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát - rẽ Than Uyên - Bản Chát; ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát - rẽ Than Uyên - Huội Quảng	
10	ĐMT nổi Huội Quảng 1 (trên hồ TĐ Huội Quảng)	50		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Huội Quảng 1 - rẽ Than Uyên - Bản Chát	
11	ĐMT nổi Huội Quảng 2 (trên hồ TĐ Huội Quảng)	50		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Huội Quảng 1 - rẽ Than Uyên - Huội Quảng	
Tỉnh Lâm Đồng			336	70		
1	ĐMT Tam Bồ	40	2025-2030		Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Di Linh - Đa Dâng 3	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Đại Ninh	96	2025-2030		Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đức Trọng - Di Linh	
3	Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Đồng Nai 2	240	2025-2030		Đầu bằng ĐZ 220kV vào TĐ Đồng Nai 2	
4	ĐMT nổi hồ chứa TĐ Krông Nô 3	70		2031-2035	Xây dựng TBA nâng áp 22/110 kV NMĐMT Krông Nô 3	
Tỉnh Long An			268	116		
1	ĐMT TTC Đức Huệ 2	41,4	2025-2030		ĐZ 110 kV đầu nối TC110kV NM ĐMT TTC Đức Huệ 1 hiện hữu đến TC 110 kV TBA 110 kV Đức Huệ	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 7	80	2025-2030		- ĐZ 220 kV từ trạm 220 kV ĐMT Solar Park đấu về thanh cái 220 kV của TBA 500 kV Đức Hòa. Mở rộng ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Đức Hòa. - Lắp đặt 1 máy biến áp 220 kV công suất 125 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. - Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đấu nối về máy biến áp 125 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park.	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	NM ĐMT RedSun	60	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái 110kV NMĐMT Gaia hiện hữu theo ĐZ mạch kép 110kV truyền tải điện từ nhà máy Điện mặt trời Gaia về trạm 220Kv Long An 2	
4	ĐMT Đức Huệ VNT 1	40	2025-2030		ĐZ 220 kV mạch đơn NMĐMT Đức Huệ VNT 1 đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 550kV Đức Hòa. Lắp đặt MBA T1 công suất 63MVA	
5	ĐMT Đức Huệ VNT 2	30	2025-2030		Lắp đặt MBA T2 công suất 63MVA tại NMĐMT Đức Huệ VNT 1	
6	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 06 (giai đoạn 1)	16.6	2025-2030		Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đấu nối về máy biến áp 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
7	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 06 (giai đoạn 2)	36		2031-2035	Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đấu nối về máy biến áp 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
8	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 8	80		2031-2035	Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đấu nối về MBA 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
	Tỉnh Nghệ An		360			
1	Nhà máy điện mặt trời hồ Khe Gỗ	200	2025-2030		Đấu nối về thanh cái 110kV của TBA 220kV Quỳnh Lưu	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Vực Mầu	160	2025-2030		Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Quỳnh Lưu - Nghi Sơn	
	Tỉnh Ninh Thuận		1924	3819,5		
1	ĐMT Phước Thái 2	87	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái 22 kV TBA 220 kV Phước Thái	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Phước Thái 3	43,5	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái 22 kV TBA 220 kV Phước Thái	
3	ĐMT Phước Hữu 2	184	2026		XD ĐZ 220kV mạch kép đấu nối TC TBA 220kV Ninh Phước	
4	ĐMT Phước Trung	40	2026		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
5	Điện mặt trời Bắc Ái 7 hồ Sông Cái	70	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐMT Hồ Bắc Ái đấu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
6	ĐMT Nhị Hà Solar Farm	80	2025-2030		Xây dựng ĐZ mạch đơn 220kV Đấu về thanh cái 220 kV trạm 500/220 kV Thuận Nam	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Điện mặt trời hồ Sông Sắt	70	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐMT Hồ Sông Sắt đấu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
8	Nhà máy điện mặt trời Đông Quán Thê	250	2025-2030		Đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - trạm cắt 220kV Quán Thê, xây dựng TBA 35/220kV Đông Quán Thê với quy mô 03 MBA 35/220kV công suất 160MVA, ĐZ mạch kép 220kV từ TBA 35/220kV Đông Quán Thê đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TC Quán Thê - TBA 220/500kV Vĩnh Tân.	
9	ĐMT Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt giai đoạn 2	50	2025-2030		Đấu nối về TBA 220kV Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt (hiện hữu của GD 1)	
10	ĐMT Hacom Solar Giai đoạn 2	50	2025-2030		Đấu nối về ngăn lộ 220kV TBA 220kV NMĐMT Hacom Solar	
11	Dự án ĐMT hồ CK7	50	2025-2030		Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Thuận Nam	
12	Điện mặt trời Ninh Phước 6.3	50	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMĐMT Ninh Phước 6.3 đấu nối transit trên ĐZ 220kV Ninh Phước - 500kV Ninh Sơn	
13	ĐMT Hồ Sông Than	50	2025-2030		Đường dây 220kV ĐMT Hồ Sông Than - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
14	ĐMT Hòa Sơn Dốc Dài	400	2025-2030		Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Dốc Dài - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
15	ĐMT Bắc Ái 1	150	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ ĐMT Bắc Ái 1 đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đa Nhim - Tháp Chàm 2	
16	ĐMT Ninh Sơn 1	73,5	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm biến áp 220kV ĐMT Ninh Sơn 1 đấu nối transit trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
17	Nhà máy điện mặt trời Đông Quán Thê 2	50	2025-2030		Đấu nối về trạm cắt 220kV Quán Thê với khối lượng như sau: - Đầu tư MBA T2 35/220kV - 63MVA tại vị trí dự phòng của TBA BIM 3 và các thiết bị đồng bộ, hoàn thiện sơ đồ đấu nối TBA 220kV BIM 3 - Mở rộng 1 ngăn lộ xuất tuyến 220kV TBA BIM 3 đi Trạm cắt Quán Thê - Treo mạch 2 đường dây 220kV BIM3 - Trạm cắt Quán Thê. - Mở rộng 1 ngăn lộ 220kV tại Trạm cắt Quán Thê (271)	
18	ĐMT Hòa Sơn Suối Ông 4	350	2025-2030		Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Suối Ông 4 - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
19	ĐMT Phước Ninh mở rộng GD 2	50	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép ACSR 2x330 từ trạm nâng áp 220kV ĐMT Phước Ninh mở rộng đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Thuận Nam đi trạm 500kV Vĩnh Tân	
20	ĐMT Nhị Hà Solar Farm (GD2)	50		2031-2035	Xây dựng ĐZ mạch đơn 220kV đấu về thanh cái 220 kV trạm 500/220 kV Thuận Nam	
21	Dự án ĐMT hồ CK7 (GD2)	100		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Thuận Nam	
22	Dự án ĐMT Ninh Phước 7	200		2031-2035	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Ninh Sơn	
23	Nhà máy điện mặt trời Đông Quán Thê (GD2)	50		2031-2035	NMĐMT Đông Quán Thê đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - trạm cắt 220kV Quán Thê, xây dựng TBA 35/220kV Đông Quán Thê với quy mô 03 MBA 35/220kV công suất 160MVA và 02 ngăn xuất tuyến ĐZ 220kV, dự phòng vị trí 01 ngăn ĐZ 220kV đi TBA 220kV Cà Ná. - ĐZ mạch kép 220kV từ TBA 35/220kV Đông Quán Thê đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TC Quán Thê - TBA 220/500kV Vĩnh Tân	
24	ĐMT Hòa Sơn Suối ông 4	50		2031-2035	Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Suối Ông Bốn - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
25	ĐMT Bác Ái 7 hồ Sông Cái	60		2031-2035	Đấu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
26	Điện mặt trời Ninh Phước	276		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch của ĐZ 220kV Ninh Phước - trạm 500kV Ninh Sơn; với các hạng mục đầu tư xây dựng phục vụ đấu nối như sau: - Xây dựng mới TBA 220kV ĐMT Ninh Phước công suất 2x150MVA để gom công suất NMĐMT Ninh Phước; - Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối NMĐMT Ninh Phước chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV Ninh Phước - trạm 500kV Ninh Sơn.	
27	ĐMT Hồ Bà Râu	80		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Cam Ranh - Tháp Chàm	
28	ĐMT Phước Ninh mở rộng GD 2	38		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng áp 220kV ĐMT Phước Ninh mở rộng đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Thuận Nam đi trạm 500kV Vĩnh Tân	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
29	ĐMT hồ Trà Co	40		2031-2035	Xây dựng 2 mạch ĐZ 220kV ĐMT Hồ Trà Co chuyển tiếp trên một mạch ĐZ 220kV ĐMT Thiên Tân Solar - Nha Trang	
30	ĐMT 7A	50		2031-2035	Gom công suất về TBA 110kV NMDG 7A hiện hữu bằng ĐZ 22kV mạch kép (truyền tải lên lưới điện quốc gia bằng ĐZ 110kV từ NMDG 7A đi TBA 220kV Ninh Phước mạch kép	
31	Dự án ĐMT hồ Cho Mo	80		2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
32	Điện mặt trời Nhị Hà - Giai đoạn 2	150		2031-2035	Nâng công suất TBA ĐMT 220kV Nhị Hà từ 63MVA thành (63+150)MVA	
33	Điện mặt trời hồ Núi Một 2	80		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2 đấu nối về trạm 220kV Ninh Phước	
34	ĐMT hồ Tân Giang	50		2031-2035	Đầu nối bằng cáp điện áp 220kV vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2. Các hạng mục đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp 220kV phục vụ đầu nối như sau: + Xây dựng TBA 22/220kV NMĐMT hồ Tân Giang công suất 1x50MVA; + Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đầu vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2 + Đầu tư mở rộng 1 ngăn lộ ĐZ 220kV tại TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2.	
35	ĐMT Hồ Tà Ranh	39.5		2031-2035	Đầu nối bằng cáp điện áp 220kV vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2	
36	ĐMT Thuận Nam 11	50		2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Ninh Phước	
37	ĐMT Hòn Khô	120		2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
38	Nhà máy Điện mặt trời Bắc Ái 14	80		2031-2035	Đường dây 110kV mạch kép ĐMT Bắc Ái 14 - TBA 220kV Tháp Chàm	
39	Nhà máy điện mặt trời HIẾU THIÊN	120		2031-2035	Đầu nối thanh cái 220kV trạm 220 KV Ninh Phước	
40	Nhà máy điện mặt trời Phước Chiến	200		2031-2035	ĐZ 220kV từ NMDG Bắc Sơn đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	
41	Nhà máy điện mặt trời Tây Quán Thê	100		2031-2035	Đầu nối về ngăn lộ 110kV của MBA 35/110/220kV-250MVA hiện hữu thuộc TBA 220kV ĐMT Bim 2. Đầu nối lên lưới 220kV	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					thông qua ĐZ 220kV BIM2-Trạm cắt Quán Thê - rẽ Vĩnh Tân - Thuận Nam; - Mở rộng 1 ngăn lộ xuất tuyến 220kV TBA BIM 2 - Treo mạch 2 ĐZ 220kV BIM2 - Trạm cắt Quán Thê; - Mở rộng 1 ngăn lộ 220kV tại vị trí dự phòng tại Trạm cắt Quán Thê (276).	
42	Nhà máy điện mặt trời Tri Hải	100		2031-2035	Nhà máy điện mặt trời Tri Hải đấu nối về TBA 220kV NMDG Tri Hải với khối lượng như sau: - Đầu tư MBA T2 33/220kV - công suất 125MVA. Nhà máy điện mặt trời Tri Hải đấu nối MBA T2. - Đầu tư mở rộng các ngăn lộ 220kV tại TBA 220kV NMDG Tri Hải đồng bộ với MBA T2.	
43	Dự án Điện mặt trời kết hợp sản xuất Hydrogen xanh Nhị Hà 5	160		2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu nối về 220kV Nhị Hà (250+125)MVA	
44	Dự án Điện mặt trời kết hợp sản xuất Hydrogen xanh Thuận Nam 1	140		2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu chuyển tiếp trên 2 mạch Phước Thái - Ninh Phước (250+125) MVA	
45	Nhà máy điện mặt trời Ninh Sơn 2	90		2031-2035	Đề xuất xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
46	Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 2	160		2031-2035	Xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào TBA 500kV Ninh Sơn	
47	Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 3	200		2031-2035	Đề xuất xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
48	Nhà máy Điện mặt trời Nhị Hà	100		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ TBA 110kV NMĐMT Nhị Hà đến đấu nối vào TBA 110kV KCN Cà Ná	
49	Dự án Điện mặt trời Thái Vinh 1	120		2031-2035	220kV đấu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm Phước Thái - (2x250)MVA	
50	Dự án Điện mặt trời Thái Vinh 2	120		2031-2035	220kV đấu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm Phước Thái - (2x250)MVA	
51	Dự án Điện mặt trời Quảng Sơn 2	96		2031-2035	220kV đấu nối đến 500kV Ninh Sơn - (250+150) MVA, chung đấu nối với Quảng Sơn 1	
52	Nhà máy điện mặt trời Thái Vinh 3	120		2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu nối về 220kV Phước Thái - 250MVA	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
53	Nhà máy điện mặt trời mặt trời Bắc Ái 11 kết hợp hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS)	100		2031-2035	Đấu nối nhà máy ĐMT Bắc Ái 11 bằng ĐZ mạch kép chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Tháp Chàm	
54	Nhà máy điện mặt trời mặt trời Phước Hà kết hợp hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS)	100		2031-2035	Dự kiến đấu nối chuyển tiếp lên 01 mạch ĐZ 220 kV Thuận Nam - Ninh Phước	
55	Nhà máy điện mặt trời Bắc Ái 1.1	150		2031-2035	Xây dựng mới TBA 22kV/220kV, công suất 2x125MVA đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đa Nhím - Nha Trang hiện có	
	Tỉnh Phú Thọ		100			
1	Điện năng lượng mặt trời tập trung	100	2026-2030		Đấu nối vào lưới điện trung, hạ áp	
	Tỉnh Phú Yên		955			
1	ĐMT nổi hồ Sông Hinh	200	2025-2030		ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV TĐ Sông Hinh	
2	ĐMT nổi Hồ Sông Hinh 3	200	2025-2030		ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV TĐ Sông Hinh	
3	Nhà máy điện mặt trời nổi trên lòng hồ Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ	220	2025-2030		XDM TBA 220kV ĐMT nổi Sông Ba Hạ công suất 50MVA. Xây dựng ĐZ 220kV ĐMT nổi Sông Ba Hạ - TĐ Sông Ba Hạ.	
4	Nhà máy Điện mặt trời Tây Hòa 1	50	2025-2030		ĐZ 110 kV Đấu nối vào trạm 220kV ĐMT Tây Hòa 3	
5	Nhà máy điện ĐMT Tây Hòa 2	60	2025-2030		Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110kV Sơn Hòa - 220kV Tuy Hòa	
6	Nhà máy điện ĐMT Tây Hòa 3	70	2025-2030		Chuyển tiếp vào ĐZ 220kV TBA Tuy Hòa - TĐ Sông Ba Hạ	
7	Nhà máy ĐMT Đa Lộc Phú Yên	55	2025-2030		Đường dây 110kV đấu nối vào TBA 110kV Đồng Xuân	
8	Nhà máy ĐMT Xuân Quang Phú Yên	100	2025-2030		Đường dây 110kV đấu nối vào TBA 110kV Đồng Xuân	
	Tỉnh Quảng Bình		410			
1	Nhà máy điện mặt trời Lệ Thủy	60	2025-2030		XDM trạm 220kV ĐMT Lệ Thủy công suất 2x125MVA; Xây dựng mới ĐZ mạch kép đấu trạm 220kV ĐMT Lệ Thủy chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - ĐG B&T1.	
2	Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình 1	120	2025-2030		Chuyển tiếp lên ĐZ 220kV mạch kép Đồng Hới - Ba Đồn	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình 2	80	2025-2030		Chuyển tiếp lên ĐZ 220kV mạch kép Đồng Hới - Ba Đồn	
4	Dự án điện mặt trời tích hợp hệ thống pin lưu trữ 240 MWh Quảng Bình	150	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ, TBA 220 kV BT1 và TBA 220KV BT2	
	Tỉnh Quảng Ngãi	140				
1	ĐMT Đầm Nước Mặn	40	2025-2030		Đấu nối ở cấp điện áp 110 kV	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Lâm Bình	100	2025-2030		Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Quảng Ngãi - Phú Mỹ	
	Tỉnh Quảng Ninh		390			
1	ĐMT (Hồ) Yên Lập	140	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Trảng Bạch - Yên Hưng - NB Uông Bí	
2	ĐMT (Hồ) Khe Chè	50	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV NB Phả Lại - NB Mạo Khê	
3	ĐMT (Hồ) Quất Đông	50	2025-2030		ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110kV Hải Hà - Texhong - Móng Cái	
4	ĐMT (Hồ) Đầm Hà Động	50	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép, đấu nối transit vào ĐZ 220kV Cẩm Phả - Hải Hà	
5	ĐMT Đầm Hà	100	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép, đấu nối transit vào ĐZ 220kV Cẩm Phả - Hải Hà	
	Tỉnh Quảng Trị		270	581		
1	Dự án điện mặt trời nổi Triệu Thượng 1,2	70	2025-2030		Đấu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 110kV Trạm 220kV Đông Hà - Trạm 220kV Phong Điền	
2	Dự án điện mặt trời Triệu Sơn 1	50	2025-2030		Đấu nối về TBA 110 kV Mỹ Thủy	
3	Dự án Nhà máy điện mặt trời Trúc Kinh 2	100	2025-2030		XDM ĐZ 220 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đông Hà - Đồng Hới	
4	Dự án Nhà máy điện mặt trời Hà Thượng	50	2025-2030		XDM ĐZ 220 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đông Hà - Đồng Hới	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Dự án điện mặt trời Hải Quy, huyện Hải Lăng	50		2031-2035	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối từ Nhà máy điện mặt trời Hải Quy đến thanh cái 110kV của TBA 110kV Diên Sanh hiện có	
6	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Kinh Môn 1	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220KV từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời nổi và pin lưu trữ Kinh Môn - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
7	Dự án điện mặt trời Hải Dương, huyện Hải Lăng	65		2031-2035	Đấu nối cấp điện áp 110kV về thanh cái TBA 110kV Mỹ Thủy bằng ĐZ 110kV mạch đơn	
8	Dự án điện mặt trời nổi Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị 2	40		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ NM ĐMT nổi Quảng Trị đến TBA 220kV Lao Bảo	
9	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Kinh Môn 2	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220KV từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời nổi và pin lưu trữ Kinh Môn - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
10	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi hồ Trúc Kinh 3	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng áp nhà máy ĐMT nổi hồ Trúc Kinh - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
11	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi Bảo Đài	96		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV 2 mạch phân pha từ TBA 220kV Bảo Đài đến ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
12	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi La Ngà	70		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV La Ngà đến ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
13	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Đập Trám	140		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 110kV của TBA Diên Sanh	
	Tỉnh Sóc Trăng		50			
1	ĐMT Phân trường Thạnh Trị	50	2025-2030		ĐZ 110 kV mạch đơn đấu về thanh cái TBA 110kV Thạnh Trị. Mở rộng thanh cái TBA 110kV Thạnh Trị.	
	Tỉnh Sơn La		3315	1050		
1	Bắc Yên 1	55	2025-2030		- Xây dựng trạm 220 kV ĐMT Bắc Yên 1, công suất 200 MVA để truyền tải công suất của các nhà máy ĐMT Bắc Yên 1 (55 MW), NM ĐMT Bắc Yên 2 (50 MW), NM ĐMT Bắc Yên 3 (50 MW). - Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220 kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ.	
2	Bắc Yên 2	50	2025-2030		- Xây dựng trạm biến áp 22 kV Bắc Yên 2. XD ĐZ 22 kV 4 mạch từ nhà máy ĐMT Bắc Yên 2 về trạm 220 kV Bắc Yên 1	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Bắc Yên 3	50	2025-2030		- Xây dựng trạm biến áp 22 KV Bắc Yên 3. XD ĐZ 22 kV 4 mạch từ nhà máy ĐMT Bắc Yên 3 về trạm 220 kV Bắc Yên 1	
4	Mai Sơn 1	50	2025-2030		Xây dựng TBA 220 kV công suất 150 MVA tại khu vực bản Tân Thảo, xã Cò Nòi để truyền tải công suất của Mai Sơn 2 50 MW và Mai Sơn 3 công suất 60 MW; Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Sơn La - Việt Trì	
5	Mai Sơn 2	60	2025-2030		Xây dựng ĐZ 35kV 4 mạch đầu nối về phía 35kV trạm 220kV Mai Sơn 2	
6	Mường La 1	40	2025-2030		TBA và ĐZ 220kV mạch kép đầu nối ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	
7	Mường La 2	50	2025-2030		Đường dây 220kV đầu nối TBA 220kV Mường La 1	
8	ĐMT nối lòng hồ thủy điện Sơn La	800	2025-2030		Xây dựng TBA nâng áp và ĐZ 500kV đầu nối TBA 500kV Sơn La	
9	Sông Mã 1	50	2025-2030		Đầu nối cấp điện áp 110 kV vào trạm 220kV Sông Mã	
10	Sông Mã 2	50	2025-2030		Đầu nối cấp điện áp 110 kV vào trạm 220kV Sông Mã	
11	Sông Mã 3	60	2025-2030		- Xây dựng trạm 110 kV Điện Mặt trời Sông Mã 3 công suất 100MVA - Xây dựng ĐZ 110 kV mạch đơn đầu vào TBA 110 kV thủy điện Mường Lầm	
12	Tổ hợp sản xuất điện sạch tích năng Chim Vàn - Cụm nhà máy ĐMT và Pin tích năng Phiêng Pằn	1000	2025-2030		Xây dựng ĐZ và TBA 500kV ĐMT Phiêng Pằn đầu nối TBA 500kV Mai Sơn 8	
13	Mai Sơn 4	75	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110 kV đầu nối về trạm 500 kV Mai Sơn	
14	Mai Sơn 5	210	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ Trạm 110kV Mai Sơn 5 đầu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
15	Mai Sơn 6	75	2025-2030		Đầu nối về phía 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
16	Mai Sơn 7	270	2025-2030		Xây dựng trạm 500 kV Mai Sơn 7 công suất 2700 MMA; Xây dựng ĐZ 500 kV từ TBA 500kV Mai Sơn - Việt Trì	
17	Mai Sơn 8	85	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm 110kV Mai Sơn 8 đầu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
18	Mai Sơn 9	70	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Trạm 110kV Mai Sơn 9 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
19	Yên Châu 4	135	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Trạm 110kV Yên Châu 4 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
20	Yên Châu 5	80	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm 110kV Yên Châu 5 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
21	Dự án ĐMT nối Sơn La 1.1 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV ĐMT nối Sơn La 1.1 - rẽ Sơn La - Điện Biên	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
22	Dự án ĐMT nối Sơn La 1.2 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nối Sơn La 1.2 - ĐMT nối Sơn La 1.1	
23	Dự án ĐMT nối Sơn La 2 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV 4 mạch ĐMT nối Sơn La 2 - rẽ Huội Quảng - Sơn La	
	Tỉnh Tây Ninh		450	314		
1	Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 5	450	2025-2030		Xây dựng mới TBA 220kV Dầu Tiếng 5 và ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Dầu Tiếng 5 đấu nối TBA 220kV Tây Ninh.	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Tân Châu - Tuấn Dung giai đoạn 1	314		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Bình Long - Tây Ninh	
	Tỉnh Thái Nguyên		220			
1	Nhà máy điện mặt trời nổi Hồ Núi Cốc	220	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái trạm 110kV Hồ Núi Cốc	
	Tỉnh Thanh Hóa		333	52		
1	Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thanh Hóa I	128	2025-2030		ĐZ 110kV bốn mạch từ trạm nâng áp 22/110kV ĐMT Thanh Hóa 1 đấu chuyển tiếp trên 02 mạch ĐZ 110kV từ 220kV Nghi Sơn - 220kV Thanh Hóa	
2	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Lặc	45	2025-2030		ĐZ 110kV ĐMT Ngọc Lặc - Ngọc Lặc	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
3	Điện mặt trời Long Sơn - Thanh Hóa	80	2025-2030		Đường dây 110kV mạch kép, từ trạm nâng áp 22/110 kV ĐMT Long Sơn đấu nối về thanh cái TBA 110kV XM Long Sơn 2	
4	Điện mặt trời hồ Yên Mỹ 1	80	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMĐMT hồ Yên Mỹ chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nông Cống - Nghi Sơn	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Điện mặt trời hồ Yên Mỹ 2	52		2031-2035	Đấu nối vào đường dây 110kV/220kV hiện trạng	
	Tỉnh Trà Vinh		50			
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời Trà Vinh - Giai đoạn 2	50	2025-2030		- Lắp đặt thêm MBA 1x63MVA đấu nối vào TBA 220 kV nhà máy điện mặt trời Trung Nam - Trà Vinh hiện hữu. - Nâng cấp tuyến ĐZ 220KV NMĐMT Trung Nam Trà Vinh - Đấu nối TBA 500kV Duyên Hải hiện hữu	
	Tỉnh Tuyên Quang		198	200		
1	Các dự án điện mặt trời nối lưới	198	2025-2030		Đấu nối vào lưới phân phối 110kV, trung áp, hạ áp tại địa phương	
2	Dự án ĐMT nối Tuyên Quang 1 (trên hồ TĐ Tuyên Quang)	80		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nối Tuyên Quang 1 - ĐMT nối Tuyên Quang 2	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
3	Dự án ĐMT nối Tuyên Quang 2 (trên hồ TĐ Tuyên Quang)	120		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV ĐMT nối Tuyên Quang 2 - rẽ TĐ Tuyên Quang - Bắc Kạn; ĐZ 220 kV ĐMT nối Tuyên Quang 2 - rẽ TĐ Tuyên Quang - Yên Sơn	
	Tỉnh Vĩnh Long	50				
1	Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Long 1	50	2026-2035		Đường dây 110kV mạch kép NMĐMT Vĩnh Thành đấu nối vào ĐZ 110kV Bình Minh - Cầu Kè	
	Tỉnh Yên Bái	1630				
1	ĐMT Yên Bình	500	2025-2030		- Đối với Cụm Cẩm Ân: XDM TBA tăng áp 22/220kV công suất 3x63MVA. XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐ MT Yên Bình chuyển tiếp 1 mạch ĐZ 220kV Bảo Thắng - Yên Bái; - Đối với cụm Phúc An: XDM TBA 22/220kV công suất 7x63MVA, XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐ MT Yên Bình chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	
2	ĐMT nối Hồ Thác Bà	500	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về thanh cái 220kV trạm 220kV Yên Bái.	
3	ĐMT Mỹ Gia 2	580	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng 220kV nhà máy ĐMT nối hồ Thác Bà đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	
4	ĐMT Tân Lĩnh	50	2025-2030		Xây dựng TBA tăng áp 22/110kV công suất 1x63MVA; Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Nhà máy điện mặt trời Tân Lĩnh đấu nối vào ngăn lộ 110kV TBA 220kV Lục Yên	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	TP Cần Thơ	50				
1	ĐMT tập trung	50	2025-2030		Đấu nối vào lưới điện phân phối trung, hạ áp	
	Tỉnh Lào Cai	100				
1	ĐMT tập trung khác	100	2025-2030		Phương án đấu nối dự kiến được đề xuất trong kỳ tiếp theo	
	Tỉnh Hà Nam	50				
1	ĐMT tập trung tỉnh Hà Nam	50	2025-2030		Đấu nối bằng cáp điện áp 35 kV	

Bảng 15: Danh mục các dự án điện sinh khối có công suất từ 50 MW trở lên và dự án có công suất nhỏ hơn 50 MW đấu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Yên Bái	158		
1	Nhà máy điện sinh khối Yên Bái 1	50	2026-2030	QĐ 262/QĐ-TTg. ĐZ 110kV mạch đơn đấu về TBA 110 kV Văn Yên
2	Nhà máy điện sinh khối Trường Minh	58	2026-2030	QĐ 262/QĐ-TTg. XDM ĐZ 220 kV Trường Minh - Yên Bái
3	Điện sinh khối Lục Yên	50	32 MW GD 2025-2030; 18 MW GD 2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Lục Yên - Bảo Thắng
	Tỉnh Bắc Kạn	50		
1	NMĐ sinh khối Bắc Kạn 1	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg (35 MW), điều chỉnh công suất. ĐZ 110 kV mạch kép ĐSK Bắc Kạn 1 - rẽ Bắc Kạn - Phú Lương
	Tỉnh Lào Cai	50		
1	ĐSK Bảo Thắng	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg (30 MW), điều chỉnh công suất. XDM ĐZ 110 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV TBA Gang thép Lào Cai - TBA 220 kV Bảo Thắng
	Tỉnh Tuyên Quang	100		
1	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang	50	2023-2030	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang (GD 2)	50	32 MW GD 2025-2030, 18 MW GD 2031-2035	ĐZ 110 kV mạch kép Hàm Yên - Xi măng Tân Quang
	Tỉnh Phú Thọ	50		
1	Nhà máy điện sinh khối Phú Thọ	50	20 MW GD 2025-2030, 30 MW GD 2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Phố Vàng - Tân Sơn
	Tỉnh An Giang	104		
1	Nhà máy điện sinh khối An Giang 1	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg. XDM ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối vào TBA 110 kV Tri Tôn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
2	Nhà máy điện sinh khối An Giang 2 giai đoạn 2	54	2031-2035	ĐZ 110 kV NMD sinh khối An Giang 2 - Cái Dầu
	Tỉnh Điện Biên	55		
1	NMD sinh khối Mường Nhé (Nậm Kè - 30 MW và Chung Chải - 25 MW)	55	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép NMD sinh khối MSS Chung Chải - TBA 220 kV Nậm Pồ
	Tỉnh Hoà Bình	100		
1	NMD sinh khối Hoà Bình	100	75 MW GD 2025-2030; 25 MW GD 2031-2035	QĐ 1682/QĐ-TTg (30 MW), điều chỉnh công suất lên 75 MW GD 2025-2030, XDM ĐZ 110 kV mạch kép ĐSK Hoà Bình - Xuân Thiện
	Tỉnh Phú Yên	50		
1	Dự án điện sinh khối Thuận Phát	50	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu nối vào ĐZ 110 kV Sông Hinh - Tuy Hòa
	Tỉnh Quảng Bình	172		
1	NMD sinh khối Quảng Bình	50	2025-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg (10 MW), điều chỉnh tăng thêm 40 MW, ĐZ 110 kV mạch đơn đấu vào TBA 110 kV Tây Bắc Quán Hâu
2	NMD sinh khối PIR-1 Quảng Bình	50	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Áng Sơn - Vĩnh Linh
3	NMD sinh khối An Việt Phát Quảng Bình giai đoạn 1	58	2025-2030	Đấu nối ngăn lộ TBA 220 kV thị xã Ba Đồn
4	NMD sinh khối An Việt Phát Quảng Bình giai đoạn 2	14	2031-2035	Đấu nối ngăn lộ TBA 220 kV thị xã Ba Đồn
	Tỉnh Quảng Nam	100		
1	Dự án Điện Sinh khối Tiên Phước	50	2031-2035	ĐZ 110 kV đấu nối vào lưới điện khu vực
2	Dự án Điện Sinh khối Quảng Nam	50	2031-2035	ĐZ 110 kV đấu nối vào lưới điện khu vực
	Tỉnh Quảng Ngãi	50		
1	Điện sinh khối Tư Nghĩa	50	7 MW GD 2025-2030; 43 MW GD 2031-2035	Đấu nối bằng ĐZ 110 kV về TBA 110 kV Quảng Phú
	Tỉnh Thanh Hóa	110		
1	Điện sinh khối Thanh Hóa 1	50	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Ngọc Lặc - Thiệu Yên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
2	Điện sinh khối Thanh Hóa 2	60	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên mạch 2 ĐZ 110 kV Thiệu Yên - Bá Thước
	Tỉnh Bình Định	50		
1	NMĐ sinh khối Bình Định	50	2025-2030	ĐZ 110 kV NMĐ sinh khối Bình Định - Phù Cát
	Tỉnh Đắk Lắk	120		
1	NMĐ sinh khối Đắk Lắk	120	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn từ NMĐ sinh khối Đắk Lắk - Krông Ana, TBA nâng phù hợp công suất NMĐ
	Tỉnh Gia Lai	106		
1	Nâng công suất NMĐ sinh khối An Khê (mở rộng)	40	2025-2030	Công suất hiện hữu là 95 MW, mở rộng thêm 40 MW. ĐZ 220 kV đầu nối vào TBA 220 kV NMĐ sinh khối An Khê hiện hữu. Thay MBA 63 MVA bằng MBA 115 MVA.
2	Cụm NMĐ sinh khối xã Gào (3 nhà máy)	66	2031-2035	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Diên Hồng - Chư Sê
	TP Cần Thơ	150		
1	NMĐ sinh khối Cần Thơ	150	2025-2035	ĐZ 110 kV Long Xuyên 2 - Vĩnh Thạnh
	Tỉnh Long An	75		
1	NMĐ sinh khối Long An	75	33 MW GĐ 2025-2030; 42 MW GĐ 2031-2035	QĐ 1682/QĐ-TTg (13 MW). Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV NMĐMT GAIA - Long An 2
	Tỉnh Bình Phước	50		
1	NMĐ sinh khối Bình Phước	50	2025-2030	Đầu nối vào TBA 110 kV Bình Long
	Tổng công suất	1.700		

Bảng 16: Danh mục các dự án điện sản xuất từ rác có công suất từ 50 MW trở lên và dự án có công suất nhỏ hơn 50 MW đấu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
	TP. Hà Nội	150		
1	Dự án Nhà máy điện rác Sóc Sơn	90	2024-2025	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Dự án cải tạo môi trường và đốt rác phát điện Hà Nội	60	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối từ TBA 110 kV của Dự án về TC 110 kV TBA 220 kV Sóc Sơn
	TP. Hồ Chí Minh	260		
1	Dự án nhà máy đốt rác phát điện Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam (VWS)	60	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Trạm 220 kV Bình Chánh - Trạm 110 kV DEPOT Đa Phước
2	Nhà máy đốt rác phát điện Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Sinh Nghĩa giai đoạn 1 (điều chỉnh công suất từ 40 MW lên thành 60 MW)	60	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa đấu vào thanh trụ T38E thuộc dự án Nhánh rẽ đường dây 110 kV đấu nối TBA 110 kV Phước Hiệp
3	Nhà máy đốt rác phát điện Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Sinh Nghĩa giai đoạn 2	140	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa đấu vào thanh trụ T38E thuộc dự án Nhánh rẽ đường dây 110 kV đấu nối TBA 110 kV Phước Hiệp
	Tổng công suất	410		

Bảng 17: Danh mục các dự án điện gió ngoài khơi đến năm 2030

TT	Khu vực phát triển ĐGNK	Công suất dự kiến (MW)	Tổ hợp dự kiến	
			Tên dự án	Công suất (MW)
1	ĐGNK Bắc Bộ 1	1500	ĐGNK Bắc Bộ 1.1	500
			ĐGNK Bắc Bộ 1.2	500
			ĐGNK Bắc Bộ 1.3	500
2	ĐGNK Bắc Bộ 2	500	ĐGNK Bắc Bộ 2	500
3	ĐGNK Bắc Bộ 3	500	ĐGNK Bắc Bộ 3	500
4	ĐGNK Nam Trung Bộ 1	1500	ĐGNK Nam Trung Bộ 1.1	500
			ĐGNK Nam Trung Bộ 1.2	500
			ĐGNK Nam Trung Bộ 1.3	500
5	ĐGNK Nam Trung Bộ 2	500	ĐGNK Nam Trung Bộ 2	500
6	ĐGNK Nam Bộ 1	500	ĐGNK Nam Bộ 1	500
7	ĐGNK Nam Bộ 2	500	ĐGNK Nam Bộ 2	500
8	ĐGNK Nam Bộ 3 (*)	500	ĐGNK Nam Bộ 3	500

Ghi chú:

- Các dự án cần có giải pháp để bảo đảm tiến độ vận hành theo quy hoạch được duyệt. Việc xác định tọa độ vị trí các dự án ĐGNK tuân thủ các quy định của pháp luật và được xác định ở giai đoạn chuẩn bị dự án, bảo đảm không chồng lấn với các quy hoạch khác.

(*) Dự án điều chuyển từ khu vực Trung Trung Bộ sang Nam Bộ.

Bảng 18: Danh mục các dự án điện gió ngoài khơi đến năm 2035 (MW)

TT	Khu vực phát triển ĐGNK	Công suất dự kiến (MW)	Tổ hợp dự kiến		Dự kiến Điểm gom công suất	Giai đoạn vận hành
			Tên dự án thành phần	Công suất (MW)		
I	Bắc Bộ	11200				
1	Bắc Bộ 1	2200	Bắc Bộ 1.1 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.2 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.3 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.4	700	Trạm BB 1	2031-2035
2	Bắc Bộ 2	1000	Bắc Bộ 2.1 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 2.2	500	Trạm BB 1	2031-2035
3	Bắc Bộ 3	1000	Bắc Bộ 3.1 (*)	500	Trạm BB 3	2025-2030
			Bắc Bộ 3.2	500	Trạm BB 3	2031-2035
4	Bắc Bộ 4	1000	Bắc Bộ 4	1000	Trạm BB 2	2031-2035
5	Bắc Bộ 5	1000	Bắc Bộ 5	1000	Trạm BB 2	2031-2035
6	Bắc Bộ 6	1000	Bắc Bộ 6	1000	Trạm BB 2	2031-2035
7	Bắc Bộ 7	1000	Bắc Bộ 7	1000	Trạm BB 2	2031-2035
8	Bắc Bộ 8	1000	Bắc Bộ 8	1000	Trạm BB 3	2031-2035
9	Bắc Bộ 9	1000	Bắc Bộ 9	1000	Trạm BB 4	2031-2035
10	Bắc Bộ 10	1000	Bắc Bộ 10	1000	Trạm BB 4	2031-2035
II	Nam Trung Bộ	4300				
1	Nam Trung Bộ 1	2000	Nam Trung Bộ 1.1 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.2 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.3 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.4	500	Trạm NTB1	2031-2035
2	Nam Trung Bộ 2	1000	Nam Trung Bộ 2.1 (*)	500	Trạm NTB2	2025-2030
			Nam Trung Bộ 2.2	500	Trạm NTB2	2031-2035
3	Nam Trung Bộ 3	1300	Nam Trung Bộ 3	1300	Trạm NTB3	2031-2035
III	Nam Bộ	1500				
1	Nam Bộ 1	500	Nam Bộ 1 (*)	500	Trạm NB1	2025-2030
2	Nam Bộ 2	500	Nam Bộ 2 (*)	500	Trạm NB2	2025-2030
3	Nam Bộ 3	500	Nam Bộ 3 (*)	500	Trạm NB3	2025-2030
	Tổng	17000				

Ghi chú:

- Việc xác định tọa độ vị trí các dự án ĐGNK tuân thủ các quy định của pháp luật và được xác định ở giai đoạn chuẩn bị dự án, bảo đảm không chồng lấn với các quy hoạch khác.

(*) Các dự án đã xác định giai đoạn đến năm 2030 tại Bảng 18.

Bảng 19: Danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Tỉnh/Thành phố	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình	300	Ninh Bình	2025 - 2030	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình 2	1200	Ninh Bình	2025 - 2030	
3	Nhà máy điện linh hoạt Hải Dương	1200	Hải Dương	2025 - 2035	
4	Nhiệt điện linh hoạt tăng thêm (*)	Khoảng 6.530		2025 - 2035	

Ghi chú:

(*) Danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt tăng thêm sẽ được làm rõ theo quy định của pháp luật.

- Nhiên liệu sử dụng cho các dự án nhiệt điện linh hoạt sẽ chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Bảng 20: Các dự án tiềm năng xuất khẩu điện

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Loại nguồn	Ghi chú
1	Các dự án xuất khẩu ĐGNK	8.000-10.000	Điện gió ngoài khơi	Trên cơ sở đề xuất của Singapore, Malaysia và các nước khác
2	Khu vực điện gió ngoài khơi TGS Duyên Hải	2.000	Điện gió ngoài khơi	Tỉnh Trà Vinh đề xuất
3	Xuất khẩu điện tỉnh Cà Mau	2.000-5.000	Các nguồn từ NLTT	Tỉnh Cà Mau
4	Dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu 5	10.000	Điện gió ngoài khơi xuất khẩu	Tỉnh Bạc Liêu đề xuất

Ghi chú:

Các dự án xuất khẩu điện được phép phát triển trên cơ sở đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh quốc phòng và các điều kiện kinh tế, kỹ thuật.

Phụ lục III.2
DANH MỤC LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG MỚI
ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2035

Bảng 1: Danh mục các công trình UHVDC giai đoạn 2031-2035

TT	Tên công trình	Quy mô (km/MW)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2026-2030		
1	Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To-Back) 500kV Lào Cai	3000 MW	Phục vụ liên kết nhập khẩu điện từ Trung Quốc, triển khai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Lào Cai, nếu XD trạm chuyển đổi Back-to-Back trên lãnh thổ Việt Nam.
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Trung Trung Bộ 1 - Bắc Bộ 1	2x700km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Vũng Áng, Quảng Bình, Quảng Trị. Xem xét phương án tận dụng hướng tuyến đường dây 500kV Quảng Trị - Vũng Áng - Nho Quan cũ.
2	Trạm converter Trung Trung Bộ 1	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực Quảng Bình, Quảng Trị
3	Trạm converter Bắc Bộ 1	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Giang
4	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Trung Trung Bộ 2 – Bắc Bộ 2	2x1050km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
5	Trạm converter Trung Trung Bộ 2	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực Quảng Ngãi
6	Trạm converter Bắc Bộ 2	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực các huyện phía Tây Hà Nội.
7	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Nam Trung Bộ – Bắc Bộ 3	2x1550km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Dự phòng trường hợp phát triển cao hơn của nguồn điện Nam Trung Bộ.
8	Trạm converter Nam Trung Bộ	4000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Ninh Thuận
9	Trạm converter Bắc Bộ 3	4000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Hưng Yên.
10	Đường dây từ Bà Rịa - Vũng Tàu ra Hải Phòng	2x1700km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực miền Nam.

Ghi chú:

Các hệ thống HVDC truyền tải liên vùng, khoảng cách truyền tải lớn (gồm các đường dây HVDC và các trạm chuyển đổi converter AC-DC, DC-AC) có chi phí đầu tư rất lớn. Cần nghiên cứu kỹ, đánh giá tổng thể khi triển khai thực hiện các hệ thống này căn cứ tiến độ triển khai các dự án nguồn điện (bao gồm nguồn điện nền và nguồn NLTT), gắn với tín hiệu thị trường và cơ chế chính sách.

**Bảng 2: Định hướng các đường dây và trạm biến áp UHVAC 765÷1000 kV
giai đoạn 2031-2035**

STT	Tên công trình	Quy mô (km/MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1	600km	Trong trường hợp phát triển nguồn điện Nam Trung Bộ cao hơn dự kiến, xem xét phương án giải tỏa công suất điện hạt nhân và tăng cường năng lực truyền tải liên kết Nam Trung Bộ - Nam Bộ bằng lưới điện xoay chiều siêu cao áp 765÷1000 kV thay cho phương án truyền tải 500 kV. Quy mô, tiến độ và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
2	Đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2	600km	Trong trường hợp phát triển nguồn điện Nam Trung Bộ cao hơn dự kiến, xem xét phương án giải tỏa công suất điện hạt nhân và tăng cường năng lực truyền tải liên kết Nam Trung Bộ - Nam Bộ bằng lưới điện xoay chiều siêu cao áp 765÷1000 kV thay cho phương án truyền tải 500 kV. Quy mô, tiến độ và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
3	TBA 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
4	TBA 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
5	TBA 765÷1000 kV Nam Bộ 1	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
6	TBA 765÷1000 kV Nam Bộ 2	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án

Ghi chú:

Sự xuất hiện của hệ thống truyền tải cực siêu cao UHVAC 765-1000 kV kết nối Nam Trung Bộ - Nam Bộ trong bảng trên gắn với quy mô phát triển nguồn điện tại Nam Trung Bộ (ĐHN Ninh Thuận 3,4, điện mặt trời, điện gió trên bờ, điện gió ngoài khơi), cần có thêm các nghiên cứu về tính khả thi và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật tổng thể.

Bảng 3: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Tây Hà Nội	1800	Cải tạo, nâng công suất
2	Sơn Tây	1800	Xây mới
3	Nam Hà Nội	1800	Xây mới
4	Đan Phượng	1800	Xây mới, xem xét nối cấp trạm 220kV Đan Phượng
5	Hải Phòng	1800	Xây mới
6	Hải Phòng 2	1800	Xây mới
7	BB 1 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK
8	Gia Lộc	900	Xây mới
9	Phổ Nối	1800	Cải tạo, nâng công suất
10	Hưng Yên 1	1800	Xây mới, đổi tên từ TBA 500 kV Long Biên trong Quy hoạch điện VIII
11	Hưng Yên 2	900	Xây mới
12	Nam Định	1800	Xây mới, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV là NB Nam Định, NMNB Nam Định 1
13	Thái Bình	1200	Xây mới
14	Trạm cắt Hòa Bình 2	Trạm cắt	Xây mới trạm cắt
15	Lào Cai	2700	Xây mới
16	Lạng Sơn	1800	Xây mới
17	Yên Bái (*)	1800	Xây mới
18	Thái Nguyên	1800	Xây mới
19	Việt Trì	1800	Cải tạo, nâng công suất
20	Vĩnh Yên	1800	Xây mới
21	Bắc Giang	900	Xây mới
22	Yên Thế	900	Xây mới
23	Bắc Ninh	1800	Xây mới
24	Bắc Ninh 2	1800	Xây mới
25	Quảng Ninh	1,800	Xây mới
26	Lai Châu	1800	Cải tạo, nâng công suất
27	Than Uyên	2700	Xây mới
28	Điện Biên	2700	Xây mới
29	Sơn La 1 (*)	1800	Xây mới
30	Sơn La 2 (*)	1800	Xây mới
31	Hòa Bình	1800	Cải tạo, nâng công suất
32	Nghi Sơn	1800	Cải tạo, nâng công suất
33	Thanh Hóa	1800	Cải tạo, nâng công suất
34	Nam Cẩm		Xây mới trạm cắt phục vụ đầu nối nhập khẩu điện từ Lào
35	Quỳnh Lưu	1800	Xây mới
36	Hà Tĩnh 2	2700	Xây mới

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
37	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	4500	Xây mới và cải tạo, nâng công suất
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Thường Tín	2700	Cải tạo, nâng công suất
2	Đông Anh	2700	Cải tạo, nâng công suất
3	Tây Hà Nội	2700	Cải tạo, nâng công suất
4	Nam Hà Nội	2700	Cải tạo, nâng công suất
5	Đan Phượng	2700	Cải tạo, nâng công suất
6	Vân Trì	1800	Xây mới
7	Hải Phòng 2	2700	Cải tạo, nâng công suất
8	BB 1 (*)	3600	Cải tạo, nâng công suất
9	BB 2 (*)	3600	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK
10	Gia Lộc	1800	Cải tạo, nâng công suất
11	Hưng Yên 1	2700	Cải tạo, nâng công suất
12	Hưng Yên 2	1800	Cải tạo, nâng công suất
13	Hà Nam	1800	Xây mới
14	Nam Định	2700	Cải tạo, nâng công suất, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV là NĐ Nam Định, NMNĐ Nam Định 1
15	Nam Định 2	900	Xây mới
16	Nam Định 3	1800	Xây mới, đồng bộ với phụ tải KKT Ninh Cơ (theo đề nghị của UBND tỉnh Nam Định tại Văn bản số 06/UBND-VP5 ngày 03/01/2025) và trong trường hợp phát triển phụ tải chuyên dùng khi TBA 220 kV không đảm bảo cấp điện. Xem xét quy mô tới 3.600 MVA khi nhu cầu phụ tải phát triển mạnh; xem xét đầu nối các nguồn ĐGNK và LNG tự sản tự tiêu để cấp điện cho phụ tải này

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
17	Thái Bình	1800	Cải tạo, nâng công suất
18	BB 4 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK
19	Lạng Sơn 2 (*)	1800	Xây mới
20	Hà Giang	1800	Xây mới
21	Thái Nguyên 2	900	Xây mới
22	Phú Thọ	1800	Xây mới
23	Vĩnh Tường	1800	Xây mới
24	Bắc Giang	1800	Cải tạo, nâng công suất
25	Yên Thế	1800	Cải tạo, nâng công suất
26	Bắc Ninh	2700	Cải tạo, nâng công suất
27	Bắc Ninh 2	2700	Cải tạo, nâng công suất
28	Bắc Ninh 3	1800	Xây mới
29	BB 3 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK
30	Hải Hà	900	Xây mới
31	Quảng Ninh 2	1800	Cải tạo, nâng công suất
32	NLTT Lai Châu 1 (*)	1800	Xây mới
33	Sơn La	2700	Cải tạo, nâng công suất
34	Thanh Hóa	2700	Cải tạo, nâng công suất
35	Tĩnh Gia	1800	Xây mới
36	Nam Cẩm	900	Lắp bổ sung MBA tại trạm cắt phục vụ cấp điện cho phụ tải địa phương (nếu cần), xem xét nối cấp trạm 220kV Nam Cẩm (nếu cần)
37	Hà Tĩnh	1800	Cải tạo, nâng công suất
38	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	2700	Xây mới và cải tạo, nâng công suất
39	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

Bảng 4: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1	x	75	Cải tạo một mạch thành hai mạch
2	Đan Phượng - Rẽ Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Đan Phượng
3	Hưng Yên 1 - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2	x	8	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 1, thay thế cho đường dây 500 kV Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín trong Quy hoạch điện VIII
4	Hưng Yên 2 - Hưng Yên 1	2	x	35	Đầu nối TBA 500kV Hưng Yên 2
5	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội
6	Sơn Tây - Đan Phượng	2	x	20	Đầu nối TBA 500 kV Sơn Tây
7	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2	x	70	Xây mới
8	BB 1 - Hải Phòng (*)	2	x	25	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
9	Hải Phòng - Thái Bình	2	x	38	Đầu nối TBA 500 kV Hải Phòng
10	Quảng Ninh 2 - Rẽ Quảng Ninh - Phố Nối và NĐ Thăng Long - Phố Nối	4	x	5	Xây mới
11	Hải Phòng - Hải Phòng 2	2	x	20	Xây mới
12	BB1 - Quảng Ninh 2 (*)	2	x	60	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
13	Gia Lộc - Rẽ Thái Bình - Phố Nối	4	x	13	Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc
14	Thái Bình - Rẽ NMND Nam Định 1 - Phố Nối	4	x	1	Đầu nối TBA 500 kV Thái Bình
15	Nam Định - Rẽ Thanh Hóa - Phố Nối	4	x	1	Xây mới, đầu nối, hoàn thiện sơ đồ TBA 500kV Nam Định.
16	Sam Nuea - Trạm cắt Hòa Bình 2	2	x	110	Xây mới
17	Trạm cắt Hòa Bình 2 - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan và Sơn La - Nho Quan	4	x	5	Xây mới
18	Trạm cắt Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội	2	x	80	Xây mới
19	Biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào Cai	2	x	65	Mua điện Trung Quốc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
20	Lào Cai - Vĩnh Yên	2	x	210	Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, giải tỏa Thủy điện nhỏ và dự phòng mua điện Trung Quốc
21	Lạng Sơn - Bắc Giang (*)	2	x	120	Xây mới
22	Lạng Sơn - Yên Thế (*)	2	x	120	Xây mới
23	Yên Bái - Thái Nguyên (*)	2	x	100	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
24	Yên Bái - Rẽ Lào Cai - Vĩnh Yên (*)	4	x	20	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
25	Hiệp Hòa - Thái Nguyên	2	x	29	Đầu nối TBA 500 kV Thái Nguyên
26	Yên Thế - Thái Nguyên	2	x	70	Xây mới
27	Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì - Hiệp Hòa	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Vĩnh Yên
28	Bắc Giang - Bắc Ninh	2	x	40	Xây mới
29	Bắc Giang - Rẽ Quảng Ninh - Hiệp Hòa	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Bắc Giang
30	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Nối	2	x	1	Đầu nối TBA 500 kV Bắc Ninh
31	Bắc Ninh 2 - Rẽ Bắc Giang - Hiệp Hòa	4	x	10	Đầu nối TBA 500 kV Bắc Ninh 2
32	LNG Quảng Ninh - Quảng Ninh	2	x	30	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Thay thế cho đường dây 500 kV LNG Quảng Ninh I - Quảng Ninh trong Quy hoạch điện VIII. Trường hợp TBA 500kV Quảng Ninh không thể mở rộng được ngăn lộ, thực hiện đầu chuyển tiếp vào ĐD 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa
33	Lai Châu - Than Uyên	2	x	75	Xây mới
34	Than Uyên - Yên Bái (*)	2	x	170	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
35	Điện Biên - Lai Châu (*)	2	x	50	Xây mới
36	Sơn La 1 - Rẽ Sơn La - Hòa Bình và Sơn La - Nho Quan (*)	2	x	150	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
37	Sơn La 1 - Sơn Tây (*)	2	x	150	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
38	Sơn La 2 - Sơn La 1 (*)	2	x	50	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
39	TĐ Hòa Bình mở rộng - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	2	x	1	Đồng bộ TĐ Hòa Bình MR
40	Quỳnh Lưu - Rẽ Quảng Trạch - Thanh Hóa	4	x	5	Xây mới
41	LNG Nghi Sơn - LNG Quỳnh Lập	2	x	10	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 1
42	LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	2	x	190	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 2
43	LNG Quỳnh Lập - Quỳnh Lưu	2	x	15	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 2
44	Đầu nối TĐTN Bắc Trung Bộ	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn
45	LNG Quảng Trạch II - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
46	Trạm cắt Nam Cẩm - Rẽ Vũng Áng - Nho Quan	4	x	12	Xây mới, phục vụ đầu nối nguồn điện nhập khẩu Lào. Chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 500 kV Vũng Áng - Nho Quan hiện hữu (mạch 1,2)
47	Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	2	x	380	Xây mới, sử dụng dây phân pha tiết diện lớn, chuyển đầu nối đường dây 500kV Vũng Áng - Rẽ Đà Nẵng - Hà Tĩnh (mạch 3,4), kết hợp thay dây siêu nhiệt đoạn này.
48	Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng (mạch 3,4)	2	x	16	Chuyển tiếp vào đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng mạch 2
49	Hà Tĩnh 2 - Rẽ Vũng Áng - Hà Tĩnh (*)	4	x	5	Xây mới
50	ĐG Phila - Trạm cắt 500 kV Nam Cẩm	2	x	35	Phương án đề xuất trong văn bản của UBND tỉnh, phục vụ nhập khẩu điện từ Lào
51	ĐG Cha Lo - TBA 500 kV Hà Tĩnh	2	x	50	Phương án đề xuất trong văn bản của UBND tỉnh, phục vụ nhập khẩu điện từ Lào
52	Đầu nối Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To-Back) 500kV Lào Cai	4	x	2	Phục vụ liên kết nhập khẩu điện từ Trung Quốc, triển khai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Lào Cai, nếu xây

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
					dựng trạm chuyển đổi Back-to-Back trên lãnh thổ Việt Nam.
53	Dự phòng đấu nối các nguồn điện tại các tỉnh Boulikhamxay, Khammouane, Lào			600	Xây mới
54	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			200	Xây mới và cải tạo
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đấu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 1 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
2	Đấu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 2 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
3	Đấu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 3 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
4	Vân Tri - Vĩnh Yên	2	x	40	Xây mới
5	BB 2 - Rẽ BB 1 - Hải Phòng 2 (*)	4	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
6	Hà Nam - Thái Bình	2	x	20	Xây mới
7	Nam Định 2 - Rẽ LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	4	x	5	Xây mới
8	Nam Định - Nam Định 3	2	x	18	Xây mới, đồng bộ với TBA 500 kV Nam Định 3
9	BB 4 - Bắc Giang (*)	2	x	135	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
10	Hà Giang - Rẽ Yên Bái - Thái Nguyên	2	x	180	Xây mới
11	Lạng Sơn 2 500 kV - Rẽ Lạng Sơn - Yên Thế	4	x	10	Xây mới
12	Thái Nguyên 2 - Thái Nguyên - Yên Thế	2	x	20	Xây mới
13	Phú Thọ - Rẽ Sơn La - Việt Trì	4	x	20	Xây mới
14	Sơn Tây - Vĩnh Tường	2	x	20	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
15	Bắc Ninh 3 - Rẽ Hưng Yên 1 - Phổ Nối	4	x	10	Xây mới
16	BB 3 - Lạng Sơn (*)	2	x	140	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
17	Hải Hà - Rẽ BB 3 - Lạng Sơn	2	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
18	NLTT Lai Châu 1 - Rẽ Lai Châu - Than Uyên (*)	4	x	20	Xây mới
19	LNG Công Thanh - Rẽ Nghi Sơn - Nho Quan	2	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
20	LNG Thái Bình GĐ 2 - Thái Bình	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
21	LNG Vũng Áng III - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trạch	2	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
22	LNG Thanh Hóa - LNG Công Thanh	2	x	5	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
23	LNG Công Thanh - Bắc Ninh 3	2	x	220	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong GĐ triển khai dự án. Xem xét sử dụng cột bốn mạch, tận dụng tối đa hướng tuyến với LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 1.
24	Đầu nối TĐTN Bắc Bộ 1 (*)	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
25	TĐTN Đông Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì và Sơn La - Vĩnh Yên	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
26	TĐTN Bắc Bộ 1 - rẽ Sơn La 1 - Sơn Tây (*)	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
27	Tĩnh Gia - Rẽ LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	4	x	4	Xây mới
28	LNG Hải Phòng - TBA 500 kV Hải Phòng (hoặc TBA 500 kV Gia Lộc)	2	x	45	Đồng bộ NMD LNG Hải Phòng giai đoạn I
29	LNG Quảng Trạch III - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
30	Cải tạo Quảng Trị - Vũng Áng (mạch 2)	2	x	200	Xây mới, dự phòng trường hợp triển khai HVDC Trung Trung Bộ 1 - Bắc Bộ 1, tận dụng tuyến đường dây 500 kV Quảng Trị - Vũng Áng hiện hữu
31	TĐ Sơn La MR - TĐ Sơn La - Lai Châu	1	x	5	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
32	TĐ Lai Châu MR - Rẽ TĐ Lai Châu - Lai Châu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
33	Cải tạo Vũng Áng - Nho Quan (mạch 1)	2	x	360	Cải tạo đường dây 500 kV hiện hữu thành 02 mạch
34	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			340	Xây mới và cải tạo

**Bảng 5: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Bắc**

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Vân Trì	750	Cải tạo, nâng công suất
2	Tây Hà Nội	750	Cải tạo, nâng công suất
3	Sóc Sơn 2	250	Xây mới
4	Văn Điển	500	Xây mới
5	Long Biên 2	500	Xây mới
6	Mê Linh	500	Xây mới
7	Chương Mỹ	250	Xây mới
8	Ứng Hòa	500	Xây mới
9	Đại Mỗ	750	Xây mới
10	Hòa Lạc	500	Xây mới
11	Cầu Giấy	250	Xây mới
12	Hai Bà Trưng	250	Xây mới
13	Thanh Xuân	750	Xây mới
14	Đan Phượng	500	Xây mới
15	Phủ Xuyên	250	Xây mới
16	Hòa Lạc 2	500	Xây mới
17	NLTT Hà Nội 2 (*)	500	Xây mới
18	Vật Cách	500	Cải tạo, nâng công suất
19	NĐ Hải Phòng	500	Cải tạo, nâng công suất
20	Đồ Sơn	250	Xây mới
21	An Lão	500	Xây mới
22	Đại Bản	250	Xây mới
23	Dương Kinh	500	Xây mới
24	Tiên Lãng	500	Xây mới
25	Cát Hải	500	Xây mới
26	NĐ Phả Lại	750	Cải tạo, nâng công suất
27	Gia Lộc	500	Xây mới
28	Tứ Kỳ	250	Xây mới
29	NĐ Hải Dương	500	Cải tạo, nâng công suất
30	Tân Việt	500	Xây mới
31	Thanh Hà	250	Xây mới
32	Nhị Chiểu	250	Xây mới
33	Nam Sách	250	Xây mới
34	Thanh Miện	250	Xây mới
35	Hưng Yên 2 500 kV nối cáp	250	Xây mới
36	Bãi Sậy	500	Xây mới
37	Vân Giang	250	Xây mới
38	Lý Nhân	500	Xây mới
39	Đồng Văn	750	Xây mới
40	Hải Hậu	500	Xây mới
41	Nam Định 2	250	Xây mới
42	Nghĩa Hưng	500	Xây mới
43	Nam Định 3	750	Xây mới
44	Giao Thủy	250	Xây mới
45	Quỳnh Phụ	500	Xây mới
46	Vũ Thư	500	Xây mới
47	Thái Bình 500 kV nối cáp	500	Xây mới

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
48	Ninh Bình 2	500	Xây mới
49	Nho Quan 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất
50	Tam Điệp	250	Xây mới
51	Gia Viễn	500	Xây mới, thực hiện trong trường hợp di dời TBA 220kV Ninh Bình
52	Hà Giang	375	Cải tạo, nâng công suất
53	Bắc Quang	500	Cải tạo, nâng công suất
54	Cao Bằng	500	Cải tạo, nâng công suất
55	Bắc Hà	250	Xây mới
56	Bát Xát	500	Xây mới
57	Lào Cai 500 kV nối cấp	500	Xây mới
58	Văn Bàn	250	Xây mới
59	Bắc Kạn 1 (*)	500	Xây mới
60	Lạng Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất
61	Đồng Mô	500	Xây mới
62	Lạng Sơn 2 (*)	500	Xây mới
63	Lạng Sơn 1 (*)	500	Xây mới
64	Tuyên Quang	500	Cải tạo, nâng công suất
65	Nghĩa Lộ	500	Xây mới
66	Yên Bái	500	Cải tạo, nâng công suất
67	Lục Yên	250	Xây mới
68	Yên Bái 1 (*)	500	Xây mới
69	Yên Bái 2 (*)	500	Xây mới
70	Sông Công	500	Xây mới
71	Phú Bình 2	500	Xây mới
72	Đại Từ	250	Xây mới
73	NLTT Thái Nguyên 2 (*)	500	Xây mới
74	Phú Thọ 2	500	Xây mới
75	Việt Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới
76	Phú Thọ 3	250	Xây mới
77	Tam Dương	500	Xây mới
78	Bá Thiện	500	Xây mới
79	Phúc Yên	250	Xây mới
80	Chấn Hưng	250	Xây mới
81	Bắc Giang 500 kV nối cấp	500	Xây mới
82	Lạng Giang	250	Xây mới
83	Yên Dũng	500	Xây mới
84	Hiệp Hòa 2	500	Xây mới
85	Tân Yên	500	Xây mới
86	Việt Yên	500	Xây mới
87	Bắc Giang 1 (*)	500	Xây mới
88	Bắc Ninh 6	500	Xây mới
89	Bắc Ninh 4	500	Xây mới
90	Bắc Ninh 5	500	Xây mới
91	Bắc Ninh 7	500	Xây mới
92	Bắc Ninh 500 kV nối cấp	500	Xây mới
93	Hoành Bồ	500	Cải tạo, nâng công suất
94	Cầm Phả	500	Cải tạo, nâng công suất
95	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất
96	Khe Thần	126	Xây mới
97	Móng Cái	500	Xây mới
98	Yên Hưng	750	Cải tạo, nâng công suất

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
99	Hải Hà 2	250	Xây mới thay thế TBA 220 kV KCN Hải Hà
100	Cộng Hòa	500	Xây mới
101	Nam Hòa	500	Xây mới
102	Quảng Ninh 1 (*)	500	Xây mới
103	NLTT Quảng Ninh 2 (*)	500	Xây mới
104	Mường Tè	750	Cải tạo, nâng công suất
105	Pắc Ma	500	Xây mới
106	Phong Thổ	500	Xây mới
107	Sin Hồ	250	Xây mới
108	Than Uyên	750	Cải tạo, nâng công suất
109	NLTT Lai Châu 1 (*)	500	Xây mới
110	NLTT Lai Châu 2 (*)	500	Xây mới
111	Điện Biên	500	Xây mới
112	Điện Biên 1 (*)	500	Xây mới
113	Điện Biên 2 (*)	500	Xây mới
114	Mường La	500	Cải tạo, nâng công suất
115	Sông Mã	250	Xây mới
116	Mộc Châu	250	Xây mới
117	Phù Yên	375	Xây mới
118	Sơn La 1 (*)	250	Xây mới
119	Sơn La 2 (*)	500	Xây mới
120	Sơn La 3 (*)	500	Xây mới
121	Sơn La 4 (*)	500	Xây mới
122	Sơn La 5 (*)	500	Xây mới
123	Sơn La 6 (*)	500	Xây mới
124	Hòa Bình	500	Cải tạo, nâng công suất
125	Yên Thủy	250	Cải tạo, nâng công suất
126	Tân Lạc	250	Xây mới
127	Sầm Sơn	500	Xây mới
128	Tĩnh Gia	500	Xây mới
129	KKT Nghi Sơn	750	Cải tạo, nâng công suất
130	Lọc hoá dầu Nghi Sơn	500	Xây mới
131	Hậu Lộc	500	Xây mới
132	Thiệu Hóa	250	Xây mới
133	Thiệu Yên	250	Xây mới
134	Thanh Hóa 1 (*)	500	Xây mới
135	Đồng Vàng	500	Xây mới
136	Nghi Sơn 2	500	Xây mới
137	Đô Lương	500	Cải tạo, nâng công suất
138	Nam Cẩm	500	Xây mới
139	Quý Hợp	250	Xây mới
140	Tương Dương	250	Cải tạo, nâng công suất
141	Bá Thước	250	Xây mới
142	Hoàng Mai	500	Xây mới
143	Hoàng Mai 2	250	Xây mới
144	Quỳnh Lưu 500kV nối cấp	500	Xây mới
145	NLTT Nghệ An 1 (*)	500	Xây mới
146	NLTT Nghệ An 2 (*)	500	Xây mới
147	Hà Tĩnh	500	Cải tạo, nâng công suất
148	Can Lộc	250	Xây mới
149	Vũng Áng	500	Xây mới
150	Vũng Áng 2	500	Xây mới

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
151	Hà Tĩnh 1 (*)	500	Xây mới
152	NLTT Hà Tĩnh 2 (*)	500	Xây mới
153	NLTT Hà Tĩnh 3 (*)	500	Xây mới
154	NLTT Hà Tĩnh 4 (*)	500	Xây mới
155	NLTT Hà Tĩnh 5 (*)	500	Xây mới
156	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	3750	Xây mới và cải tạo, nâng công suất
157	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch bao gồm nhưng không giới hạn tại các thanh cái TBA 500 kV Phố Nối, Tây Hà Nội, Hiệp Hòa, Đan Phượng, Bắc Ninh, ND Phả Lại, Trảng Bách		Hạn chế dòng ngắn mạch
158	Cải tạo sơ đồ thanh cái linh hoạt, 4 phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn tại các trạm 500 kV Nho Quan, Sơn La, Đông Anh và các trạm Vân Trì, Vật Cánh, Long Biên, Trục Ninh, Thái Bình, Hà Đông, Thanh Nghị, Bắc Ninh 2, ND Hải Dương		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
159	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Sóc Sơn 2	750	Cải tạo, nâng công suất
2	Văn Điển	750	Cải tạo, nâng công suất
3	Long Biên 2	750	Cải tạo, nâng công suất
4	Xuân Mai	750	Cải tạo, nâng công suất
5	Chương Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Ứng Hòa	750	Cải tạo, nâng công suất
7	Hòa Lạc	750	Cải tạo, nâng công suất
8	Cầu Giấy	500	Cải tạo, nâng công suất
9	Hai Bà Trưng	750	Cải tạo, nâng công suất
10	Đan Phượng	750	Cải tạo, nâng công suất
11	Phú Xuyên	500	Cải tạo, nâng công suất
12	Đông Anh 2	500	Xây mới
13	Đông Anh 3	500	Xây mới
14	Hòa Lạc 2	750	Cải tạo, nâng công suất
15	Phúc Thọ	500	Xây mới
16	Thanh Trì	500	Xây mới
17	Thanh Oai	500	Xây mới
18	Vân Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
19	Vân Trì 2	500	Xây mới
20	Đình Vũ	750	Cải tạo, nâng công suất
21	Đồ Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất
22	An Lão	750	Cải tạo, nâng công suất
23	Thủy Nguyên	750	Cải tạo, nâng công suất
24	Đại Bản	500	Cải tạo, nâng công suất
25	Hải Phòng 2	250	Xây mới
26	Đình Vũ 2	500	Xây mới
27	Gia Lộc	750	Cải tạo, nâng công suất
28	Tứ Kỳ	500	Cải tạo, nâng công suất
29	Thanh Hà	500	Cải tạo, nâng công suất
30	Nhị Chiểu	500	Cải tạo, nâng công suất
31	Nam Sách	500	Cải tạo, nâng công suất
32	Thanh Miện	500	Cải tạo, nâng công suất
33	Phổ Nối	750	Cải tạo, nâng công suất
34	Phổ Cao	750	Cải tạo, nâng công suất
35	Hưng Yên 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất
36	Văn Giang	500	Cải tạo, nâng công suất
37	Phổ Nối 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
38	Phù Lý	750	Cải tạo, nâng công suất
39	Thanh Nghị	750	Cải tạo, nâng công suất
40	Lý Nhân	750	Cải tạo, nâng công suất
41	Kim Bảng	500	Xây mới
42	Nam Định 2	500	Cải tạo, nâng công suất
43	Giao Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất
44	Nam Định 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới
45	Thái Bình 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
46	Tiền Hải	500	Xây mới
47	Ninh Bình 2	750	Cải tạo, nâng công suất
48	Tam Điệp	500	Cải tạo, nâng công suất
49	Hà Giang	500	Cải tạo, nâng công suất
50	Hà Giang 2	250	Xây mới
51	Quảng Uyên	250	Xây mới
52	Lào Cai 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
53	Văn Bàn	500	Cải tạo, nâng công suất
54	Lào Cai 2	250	Xây mới
55	NLTT Lào Cai 3 (*)	500	Xây mới
56	Đồng Mô	750	Cải tạo, nâng công suất
57	TĐ Tuyên Quang	250	Cải tạo, nâng công suất
58	Sơn Dương	500	Xây mới
59	Lục Yên	500	Cải tạo, nâng công suất
61	Đại Từ	500	Cải tạo, nâng công suất
62	Phúc Xuân	500	Xây mới
63	Phú Lương	500	Xây mới
64	Phú Bình 3	500	Xây mới
65	Phú Thọ 3	500	Cải tạo, nâng công suất
66	Việt Trì 2	500	Xây mới
67	Phú Thọ 500 kV nối cấp	500	Xây mới
68	Vĩnh Yên	750	Cải tạo, nâng công suất
69	Bá Thiện	750	Cải tạo, nâng công suất
70	Phúc Yên	500	Cải tạo, nâng công suất
71	Chấn Hưng	500	Cải tạo, nâng công suất
72	Vĩnh Tường 500 kV nối cấp	500	Xây mới

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
73	Lạng Giang	500	Cải tạo, nâng công suất
74	Yên Dũng	750	Cải tạo, nâng công suất
75	Sơn Đông	500	Cải tạo, nâng công suất
76	Tân Yên	750	Cải tạo, nâng công suất
77	Việt Yên	750	Cải tạo, nâng công suất
78	Chũ	500	Xây mới
79	Bắc Ninh	750	Cải tạo, nâng công suất
80	Bắc Ninh 3	750	Cải tạo, nâng công suất
81	Bắc Ninh 2	750	Cải tạo, nâng công suất
82	Bắc Ninh 6	750	Cải tạo, nâng công suất
83	Bắc Ninh 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới
84	Bắc Ninh 3 500 kV nối cấp	500	Xây mới
85	Bắc Ninh 10	750	Xây mới
86	Bắc Ninh 9	750	Xây mới
87	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
88	Hải Hà 2	500	Cải tạo, nâng công suất
89	Vân Đồn	250	Xây mới
90	Sin Hồ	750	Cải tạo, nâng công suất
91	NLTT Lai Châu 3 (*)	500	Xây mới
92	NLTT Lai Châu 4 (*)	500	Xây mới
93	Sông Mã	500	Cải tạo, nâng công suất
94	Yên Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất
95	Lương Sơn	250	Xây mới
96	Hòa Bình 1 (*)	250	Xây mới
97	Thiệu Hóa	500	Cải tạo, nâng công suất
98	Thiệu Yên	500	Cải tạo, nâng công suất
99	Tĩnh Gia 500 kV nối cấp	500	Xây mới
100	Quý Hợp	500	Cải tạo, nâng công suất
101	Tương Dương	500	Cải tạo, nâng công suất
102	Hoàng Mai 2	500	Cải tạo, nâng công suất
103	Hưng Nguyên	500	Xây mới
104	Cửa Lò	500	Xây mới
105	Cần Lộc	500	Cải tạo, nâng công suất
106	Lộc Hà	250	Xây mới
107	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	2750	Xây mới và cải tạo, nâng công suất
108	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải ĐZ và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

Bảng 6: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Đồng Anh 500 kV - Vân Trì	2	x	16	Xây mới
2	Đại Mỗ (Mỹ Đình) - Rẽ Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Mỗ
3	Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	16	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Xuân
4	Cải tạo đường dây 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên 01 mạch thành 2 mạch	2	x	30	Cải tạo một mạch thành hai mạch, đồng thời chuyển đầu nối thành đường dây 2 mạch Sơn Tây - Vĩnh Yên
5	Chương Mỹ - Rẽ Hòa Bình - Hà Đông	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Chương Mỹ
6	Đan Phượng 500 kV - Mê Linh	2	x	15	Xây mới
7	Đan Phượng 500 kV - Cầu Giấy	2	x	20	Đường dây trên không và cáp ngầm (nội đô), đầu nối TBA 220 kV Cầu Giấy
8	Đầu nối Đan Phượng 500 kV - rẽ Chèm - Vân Trì và Chèm - Tây Hồ	4	x	11	Xây mới
9	Nam Hà Nội 500 kV - rẽ Hà Đông - Phú Lý	4	x	5	Xây mới
10	Hai Bà Trưng - Mai Động	2	x	3	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
11	Hai Bà Trưng - Thành Công	2	x	5	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
12	Long Biên - Mai Động	2	x	15	Xây mới
13	Long Biên 2 - Rẽ Mai Động - Long Biên	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Long Biên 2
14	Hưng Yên 1 500 kV - Long Biên 2	2	x	20	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Hưng Yên 1
15	Hưng Yên 1 500 kV - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	4	x	4	Xây mới
16	Mạch 2 Hà Đông - Ứng Hòa - Phú Lý	2	x	40	Cải tạo một mạch thành hai mạch, mở rộng 02 ngăn lộ tại trạm 220 kV Ứng Hòa
17	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 1)	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh
18	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 2)	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh. Chuyển đầu nối ĐZ 220 kV Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh và Mê Linh - Vân Trì thành Vĩnh Yên - Vân Trì khi dòng ngắn mạch khu vực tăng cao hơn giới hạn cho phép
19	Nam Hà Nội 500 kV - Phú Xuyên	2	x	15	Đầu nối TBA 220 kV Phú Xuyên

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
20	Hòa Bình - Tây Hà Nội mạch 4	1	x	50	Xây mới, tận dụng cải tạo đoạn tuyến Hòa Bình - Hà Đông mạch 3 cũ. Đồng bộ với cải tạo sơ đồ sản phẩm phân phối 220kV TĐ Hòa Bình để hạn chế dòng ngắn mạch
21	Nâng khả năng tải 500 kV Thường Tín - Phố Nối	2	x	34	Nâng khả năng tải 1 mạch Thường Tín - TBA 220 kV Phố Nối, 1 mạch Thường Tín - TBA 500 kV Phố Nối
22	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Sóc Sơn	2	x	10	Nâng khả năng tải hai mạch ĐD 220kV Hiệp Hòa - Sóc Sơn, gỡ bỏ hai mạch còn lại để hạn chế dòng ngắn mạch
23	Nâng khả năng tải Văn Trì - Tây Hồ - Chèm	2	x	20	Đảm bảo cấp điện Hà Nội
24	Nâng khả năng tải Xuân Mai - Hà Đông	1	x	25	Cải tạo
25	Sóc Sơn 2 - Rẽ Hiệp Hòa - Đông Anh	2	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Sóc Sơn 2
26	Sơn Tây 500 kV - Hòa Lạc	2	x	12	Xây mới
27	Sơn Tây 500 kV - Hòa Lạc 2	2	x	15	Xây mới
28	Sơn Tây 500 kV - Rẽ Sơn Tây - Vĩnh Yên	4	x	5	Xây mới
29	Tây Hà Nội 500 kV - Hòa Lạc	2	x	14	Xây mới
30	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phú Lý	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Ứng Hòa
31	Văn Điển - Rẽ Hà Đông - Thường Tín	4	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Văn Điển
32	NLTT Hà Nội 2 - Sơn Tây (*)	2	x	15	Xây mới
33	Dương Kinh - Rẽ Đồng Hòa - Đình Vũ	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Dương Kinh, đồng thời chuyển đầu nối Hải Dương 2 - Đồng Hòa và Đồng Hòa - Đình Vũ thành Hải Dương 2 - Đình Vũ
34	An Lão - Rẽ Đồng Hòa - Thái Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV An Lão
35	Cát Hải - Đình Vũ	2	x	12	Trường hợp không mở rộng được ngăn lộ trạm biến áp 220 kV Đình Vũ, xem xét đầu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 220kV Đình Vũ - Dương Kinh
36	Đại Bản - Rẽ Hải Dương 2 - Dương Kinh	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Bản
37	Đồ Sơn - Dương Kinh	2	x	8	Đầu nối TBA 220 kV Đồ Sơn
38	Hải Phòng 2 500 kV - Rẽ Đồng Hòa - Vật Cách	4	x	10	Xây mới
39	Hải Phòng 2 500 kV - Đại Bản	4	x	5	Xây mới, xem xét nối cấp TBA 220kV Đại Bản

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
40	Hải Phòng 500 kV - Dương Kinh	2	x	8	Xây mới
41	Hải Phòng 500 kV - Tiên Lãng	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Tiên Lãng
42	Nam Hòa - Cát Hải	2	x	12	Xây mới
43	BB 1 - Đồ Sơn (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
44	Gia Lộc - Rẽ ND Hải Dương - Phố Nối	4	x	5	Xây mới
45	500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	32	Xây mới
46	Gia Lộc 500 kV - Rẽ Gia Lộc - Hải Phòng 500 kV	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc, trường hợp không bố trí được quỹ đất nối cấp Gia Lộc 220 kV
47	Nhị Chiểu - Rẽ Mạo Khê - Hải Dương 2	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nhị Chiểu
48	Tân Việt - Rẽ Gia Lộc - Phố Nối	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Tân Việt
49	Thanh Hà - Rẽ 500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	12	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Hà
50	Tứ Kỳ - Rẽ Hải Phòng 500 kV - Gia Lộc	4	x	4	Xây mới
51	Gia Lộc 500 kV - Thanh Miện	2	x	11	Xây mới
52	Nam Sách - ND Hải Dương	2	x	11	Xây mới
53	Bãi Sậy - Kim Động	2	x	11	Đầu nối TBA 220 kV Bãi Sậy
54	Hưng Yên 2 500 kV - Đồng Văn	2	x	14	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 2
55	Hưng Yên 2 500 kV - Rẽ Kim Động - Phố Cao	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 2
56	Văn Giang - Rẽ Hưng Yên 1 500 kV - Thường Tín 500 kV	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Văn Giang
57	Mạch 2 Nho Quan - Phủ Lý	1	x	40	Xây mới cải tạo 1 mạch thành hai mạch
58	Đồng Văn - Phủ Lý	2	x	17	Đầu nối TBA 220 kV Đồng Văn, trường hợp Phủ Lý không mở rộng được ngăn lộ, thực hiện đầu chuyển tiếp Hà Đông - Phủ Lý
59	Lý Nhân - Rẽ Thanh Nghị - Thái Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Lý Nhân
60	Hải Hậu - Trực Ninh	2	x	17	Đầu nối TBA 220 kV Hải Hậu
61	Nam Định 2 - Rẽ Trực Ninh - Ninh Bình và Trực Ninh - Nam Định	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nam Định 2

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
62	NĐ Nam Định 500 kV - Hải Hậu	2	x	10	Đầu nối TBA 500 kV Nam Định
63	NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	2	x	47	Đầu nối TBA 500 kV Nam Định
64	NĐ Nam Định 500 kV - Nam Định 3	2	x	18	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
65	NĐ Nam Định 500 kV - Ninh Bình 2	2	x	30	Dây phân pha tiết diện lớn. Đầu nối TBA 500 kV Nam Định
66	Nghĩa Hưng - Rẽ NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nghĩa Hưng
67	Giao Thủy - rẽ LNG Thái Bình - Trực Ninh	4	x	4	Xây mới, đầu nối TBA 220kV Giao Thủy
68	Vũ Thư - Rẽ Thái Bình - Nam Định và Thái Bình - Ninh Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Vũ Thư
69	LNG Thái Bình - Tiên Lãng	2	x	56	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
70	LNG Thái Bình - Trực Ninh	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
71	Quỳnh Phụ - Rẽ Thái Bình - Đồng Hòa	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Quỳnh Phụ
72	Thái Bình 500 kV - Rẽ Thái Bình - Kim Động	4	x	5	Đầu nối phía 220 kV Thái Bình 500 kV
73	Thái Bình 500 kV - Thanh Nghị	2	x	53	Xây mới
74	Cải tạo đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn 01 mạch thành 02 mạch	2	x	34	ĐD 220kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn thay thế cho ĐD 220kV Ninh Bình - Tam Điệp - Bim Sơn trong trường hợp di dời TBA 220kV Ninh Bình
75	Gia Viễn - Nam Định	2	x	13	Chuyển đầu nối Gia Viễn - Nam Định, thực hiện trong trường hợp di chuyển TBA 220 kV Ninh Bình
76	Gia Viễn - Rẽ Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	4	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Gia Viễn
77	Nâng khả năng tải Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	2	x	26	Cải tạo
78	Ninh Bình 2 - Rẽ Ninh Bình - Thái Bình	2	x	12	Đầu nối TBA 220 kV Ninh Bình 2
79	Tam Điệp - Rẽ Bim Sơn - Ninh Bình	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Tam Điệp trên một mạch trước, đầu nối mạch còn lại đồng bộ với đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn
80	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình - Rẽ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	2	x	16	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình
81	Bắc Quang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang)	2	x	55	Tăng cường mua điện Trung Quốc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
82	Nâng khả năng tải Hà Giang - Rẽ TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên			42+51	Nâng khả năng tải các đoạn AC410 trên tuyến Hà Giang - TĐ Bắc Mê (42km) và Hà Giang - Thái Nguyên (51km)
83	Treo dây mạch 2 Hà Giang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc	1	x	30	Tăng cường mua điện Trung Quốc
84	Bảo Lâm - Bắc Mê	2	x	30	Giải phóng công suất thủy điện nhỏ Hà Giang
85	Cao Bằng - Lạng Sơn	2	x	120	Xây mới
86	Bát Xát - 500 kV Lào Cai	2	x	47	Đầu nối TBA 220 kV Bát Xát
87	Đầu nối 500 kV Lào Cai	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, rẽ Bảo Thắng - Yên Bái
88	Bắc Hà - Lào Cai 500 kV	1	x	50	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
89	TĐ Bắc Hà - chuyển đầu nối 500 kV Lào Cai	1	x	5	Giảm tải đường dây 220kV Bảo Thắng - Lào Cai 500 kV
90	Than Uyên - 500 kV Lào Cai	2	x	73	Đầu nối TBA 220 kV Than Uyên, giải tỏa thủy điện nhỏ
91	Văn Bàn - Rẽ Than Uyên - Lào Cai 500 kV	4	x	10	Đầu nối TBA 220 kV Văn Bàn, giải phóng công suất thủy điện nhỏ
92	Nâng khả năng tải Lào Cai 500 kV - Lục Yên	2	x	90	Cải tạo
93	Bắc Kạn 1 - Bắc Kạn (*)	2	x	10	Xây mới
94	Đồng Mô - Rẽ Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Đồng Mô
95	Lạng Sơn 1 - Đồng Mô (*)	2	x	60	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
96	Lạng Sơn 2 - Lạng Sơn 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
97	TĐ Yên Sơn - Rẽ TĐ Tuyên Quang - Tuyên Quang	2	x	8	Đồng bộ TĐ Yên Sơn
98	Nghĩa Lộ - Việt Trì (500 kV Việt Trì)	2	x	93	Giải tỏa thủy điện nhỏ
99	Huội Quảng - Nghĩa Lộ	2	x	103	Giải tỏa thủy điện nhỏ
100	Chuyển đầu nối Bắc Quang - Lục Yên	2	x	1	Chuyển đầu nối Bắc Quang về Lục Yên
101	Lục Yên - rẽ 220 kV Lào Cai - Yên Bái	4	x	5	Xây mới
102	Nâng khả năng tải Lục Yên - Yên Bái	2	x	58	Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc
103	Nâng khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang	2	x	36	Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc
104	Yên Bái 2 - Yên Bái 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
105	Yên Bái 500 kV - Rẽ Yên Bái - Tuyên Quang (*)	4	x	5	Xây mới
106	Yên Bái 1 - Yên Bái 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới
107	Đầu nối TĐ An Bình (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
108	Đầu nối TĐ An Thịnh (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
109	Đầu nối TĐ Việt Thành (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
110	NLTT Thái Nguyên 2 - Rẽ Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
111	Phú Bình 2 - Rẽ Thái Nguyên - Bắc Giang	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2
112	500 kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2
113	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Lưu Xá - Phú Bình	2	x	13	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
114	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Malungtang - Thái Nguyên	2	x	14	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
115	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Tuyên Quang (TBA) - Phú Bình	2	x	14	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
116	Đại Từ - Rẽ Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Từ
117	Đầu nối Yên Thế 500 kV	4	x	4	Xây mới
118	Hiệp Hòa 2 - Rẽ Hiệp Hòa 500 kV - Phú Bình 2	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Hiệp Hòa 2
119	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Phú Bình	1	x	11	Nâng khả năng tải mạch ACSR410
120	Nâng khả năng tải Thái Nguyên - Lưu Xá - Phú Bình	1	x	30	Cải tạo
121	Sông Công - Rẽ Tuyên Quang - Phú Bình	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Sông Công

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
122	Tân Yên - Rẽ Yên Thế - Việt Yên	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Tân Yên
123	Yên Thế 500 kV - Việt Yên	2	x	25	Đầu nối TBA 220 kV Việt Yên
124	500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	2	x	50	Xây mới
125	Phú Thọ 2 - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 2
126	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Việt Trì	2	x	10	Cải tạo
127	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Tường	1	x	27	Cải tạo
128	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Yên	1	x	36	Cải tạo
129	Phú Thọ 3 - Rẽ Nghĩa Lộ - 500 kV Việt Trì	4	x	22	Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 3
130	Bá Thiện (Vĩnh Yên 500 kV) - Rẽ Vĩnh Yên - Sóc Sơn	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thiện. Kết hợp cải tạo, nâng khả năng tải đoạn tuyến hiện hữu từ Vĩnh Yên 220kV đến điểm giao cắt.
131	Chấn Hưng - Rẽ 500 kV Việt Trì - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Chấn Hưng
132	Phúc Yên - Rẽ Vĩnh Yên 500 kV - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	1	Xây mới
133	Tam Dương - Rẽ 500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	4	x	4	Đầu nối TBA 220 kV Tam Dương
134	Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	2	x	17	Xây mới và cải tạo, chuyển đầu nối thành đường dây 02 mạch Vĩnh Tường - Vĩnh Yên
135	Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh	2	x	28	Thay thế cho đường dây 220 kV Mê Linh - Bá Thiện trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Trạm 220 kV Bá Thiện nối cấp trong trạm 500 kV Vĩnh Yên.
136	NĐ Phả Lại - Bắc Giang Mạch 2	2	x	27	Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch
137	Bắc Giang 1 - Lạng Sơn 1 (*)	2	x	35	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
138	Bắc Giang 500 kV - Rẽ NMNĐ An Khánh Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	8	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bắc Giang
139	Đầu nối NMNĐ An Khánh Bắc Giang	4	x	14	Đồng bộ NMNĐ An Khánh Bắc Giang, đầu nối trên ĐD 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn
140	Đồng Mô - Sơn Động	2	x	60	Xây mới
141	Lạng Giang - Rẽ Bắc Giang - Thái Nguyên	2	x	1	Đầu nối trạm biến áp 220 kV Lạng Giang

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
142	Yên Dũng - Rẽ ND Phả Lại - Quang Châu	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Yên Dũng
143	Bắc Ninh 4 - Đông Anh	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 4
144	Bắc Ninh 5 - Rẽ Bắc Ninh 500 kV - Phố Nối	2	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 5
145	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh	2	x	10	Đồng bộ với chuyển đầu nối đường dây 220kV Phả Lại - Bắc Ninh và Bắc Ninh - Quang Châu thành Phả Lại - Quang Châu để hạn chế dòng ngắn mạch
146	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh 4	2	x	14	Xây mới
147	Bắc Ninh 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 2 - Phố Nối	4	x	3	Đầu nối phía 220 kV Bắc Ninh 500 kV
148	Bắc Ninh 6 - Rẽ Phả Lại - 500 kV Phố Nối	2	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 6, xem xét sử dụng cột 04 mạch treo trước 02 mạch
149	Bắc Ninh 7 - Rẽ Đông Anh 500 kV - Bắc Ninh 4	4	x	2	Xây mới
150	Cộng Hòa - Rẽ Cẩm Phả - Hải Hà	4	x	2	Xây mới
151	Biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Móng Cái	2	x	15	Xây mới, phục vụ tăng cường mua điện Trung Quốc
152	Hải Hà - Móng Cái	2	x	40	Xây mới
153	Hải Hà - Hải Hà 2	2	x	10	Xây mới, thay thế đường dây KCN Hải Hà - Hải Hà trong QHĐ VIII
154	Khe Thần - Rẽ Trảng Bạch - Hoành Bồ	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Khe Thần
155	Nâng khả năng tải Quảng Ninh - Hoành Bồ	2	x	20	Cải tạo
156	Quảng Ninh 1 - Rẽ Hoành Bồ - ND Sơn Động và Hoành Bồ - Trảng Bạch (*)	4	x	5	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
157	Yên Hưng - Nam Hòa	2	x	29	Đầu nối TBA 220 kV Nam Hòa
158	NLTT Quảng Ninh 2 - Cộng Hòa (*)	2	x	16	Xây mới
159	Quảng Ninh 2 500 kV - Rẽ Yên Hưng - Nam Hòa	4	x	15	Xây mới
160	Quảng Ninh 2 500 kV - Rẽ - Hoành Bồ - Trảng Bạch	2	x	5	Xây mới
161	Pắc Ma - Mường Tè	2	x	31	Giải tỏa TĐ
162	Lai Châu 500 kV - Phong Thổ	2	x	60	Giải tỏa công suất TĐ, giảm tải TBA 500 kV Lai Châu, dây phân pha tiết diện lớn
163	Mường Tè - Sin Hồ	2	x	35	Công suất TĐN khu vực Mường Tè

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
164	Nậm Ou 7 - Lai Châu	2	x	65	Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x97km, trên địa phận Việt Nam 2x65km. Đồng bộ nguồn TĐ từ Lào.
165	Phong Thổ - Than Uyên	2	x	88	Giải tỏa thủy điện nhỏ
166	Sin Hồ - Rẽ Lai Châu 500 kV - Phong Thổ	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Sin Hồ, giải tỏa nguồn điện khu vực
167	NLTT Lai Châu 1 - Than Uyên (*)	2	x	10	Xây mới
168	NLTT Lai Châu 2 - Than Uyên (*)	2	x	10	Xây mới
169	Than Uyên 500 kV - Than Uyên	2	x	10	Xây mới, chuyển đầu nối Phong Thổ - Than Uyên
170	Than Uyên 500 kV - Rẽ TĐ Bàn Chát - Than Uyên	4	x	5	Xây mới
171	500 kV Sơn La - Điện Biên	2	x	133	Đầu nối TBA 220 kV Điện Biên
172	Điện Biên 1 - Điện Biên (*)	2	x	23	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
173	Điện Biên 1 - Lai Châu (*)	2	x	52	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
174	Nậm Ou 5 - Điện Biên	2	x	22	Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x73km, trên địa phận Việt Nam 2x22km. Đồng bộ nguồn thủy điện từ Lào.
175	Điện Biên 2 - Điện Biên 500 kV (*)	2	x	18	Xây mới
176	Điện Biên 500 kV - Rẽ Điện Biên 1 - Điện Biên (*)	4	x	5	Xây mới
177	Mộc Châu - Rẽ đầu nối TĐ Trung Sơn	2	x	35	Đầu nối TBA 220 kV Mộc Châu
178	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La - Mường La	1	x	21	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
179	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La - Sơn La	1	x	41	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
180	Nâng khả năng tải Huội Quảng - Sơn La	2	x	20	Xây mới
181	Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Phù Yên (cấp điện phụ tải chuyên dùng)
182	Sơn La 1 - Rẽ Sơn La - Suối Sập 2A (*)	2	x	5	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
183	Sông Mã - Sơn La 500 kV (*)	2	x	83	Giải phóng công suất thủy điện nhỏ
184	Sơn La 2 - Sơn La (*)	2	x	35	Xây mới
185	Sơn La 3 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
186	Sơn La 4 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
187	Sơn La 5 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
188	Sơn La 6 - Rẽ Huội Quảng - Nghĩa Lộ (*)	2	x	20	Xây mới
189	Đầu nối Tân Lạc	6	x	5	Tân Lạc - Rẽ Hòa Bình - Yên Thủy và chuyển đầu nối TD Trung Sơn, hình thành các đường dây 220 kV mạch kép Hòa Bình - Tân Lạc, Tân Lạc - Yên Thủy và Tân Lạc - TD Trung Sơn - TD Hồi Xuân
190	Thanh Hóa 500 kV - Sầm Sơn	2	x	36	Đầu nối TBA 220 kV Sầm Sơn
191	500 kV Thanh Hóa - Hậu Lộc	2	x	35	Đầu nối TBA 220 kV Hậu Lộc
192	Đồng Vàng - Rẽ NĐ Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	4	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải
193	Mạch 3 Thanh Hóa - Nghi Sơn - Quỳnh Lưu	1	x	83	Treo dây mạch 2
194	Nâng khả năng tải Nông Cống - 500 kV Thanh Hóa	2	x	26	Cải tạo trong trường hợp giải tỏa NĐ Nghi Sơn 2 qua lưới điện 220 kV.
195	NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu	2	x	10	Chuyển đầu nối Nông Cống - Nghi Sơn và Nghi Sơn - Quỳnh Lưu thành Nông Cống - Quỳnh Lưu. Thay thế đường dây 220 kV NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nghi Sơn - Vinh
196	Nghi Sơn 2 - Rẽ NĐ Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	2	Đầu nối trạm 220kV Nghi Sơn 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
197	Nông Cống - Nghi Sơn - chuyển đầu nối NĐ Nghi Sơn	2	x	42	Giai đoạn 2 của đường NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu, hoàn trả hiện trạng ĐD 220 kV Nông Cống - Quỳnh Lưu
198	TD Nam Sum (Lào) - Nông Cống	2	x	129	Tên gọi khác của đường dây 220 kV "Trạm cắt 220 kV Nậm Sum - Nông Cống (phần đường dây trên lãnh thổ Việt Nam)", đã được phê duyệt trong văn bản số 1889/TTg-CN ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng bộ TD Nậm Sum Lào
199	Thanh Hóa 1 - Rẽ Nghi Sơn - Nông Cống (*)	4	x	2	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
200	Thanh Hóa 500 kV - Bim Sơn	2	x	36	Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch đường dây 220 kV Ba Chẽ - Bim Sơn
201	Thiệu Hóa - Thanh Hóa 500 kV	2	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Hóa
202	Đường dây đầu nối TBA 220 kV Lọc hoá dầu Nghi Sơn	2	x	10	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
203	Thiệu Hóa - Thiệu Yên	2	x	25	Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Yên
204	TĐ Hồi Xuân - Rẽ Trung Sơn - Nho Quan	2	x	16	Xây mới
205	TĐ Hồi Xuân - Bá Thước	2	x	30	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thước
206	Tĩnh Gia - Rẽ Nông Cống - Nghi Sơn	2	x	8	Đầu nối TBA 220 kV Tĩnh Gia
207	NLTT Nghệ An 1 - Nam Cẩm (*)	2	x	20	Xây mới
208	NLTT Nghệ An 2 - Quỳnh Hợp (*)	2	x	20	Xây mới
209	ĐG Trường Sơn - Đô Lương (*)	2	x	40	Xây mới
210	Đô Lương - Nam Cẩm	2	x	36	Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An
211	Tương Dương - Đô Lương	2	x	81	Đồng bộ cụm TĐ Nậm Mô (Lào)
212	Quỳnh Lưu 500 kV rẽ Nghi Sơn - Quỳnh Lưu	4	x	10	Đầu nối phía 220 kV Quỳnh Lưu 500 kV
213	Hoàng Mai - Quỳnh Lưu 500 kV	2	x	10	Xây mới
214	Hoàng Mai - rẽ Nghi Sơn - Hưng Đông	2	x	10	Xây mới
215	Hoàng Mai 2 - Rẽ Quỳnh Lưu 500kV - Hoàng Mai	2	x	5	Xây mới
216	Mỹ Lý - Bản Vẽ	2	x	72	Đồng bộ TĐ Mỹ Lý
217	Nâng khả năng tải Hưng Đông - Quỳnh Lưu và Hưng Đông - Nghi Sơn	2	x	100	Cải tạo, nâng khả năng tải 2 mạch đường dây 220 kV Hưng Đông – Nghi Sơn và Hưng Đông – Quỳnh Lưu hoặc xem xét phương án cải tạo Đường dây Hưng Đông – Nghi Sơn từ 1 mạch thành 2 mạch nếu mở rộng được ngăn lộ tại TBA Nghi Sơn và Hưng Đông. Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An
218	Quỳ Hợp - Quỳnh Lưu 500 kV	2	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Quỳ Hợp, giải phóng công suất TĐN.
219	TĐ Nậm Mô 1 - Rẽ Mỹ Lý - Bản Vẽ	2	x	18	Đồng bộ TĐ Nậm Mô 1 (Việt Nam)
220	Tương Dương - Quỳ Hợp	2	x	80	Giải phóng TĐN và tăng cường nhập khẩu điện Lào
221	Vũng Áng 2 - Rẽ Vũng Áng - 500 kV ND Vũng Áng	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
222	Vũng Áng - 500 kV ND Vũng Áng	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng
223	Can Lộc - Rẽ Hà Tĩnh - Hưng Đông	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Can Lộc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
224	Hà Tĩnh 1 - Rẽ Vũng Áng - Hà Tĩnh (*)	4	x	4	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
225	Nâng khả năng tải Hà Tĩnh - Hưng Đông	2	x	66	Chống quá tải mùa khô. Cải tạo nâng khả năng tải 2 mạch đường dây hiện hữu
226	NLTT Hà Tĩnh 2 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới
227	NLTT Hà Tĩnh 3 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới
228	NLTT Hà Tĩnh 4 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới
229	NLTT Hà Tĩnh 5 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới
230	TĐ Bản Chát MR - Rẽ Bản Chát - Than Uyên	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
231	TĐ Tuyên Quang MR - TĐ Tuyên Quang	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
232	TĐ Sông Lô 9 - rẽ Tuyên Quang - Phú Bình	2	x	2	Đồng bộ NMTĐ Sông Lô 9
233	TĐ Tuyên Quang - Rẽ Hà Giang - Thái Nguyên và TĐ Bắc Mê - Thái Nguyên	4	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Tuyên Quang MR
234	Ước tính khối lượng đấu nối các nguồn NLTT			800	Xây mới
235	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới			314	Xây mới và cải tạo
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đan Phượng 500 kV - Phúc Thọ	2	x	13	Xây mới
2	Đông Anh 2 - Rẽ Văn Trì - Tây Hồ và Văn Trì - Chèm	4	x	2	Xây mới
3	Đông Anh 3 - Rẽ Văn Trì - Đông Anh 500 kV	4	x	2	Xây mới
4	Sơn Tây 500 kV - Phúc Thọ	2	x	6	Xây mới
5	Thanh Oai - Rẽ Ứng Hòa - Hà Đông	2	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Thanh Oai
6	Thanh Trì - Rẽ Thường Tín - Mai Động	2	x	5	Xây mới, đấu nối 220kV Thanh Trì
7	Văn Trì 500 kV - rẽ Văn Trì - Đông Anh 2	4	x	10	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
8	Vân Tri 500 kV - Vân Tri 2	2	x	10	Xây mới
9	Đầu nối TĐ Thuận Mỹ	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
10	Đình Vũ 2 - BB2	2	x	5	Xây mới
11	BB 2 - Cát Hải (*)	2	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
12	Hải Phòng 2 500 kV - Hải Phòng 2	2	x	5	Xây mới
13	Gia Lộc 500 kV - Gia Lộc - chuyển đầu nối Gia Lộc - Tân Việt	2	x	10	Xây mới
14	Yên Mỹ - Rẽ Hưng Yên 1 500 kV - Văn Giang (mạch 2)	2	x	2	Xây mới
15	Hà Nam 500 kV - Đồng Văn	4	x	12	Xây mới, đầu nối Hà Nam 500kV
16	Hà Nam 500 kV - Rẽ Thanh Nghị - Lý Nhân	4	x	4	Xây mới, đầu nối Hà Nam 500kV
17	Kim Bảng - Rẽ Đồng Văn - Phủ Lý	4	x	4	Xây mới
18	Nam Định 2 500 kV - Rẽ Ninh Bình - Thái Bình	2	x	5	Xây mới
19	Tiền Hải - Rẽ Thái Bình - Trực Ninh	2	x	2	Xây mới
20	Thiệu Yên - Bá Thước	2	x	65	Xây mới
21	Hà Giang 2 - Hà Giang 500 kV	2	x	10	Xây mới
22	Hà Giang 500 kV - Rẽ Hà Giang - TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên	4	x	10	Xây mới
23	Quảng Uyên - Rẽ Cao Bằng - Lạng Sơn	4	x	5	Xây mới
24	Lào Cai 2 - Rẽ Lào Cai 220 kV - Trung Quốc	2	x	2	Xây mới
25	NLTT Lào Cai 3 - 500 kV Lào Cai (*)	2	x	20	Xây mới
26	Lạng Sơn 2 500 kV - Rẽ Lạng Sơn - Đồng Mỏ	4	x	10	Xây mới
27	Sơn Dương - Rẽ Tuyên Quang - Đại Từ	2	x	2	Xây mới
28	500 kV Thái Nguyên 2 - Phú Bình 3	2	x	10	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 3

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
29	Phú Lương - Rẽ Thái Nguyên - TĐ Bắc Mê	2	x	2	Xây mới
30	Phúc Xuân - Rẽ Thái Nguyên 500 kV - Thái Nguyên	2	x	5	Xây mới
31	Thái Nguyên 2 500 kV - Phú Bình 2	2	x	15	Xây mới
32	Thái Nguyên 2 500 KV- Sông Công	2	x	8	Xây mới
33	Phú Thọ 3 - Việt Trì 2	2	x	22	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Việt Trì 2
34	Phú Thọ 500 kV - Rẽ Phù Yên - Phú Thọ 2	2	x	20	Xây mới
35	Phú Thọ 500 kV - Việt Trì 2	2	x	20	Xây mới
36	Vĩnh Tường 500 kV - Rẽ Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	4	x	8	Xây mới
37	Vĩnh Tường 500 kV - Vĩnh Tường	2	x	8	Xây mới, chuyển đấu nối thành Vĩnh Tường 500kV - Chấn Hưng
38	Bắc Giang 500 kV - Chũ	2	x	32	Xây mới
39	Chũ - Rẽ Sơn Động - Đông Mỏ	4	x	2	Xây mới
40	Bắc Ninh 2 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 4 - Bắc Ninh 7	4	x	5	Xây mới
41	Bắc Ninh 3 500 kV - Bắc Ninh 10	2	x	12	Xây mới
42	Bắc Ninh 3 500 kV - Bắc Ninh 9	4	x	2	Xây mới
43	Bắc Ninh 6 - Rẽ Phả Lại - 500 kV Phổ Nối (mạch 2)	2	x	3	Xây mới
44	Cộng Hòa - Vân Đồn	2	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Vân Đồn
45	NLTT Lai Châu 3 - NLTT Lai Châu 1 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới
46	NLTT Lai Châu 4 - NLTT Lai Châu 1 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới
47	Hòa Bình 1- Yên Thủy (*)	2	x	18	Xây mới
48	Nam Hà Nội 500 kV - Lương Sơn	2	x	18	Xây mới
49	TĐ Trung Sơn MR - TĐ Trung Sơn	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
50	Tĩnh Gia 500 kV - chuyển đấu nối Tĩnh Gia 220 kV	2	x	4	Xây mới
51	Tĩnh Gia 500 kV - Rẽ Nông Cống - Nghi Sơn	4	x	4	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
52	Đầu nối Nam Cẩm 500 kV	4	x	5	Xem xét nối cấp TBA 220kV Nam Cẩm
53	Hưng Nguyên - Rẽ Đô Lương - Nam Cẩm	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 220kV Hưng Nguyên
54	Nam Cẩm 500 kV - Cửa Lò	2	x	11	Xây mới
55	TĐ Bản Vẽ MR - TĐ Bản Vẽ	1	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Bản Vẽ MR
56	Lộc Hà - Rẽ Hà Tĩnh - Can Lộc	4	x	7	Xây mới
57	TĐ Huội Quảng MR - TĐ Huội Quảng	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong văn bản số 15/SCT-QLNL của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang ngày 03/1/2025.
58	TĐ Huội Quảng MR - Rẽ Bản Chát - Than Uyên	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong văn bản số 15/SCT-QLNL của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang ngày 03/1/2025
59	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới			320	Xây mới và cải tạo

**Bảng 7: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Quảng Bình (*)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
2	Lao Bảo (Hướng Hóa)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
3	Trạm cắt Quảng Trị 2	Trạm cắt	Xây mới
4	Quảng Trị	1800	Xây mới
5	Đà Nẵng	1800	Cải tạo, nâng công suất
6	Thanh Mỹ	2700	Cải tạo, nâng công suất, đồng bộ với tiến độ phát triển nguồn điện
7	Dung Quất	900	Xây mới, tên gọi trong danh mục các các đường dây 500kV, 220kV đầu nối của TBA 500 kV Dung Quất là TBKHH Dung Quất
8	Bình Định	1800	Xây mới
9	Kon Tum	1800	Xây mới, lắp MBA tại trạm cắt 500 kV Kon Tum trong QHĐ VIII, giải tỏa công suất NLTT
10	Pleiku 2	1800	Cải tạo, nâng công suất
11	Pleiku 3	1800	Cải tạo, nâng công suất
12	Nhơn Hòa	1800	Xây mới
13	Krông Buk	1800	Xây mới
14	Ea Nam (*)	1800	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
15	Kon Rẫy (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
16	NLTT Đắk Lắk 1 (*)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
17	Tuy Hòa	1800	Xây mới
18	NLTT Phú Yên 1 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
19	Dự phòng công suất TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	1800	Xây mới, cải tạo nâng công suất
20	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đốc Sỏi	1800	Cải tạo, nâng công suất

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
2	Dung Quất	1800	Cải tạo, nâng công suất, tên gọi trong danh mục các các đường dây 500kV, 220kV đấu nối của TBA 500 kV Dung Quất là TBKHH Dung Quất
3	Pleiku	2700	Cải tạo, nâng công suất
4	ĐMT Ea Súp	1800	Cải tạo, nâng công suất
5	Hương Thủy	1800	Xây mới
6	Hòa Liên	900	Xây mới
7	Mang Yang (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
8	Ia Blứ 500 kV (*)	900	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
9	NLTT Đắc Lắc 1 (*)	3600	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
10	Đắc Nông 2 (*)	1800	Xây mới, cấp điện phụ tải luyện nhôm (theo đề xuất trong Văn bản số 167 UBND-KT ngày 08/01/2025 của UBND tỉnh Đắc Nông) và gom công suất NLTT
11	Diên Khánh	900	Xây mới
12	NLTT Quảng Trị (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
13	Phong Điền	900	Xây mới, xem xét nối cấp TBA 220 kV Phong Điền, giải tỏa công suất NLTT
14	NLTT Đắc Lắc 2 (*)	3600	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
15	Dự phòng công suất TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	3600	Xây mới, cải tạo nâng công suất
16	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

**Bảng 8: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
	Giai đoạn 2025-2030				
1	Quảng Bình - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trị (*)	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Quảng Bình
2	NMND Quảng Trị - Quảng Trị	2	x	17	Xây mới, trong trường hợp ND Quảng Trị được tiếp tục triển khai
3	Quảng Trị - Rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng	4	x	6	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Quảng Trị
4	Trạm cắt Quảng Trị 2 - Rẽ Quảng Trạch - Đốc Sỏi	4	x	5	Xây mới
5	Lao Bảo (Hướng Hóa) - Trạm cắt Quảng Trị 2	2	x	31	Xây mới
6	Cụm NMD Xebanghieng (Lào) - Lao Bảo (*)	2	x	20	Xây mới, nhập khẩu điện Lào
7	LNG Hải Lăng - NMND Quảng Trị	2	x	6	Xây mới, đồng bộ LNG Hải Lăng GD 1, trường hợp NMND Quảng Trị chậm tiến độ, xây trước ĐD LNG Hải Lăng - Quảng Trị dài khoảng 23km đầu nối LNG Hải Lăng GD 1 và NMND Quảng Trị chuyển tiếp vào ĐD LNG Hải Lăng - Quảng Trị (2 mạch)
8	Đầu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 1 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
9	Đầu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 2 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
10	Thanh Mỹ - Rẽ Quảng Trạch - Đốc Sỏi	4	x	45	Xây mới
11	Monsoon - Thanh Mỹ	2	x	22	Xây mới, Đã đóng điện T1/2025
12	TBKHH Dung Quất - Đốc Sỏi	2	x	8	Xây mới
13	TBKHH Miền Trung - Đốc Sỏi	2	x	20	Xây mới
14	TBKHH Dung Quất - Bình Định	2	x	207	Xây mới
15	Kon Rẫy - Rẽ Đốc Sỏi - Pleiku 2 (*)	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Kon Rẫy
16	Hatsan - Kon Tum (*)	2	x	100	Xây mới, nhập khẩu điện Lào
17	Kon Tum - Rẽ Thanh Mỹ - Pleiku 2	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Kon Tum
18	TĐ Ialy MR - TĐ Ialy	1	x	2	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
19	Nhon Hòa - Rẽ Pleiku - Đắk Nông	2	x	4	Xây mới
20	NLTT Đắk Lắk 1- Krông Buk (*)	4	x	20	Xây mới
21	Krong Buk - Tây Ninh 1	2	x	314	Xây mới
22	Krông Buk - Rẽ Pleiku 2 - Chơn Thành	4	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Krông Buk
23	Vân Phong - Bình Định	2	x	238	Xây mới
24	Bình Định - Krông Buk	2	x	216	Xây mới
25	NLTT Phú Yên 1 - Tuy Hòa (*)	2	x	30	Xây mới
26	Tuy Hòa - Rẽ Vân Phong - Bình Định	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tuy Hòa
27	Ước tính khối lượng đầu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			200	Xây mới, cải tạo
28	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV xây mới và cải tạo			200	Xây mới, cải tạo
Giai đoạn 2031-2035					
1	NLTT Quảng Trị - Trạm cắt Quảng Trị 2 (*)	2	x	31	Xây mới
2	Đầu nối trạm converter HVDC Trung Trung Bộ 1 (*)	6	x	20	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
3	Cải tạo Đà Nẵng - Dốc Sỏi thành 2 mạch	2	x	100	Cải tạo
4	Hương Thủy - Rẽ Quảng Trị - Đà Nẵng	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Hương Thủy
5	Phong Điền - rẽ Hòa Liên - Trạm cắt Quảng Trị 2	4	x	10	Xây mới
6	Hòa Liên - Rẽ Trạm cắt Quảng Trị 2 - Thạnh Mỹ	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Hòa Liên
7	Đầu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 3 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
8	Đầu nối trạm converter HVDC Trung Trung Bộ 2 (*)	4	x	20	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
9	Đầu nối Thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 4 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
10	Mang Yang - Rẽ TBK Dung Quất - Krông Buk (*)	4	x	5	Xây mới
11	NLTT Đắc Lắc 1 - HVDC Trung Trung Bộ 2 (*)	2	x	350	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Nguyên, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025
12	Ia Blư - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk (*)	2	x	4	Xây mới
13	NLTT Đắc Lắc 2- rẽ Krông buk -Chơn Thành (*)	4	x	30	Xây mới
14	Đắc Nông 2 - Rẽ Krông Buk - Tây Ninh (*)	2	x	30	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đắc Nông 2
15	Cải tạo Đắc Nông - Cầu Bông 1 mạch thành 2 mạch	2	x	180	Xây mới, dự phòng trường hợp phát triển cao NLTT Tây Nguyên, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025
16	Diên Khánh - Rẽ NĐ Văn Phong 1 - Thuận Nam	4	x	5	Xây mới
17	Cải tạo Thạnh Mỹ - Pleiku 2 thành 2 mạch	2	x	199	Xây mới
18	Ước tính khối lượng đầu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			200	Xây mới, cải tạo
19	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV xây mới và cải tạo			200	Xây mới, cải tạo

**Bảng 9: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Đồng Hới	375	Cải tạo, nâng công suất
2	Ba Đồn	500	Cải tạo, nâng công suất
3	Lệ Thủy (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
4	Lao Bảo	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
5	Đông Hà	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Hướng Linh	250	Xây mới
7	Hướng Tân	500	Cải tạo, nâng công suất
8	Đông Nam	250	Xây mới
9	Phong Điền	500	Cải tạo, nâng công suất
10	Chân Mây	250	Xây mới
11	Hương Thủy	250	Xây mới
12	Liên Chiêu	500	Xây mới
13	Sân Bay Đà Nẵng	250	Xây mới
14	Tiên Sa	250	Xây mới
15	Tam Kỳ	500	Cải tạo, nâng công suất
16	Thanh Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất
17	Sông Tranh 2	500	Cải tạo, nâng công suất
18	Duy Xuyên	250	Cải tạo, nâng công suất
19	Tam Hiệp	250	Xây mới
20	Điện Bàn	250	Xây mới
21	Nam Hội An	250	Xây mới
22	TĐ Nước Long	275	Cải tạo, nâng công suất
23	Dung Quất 2	500	Xây mới
24	Quảng Ngãi 2	250	Xây mới
25	Phước An	500	Cải tạo, nâng công suất
26	Phù Mỹ	375	Cải tạo, nâng công suất
27	Nhơn Hội	500	Xây mới
28	Phù Mỹ 2	500	Xây mới, cấp điện cho KCN Phù Mỹ
29	Tuy Hòa	500	Cải tạo, nâng công suất
30	Sông Cầu	250	Xây mới
31	Nam Phú Yên	750	Xây mới, cấp điện cho phụ tải thép
32	Vân Phong	500	Cải tạo, nâng công suất
33	Vạn Ninh	250	Xây mới
34	Cam Thịnh	250	Xây mới
35	Bờ Y	250	Xây mới
36	Pleiku	500	Cải tạo, nâng công suất
37	Chư Sê	500	Cải tạo, nâng công suất
38	An Khê	500	Cải tạo, nâng công suất
39	Pleiku 2 500 kV nối cấp	250	Xây mới

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
40	Krông Pa	250	Xây mới
41	Gia Lai 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
42	Krông Ana	375	Cải tạo, nâng công suất
43	Krông Buk 500 kV nối cấp	500	Xây mới
44	Ea Kar	250	Xây mới
45	Đắk Nông	500	Cải tạo, nâng công suất
46	Đắk Nông 2	500	Xây mới
47	Điện phân nhôm	1184	Xây mới
48	Quảng Bình 1 (*)	500	Xây mới
49	Quảng Bình 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
50	Quảng Trị 1 (*)	250	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
51	Quảng Trị 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
52	NLTT Quảng Ngãi 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
53	Kon Tum 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
54	Kon Tum 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
55	Kon Tum 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
56	Mang Yang (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
57	Gia Lai 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
58	NLTT Ea Hleo (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
59	Ea Hleo	500	Xây mới
60	Đắk Nông 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
61	Hoài Mỹ	500	Xây mới, cấp điện cho KCN Hoài Mỹ
62	Phú Yên 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
63	Quảng Bình 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
64	NLTT Đắk Lắk 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
65	NLTT Đắk Lắk 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
66	NLTT Đắk Lắk 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
67	Đắk Song	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
68	Bình Định 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
69	Phú Yên 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
70	Phú Yên 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
71	Dự phòng công suất TBA 220 kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	1000	Xây mới, cải tạo nâng công suất

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
72	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cáo tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đồng Hới	500	Cải tạo, nâng công suất
2	Hướng Linh	500	Cải tạo, nâng công suất
3	Đông Nam	500	Cải tạo, nâng công suất
4	Hương Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất
5	Hải Châu	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Sân Bay Đà Nẵng	500	Cải tạo, nâng công suất
7	Duy Xuyên	375	Cải tạo, nâng công suất
8	Tam Hiệp	500	Cải tạo, nâng công suất
9	Dốc Sỏi	375	Cải tạo, nâng công suất
10	Phù Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất
11	Vạn Ninh	500	Cải tạo, nâng công suất
12	Cam Thịnh	500	Cải tạo, nâng công suất
13	Bờ Y	500	Cải tạo, nâng công suất
14	Gia Lai 1 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
15	Krông Ana	500	Cải tạo, nâng công suất
16	Ea Kar	500	Cải tạo, nâng công suất
17	Quảng Trị 1 (*)	500	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
18	Quảng Trị 3 (*)	250	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
19	Quảng Trị 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
20	Mang Yang (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
21	Gia Lai 2 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
22	ĐGNK Trung Trung Bộ	500	Xây mới
23	NLTT Huế 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
24	NLTT Huế 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
25	Kon Tum 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
26	Kon Tum 5 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
27	Gia Lai 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
28	Gia Lai 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
29	NLTT Đắc Lắc 1 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
30	NLTT Đắc Lắc 2 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
31	NLTT Đắc Lắc 3 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
32	NLTT Đắc Lắc 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
33	NLTT Đắc Lắc 5 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
34	NLTT Đắc Lắc 6 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
35	NLTT Đắc Lắc 7 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
36	Đắc Nông 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
37	Dự phòng công suất TBA 220 kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	2000	Xây mới, cải tạo nâng công suất
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

**Bảng 10: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
	Giai đoạn 2025-2030				
1	Ba Đồn - Rẽ Vũng Áng - Đồng Hới	2	x	3	Xây mới, chuyển tiếp mạch 2
2	Lệ Thủy - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Lệ Thủy
3	Điện gió B&T1 - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2	4	x	10	Xây mới
4	Quảng Bình 500 kV - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Quảng Bình
5	Nâng khả năng tải Đồng Hới - Đồng Hà	2	x	108	Cải tạo
6	Quảng Bình 1 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới
7	Quảng Bình 2 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	25	Xây mới
8	Quảng Bình 3 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	25	Xây mới
9	TBA 500 kV Quảng Trị rẽ Đồng Hà - Huế và Đồng Hà - Phong Điền	6	x	6	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Quảng Trị
10	Quảng Trị 500 kV - Đông Nam	2	x	27	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Đông Nam
11	Đồng Hà - Huế mạch 3	1	x	78	Cải tạo, Đồng Hà - Quảng Trị 500 kV - Huế
12	ĐG TNC Quảng Trị 1 - Hướng Tân	1	x	11	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
13	Hướng Linh - Lao Bảo	1	x	12	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
14	ĐG LIG Hướng Hóa 1 - Hướng Tân	1	x	13	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
15	ĐG LIG Hướng Hóa 2 - LIG Hướng Hóa 1	1	x	8	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
16	ĐG Savan 1 - Lao Bảo	2	x	17	Xây mới, khi TBA 500 kV Lao Bảo vào vận hành, chuyển đấu nối về TBA 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa)
17	500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa) - Rẽ Lao Bảo - Đồng Hà	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa)
18	500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa) - Rẽ ĐG Tài Tâm - Lao Bảo	2	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa)
19	Quảng Trị 1 - Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
20	Quảng Trị 2 - Lao Bảo 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới
21	Chân Mây - Rẽ Hòa Khánh - Huế	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Chân Mây
22	Phong Điền - Rẽ Đông Hà - Huế (mạch 2)	2	x	5	Xây mới
23	Hương Thủy - Rẽ Huế - Hòa Khánh	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Hương Thủy
24	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	2	x	82	Cải tạo
25	Nâng khả năng tải Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	2	x	100	Cải tạo
26	Liên Chiểu - Rẽ Hòa Khánh - Huế	4	x	3	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Liên Chiểu
27	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	11	Xây mới
28	Tiên Sa - Rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	3	Xây mới, đấu nối nối TBA 220 kV Tiên Sa
29	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	2	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Sân bay Đà Nẵng
30	Điện Bàn - Nam Hội An	2	x	24	Xây mới
31	Tam Hiệp - Rẽ Tam Kỳ - Dốc Sỏi	4	x	1	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Tam Hiệp
32	Đà Nẵng 500 kV - Điện Bàn	2	x	12	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Điện Bàn
33	TĐ Nam Emoun - Trạm cắt Đắc Ooc	1	x	51	Xây mới
34	Nâng khả năng tải Đắc Ooc - Thạnh Mỹ	2	x	31	Cải tạo, tăng cường nhập khẩu điện Lào
35	Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	2	x	69	Xây mới, TBA 500 kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên
36	Trạm cắt 220 kV Đắc Ooc - TĐ Sông Bung 2	2	x	10	Xây mới, tăng cường nhập khẩu điện Lào
37	Phước An - Rẽ TĐ An Khê - Quy Nhơn (mạch 1)	2	x	2	Cải tạo
38	TBKHH Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	6	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Dung Quất 2
39	Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	3	Xây mới
40	Nâng khả năng tải Dốc Sỏi - Dung Quất	2	x	8	Cải tạo, xem xét phương án xây mới cung đoạn Dốc Sỏi - TBKHH Dung Quất
41	TBKHH Dung Quất - Rẽ Dốc Sỏi - Dung Quất	4	x	3	Xây mới, điều chỉnh quy mô thành 2x3 trong trường hợp xây mới cung đoạn Dốc Sỏi - TBKHH Dung Quất
42	Quảng Ngãi 2 - Rẽ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	4	x	2	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
43	NLTT Quảng Ngãi 1 - rẽ Quảng Ngãi - Phù Mỹ (*)	4	x	2	Xây mới
44	Nâng khả năng tải Sơn Hà - Đốc Sỏi	2	x	46	Cải tạo
45	Nâng khả năng tải Quảng Ngãi - Đốc Sỏi	2	x	60	Cải tạo
46	Thay dây phân pha mạch 1 đường dây Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	1	x	140	Cải tạo
47	Trạm cắt 220 kV Bờ Y - Bờ Y	2	x	30	Xây mới
48	Bờ Y - Kon Tum	2	x	51	Xây mới
49	TĐ Đắc Mi 1 - TĐ Đắc My 2	1	x	15	Xây mới
50	TĐ Đắc Lô 3 - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	4	x	1	Xây mới
51	Kon Rẫy 500 kV - Rẽ Thượng Kon Tum - Kon Tum	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Kon Rẫy
52	Thượng Kon Tum - Kon Tum	2	x	82	Xây mới
53	Nâng khả năng tải Kon Tum - Pleiku	2	x	36	Cải tạo
54	Kon Tum 500 kV - rẽ Bờ Y - Kon Tum (*)	4	x	5	Xây mới
55	Kon Tum 1 - Kon Tum 500 kV (*)	2	x	26	Xây mới
56	Kon Tum 2 - Kon Rẫy 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới
57	Kon Tum 3 - 500 kV Kon Rẫy (*)	2	x	30	Xây mới
58	Sơn Hà - Thượng Kon Tum	2	x	35	Xây mới
59	Nâng khả năng tải Pleiku - ĐSK An Khê - TĐ An Khê	1	x	98	Cải tạo
60	Chư Sê - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk (mạch 2)	2	x	2	Xây mới
61	Pleiku 2 - Krông Buk Mạch 2	1	x	120	Cải tạo
62	Krông Pa - Chư Sê	2	x	63	Xây mới
63	ĐG Ia Le 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 (mạch 2)	2	x	6	Xây mới
64	ĐG Ia Boong - Chư Prông - ĐG Nhơn Hòa 1	1	x	8	Xây mới
65	Mang Yang - Rẽ TĐ An Khê - Pleiku (*)	2	x	5	Xây mới
66	Gia Lai 1 - Pleiku 3 (*)	2	x	20	Xây mới
67	Gia Lai 2 - Nhơn Hòa (*)	2	x	20	Xây mới
68	Krông Buk 500 kV - Krong Buk	2	x	27	Xây mới
69	Krông Buk - Nha Trang Mạch 2	1	x	150	Cải tạo

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
70	Ea Kar - Rẽ Krông Buk - Nha Trang	4	x	2	Xây mới
71	Nâng khả năng tải TĐ Srepok 3 - Buôn Kuop	1	x	34	Cải tạo
72	NLTT Ea Hleo - 500 kV Ea Nam (*)	1	x	12	Xây mới
73	Ea Hleo - Rẽ Krong Buk - Chư Sê	4	x	5	Xây mới
74	TĐ Sông Ba Hạ - Krong Buk 500 kV	2	x	115	Xây mới
75	ĐG Krông Buk - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 mạch 2	2	x	1	Xây mới
76	NLTT Đắc Lắc 1 - NLTT Đắc Lắc 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
77	NLTT Đắc Lắc 2 - NLTT Đắc Lắc 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
78	NLTT Đắc Lắc 3 - NLTT Đắc Lắc 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
79	Nâng khả năng tải Buôn Kuop - Buôn Tua Shra - Đắc Nông 500 kV	1	x	112	Cải tạo
80	Đắc Nông 2 - Rẽ Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah	2	x	10	Xây mới
81	Đắc Nông 3 - Đắc Nông 500 kV	1	x	12	Xây mới
82	Đắc Song - rẽ Đắc Nông - Buôn Kuop	2	x	4	Xây mới
83	Nâng khả năng tải Pleiku 2 - Phước An	1	x	98	Xây mới
84	Phước An - Nhơn Hội	2	x	22	Xây mới
85	Bình Định 500 kV - Rẽ Phước An - Phù Mỹ	4	x	5	Xây mới
86	Bình Định 500 kV - Rẽ An Khê - Quy Nhơn và Pleiku 2 - Phước An	4	x	35	Xây mới
87	Phù Mỹ 2 - Phù Mỹ	2	x	20	Xây mới
88	Phù Mỹ - Rẽ Phước An - Quảng Ngãi (mạch 2)	2	x	2	Cải tạo
89	Hoài Mỹ - rẽ Phù Mỹ - Quảng Ngãi	4	x	5	Xây mới
90	Bình Định 1 - Bình Định 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
91	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Vân Phong - Nha Trang	2	x	118	Cải tạo
92	Tuy Hòa - Phước An	2	x	93	Xây mới
93	HBRE An Thọ - Tuy Hòa	1	x	16	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
94	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Quy Nhơn	1	x	90	Cải tạo
95	Đầu nối TBA 220 kV Sông Cầu	4	x	5	Xây mới, GĐ1: Đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Tuy Hòa - Quy Nhơn hiện hữu. GĐ2: Chuyển về đầu nối chuyển tiếp trên 02 mạch ĐD 220 kV Tuy Hòa - Phước An sau khi đường dây này vào vận hành
96	Nam Phú Yên - Rẽ Nha Trang - Tuy Hòa	4	x	4	Xây mới, Cấp điện phụ tải thép
97	Phú Yên 1- Tuy Hòa 500kV (*)	2	x	21	Xây mới
98	Tuy Hòa 500 kV - Rẽ Tuy Hòa - Phước An	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tuy Hòa
99	Phú Yên 2 - NLTT Phú Yên 1 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới
100	Phú Yên 3 - NLTT Phú Yên 1 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới
101	Vạn Ninh - Rẽ Vạn Phong - Tuy Hòa	4	x	2	Xây mới
102	500 kV Vạn Phong - Rẽ Tuy Hòa - Vạn Phong 220 kV (mạch 2)	2	x	26	Xây mới
103	Cam Thịnh - Rẽ Cam Ranh - Tháp Chàm	4	x	3	Xây mới
104	Vân Phong 500 kV - Vân Phong 220 kV	2	x	20	Xây mới
105	TĐ Sê San 3 MR - rẽ Sê San 3A – Sê San 3	2	x	2	Xây mới, đầu nối TĐ Sê San 3 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
106	TĐ Sê San 4 MR - rẽ Pleiku - Sê San 4	2	x	1	Xây mới, đầu nối TĐ Sê San 4 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
107	TĐ Srêpôk 3 MR - rẽ TĐ Srêpôk 3 - Buôn Kuốp	2	x	1	Xây mới, đầu nối TĐ Srêpôk 3 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
108	TĐ Buôn Kuốp MR - rẽ Buôn Kuốp - Krông Ana	2	x	1	Xây mới, đấu nối TĐ Buôn Kuốp MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
109	ĐG Đắc ND'rung 1,2,3 – Đắc Nông 500 kV	2	x	18	Công trình đã có trong Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/3/2023. Xây mới, đồng bộ ĐG Đắc ND'rung 1,2,3 trong trường hợp các nhà máy điện này đủ điều kiện triển khai
110	Ước tính khối lượng đấu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			500	Xây mới, cải tạo
111	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV xây mới và cải tạo			500	Xây mới, cải tạo
Giai đoạn 2031-2035					
1	TBKHH Quảng Trị - Rẽ Đông Nam - 500 kV Quảng Trị	2	x	5	Xây mới
2	Quảng Trị 3 - NLTT Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	16	Xây mới
3	Quảng Trị 4 - NLTT Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
4	Hương Thủy - Huế - chuyển đầu nối Phong Điền	2	x	19	Xây mới
5	Phong Điền 500 kV - rẽ Phong Điền - Huế	4	x	2	Xây mới
6	NLTT Huế 1 - Phong Điền 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
7	NLTT Huế 2 - Phong Điền 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
8	Đà Nẵng 500 kV - rẽ Ngũ Hành Sơn - Duy Xuyên	2	x	8	Xây mới
9	Hòa Khánh - Rẽ Hải Châu - Đà Nẵng	2	x	1	Xây mới
10	500 kV Hòa Liên - Hòa Khánh - chuyển đầu nối Liên Chiểu	2	x	6	Xây mới
11	500 kV Hòa Liên - Rẽ Hòa Khánh - Hải Châu	4	x	6	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Hòa Liên
12	TĐ Sông Tranh 2 MR - TĐ Sông Tranh 2	1	x	1	Xây mới
13	Cải tạo nâng khả năng tải Duy Xuyên - Đà Nẵng	1	x	30	Cải tạo
14	Cải tạo nâng khả năng tải Duy Xuyên - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng	1	x	50	Cải tạo

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
15	Cải tạo nâng khả năng tải Thanh Mỹ 500 kV – Thanh Mỹ	2	x	20	Cải tạo
16	Kon Tum 4 - Kon Tum 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới
17	Kon Tum 5 - Kon Rẫy 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới
18	Mang Yang 500 kV - rẽ An Khê - Pleiku 2 (*)	2	x	10	Xây mới
19	Mang Yang 500 kV - rẽ TĐ An Khê - Pleiku (*)	2	x	10	Xây mới
20	Ia Blư 500 kV - rẽ Chư Sê - Krông Buk (*)	4	x	20	Xây mới
21	Gia Lai 3 - Mang Yang 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
22	Gia Lai 4 - Mang Yang 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
23	NLTT Đắc Lắc 4 - ĐMT Easup (*)	2	x	20	Xây mới
24	NLTT Đắc Lắc 5 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
25	NLTT Đắc Lắc 6 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
26	NLTT Đắc Lắc 7 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
27	Đắc Nông 4 - Đắc Nông 2 500 kV (*)	2	x	12	Xây mới
28	Diên Khánh - Rẽ Nha Trang - Cam Ranh	4	x	7	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Diên Khánh
29	Đấu nối TĐ Sông Tranh MR	2	x	5	Xây mới, đấu nối TĐ Sông Tranh MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
30	TĐ Sê San 3A MR - rẽ TĐ Sê San 3 - TĐ Sê San 3A	2	x	2	Xây mới, đấu nối TĐ Sê San 3A MR theo đề xuất trong Văn bản số 11 /BC-UBND của UBND tỉnh Kon Tum ngày 13/01/2025. Phương án đấu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
31	Ước tính khối lượng đấu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			500	Xây mới, cải tạo
32	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV xây mới và cải tạo			500	Xây mới, cải tạo

**Bảng 11: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Di Linh	1800	Cải tạo, nâng công suất
2	Thuận Nam	2700	Cải tạo, nâng công suất
3	Ninh Sơn	2700	Xây mới, thiết kế sơ đồ vận hành linh hoạt
4	Sơn Mỹ	900	Xây mới
5	Hồng Phong (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
6	NTB 1 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ
7	Cầu Bông	2700	Cải tạo, nâng công suất
8	Củ Chi	1800	Xây mới
9	Chơn Thành	1800	Cải tạo, nâng công suất
10	Tây Ninh 1	1800	Xây mới
11	Tây Ninh 2	900	Xây mới
12	Tân Định	2700	Cải tạo, nâng công suất
13	Tân Uyên	2700	Cải tạo, nâng công suất
14	Bình Dương 1	1800	Xây mới
15	Bình Dương 2	Trạm cắt	Xây mới, dự phòng đấu nối đường dây truyền tải liên vùng Nam Trung Bộ - Nam Bộ
16	Sông Mây	2700	Cải tạo, nâng công suất
17	Long Thành	1800	Cải tạo, nâng công suất
18	Đồng Nai 2	1800	Xây mới
19	Phú Mỹ	900	Cải tạo, nâng công suất
20	Bắc Châu Đức	1800	Xây mới
21	Đức Hòa	1800	Cải tạo, nâng công suất
22	Long An	1800	Xây mới
23	Bến Tre (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT
24	Thốt Nốt	1800	Xây mới
25	Duyên Hải	1350	Cải tạo, nâng công suất
26	Trà Vinh 1 (*)	1800	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT tỉnh Trà Vinh, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025
27	Long Phú	1800	Cải tạo, nâng công suất
28	Sóc Trăng (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
29	Bạc Liêu (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
30	Cà Mau (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
31	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3600	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất
32	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Lâm Đồng	1800	Xây mới, đồng bộ phụ tải luyện nhôm (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng)
2	500 kV Ninh Thuận 1 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
3	500 kV Ninh Thuận 2 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
4	Hồng Phong (*)	2700	Cải tạo, nâng công suất
5	NTB 2 (*)	1800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ
6	NTB 3 (*)	1800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ
7	Củ Chi	2700	Cải tạo, nâng công suất
8	Đa Phước	2700	Xây mới, thiết kế sơ đồ vận hành linh hoạt
9	TP Thủ Đức	1800	Xây mới
10	Chơn Thành	2700	Cải tạo, nâng công suất
11	Lộc Ninh (*)	2700	Xây mới, giải tỏa NLTT
12	Tây Ninh 2	1800	Cải tạo, nâng công suất
13	Tây Ninh 3 (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT
14	Bình Dương 1	2700	Cải tạo, nâng công suất
15	Bình Dương 2	2700	Lắp MBA tại Trạm cắt 500 kV Bình Dương 2
16	Long Thành	2700	Cải tạo, nâng công suất
17	Đồng Nai 4 (*)	2700	Xây mới, giải tỏa NLTT
18	Long Điền	1800	Xây mới
19	Long An 2	900	Xây mới
20	Đồng Tháp	1800	Xây mới
21	An Giang	1800	Xây mới
22	Tiền Giang	1800	Xây mới
23	Bến Tre (*)	1800	Cải tạo, nâng công suất
24	Thốt Nốt	2700	Cải tạo, nâng công suất
25	Duyên Hải	1800	Cải tạo, nâng công suất
26	Trà Vinh 2 (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT
27	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3600	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất
28	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

**Bảng 12: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Ninh Sơn - Rẽ NMNĐ Văn Phong I - Thuận Nam	4	x	18	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
2	Ninh Sơn - Chơn Thành	2	x	275	Xây mới, giải tỏa công suất nguồn điện. Thay thế ĐD 500 kV Thuận Nam - Chơn Thành đã được phê duyệt tại Văn bản số 1891/TTg-CN ngày 27/12/2018 để thuận lợi trong đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành.
3	TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn	2	x	25	Xây mới, đồng bộ TĐTN Bắc Ái, thay cho ĐD 500 kV TĐTN Bắc Ái - Rẽ Văn Phong - Thuận Nam
4	TĐTN Phước Hòa - Ninh Sơn	2	x	25	Xây mới, đồng bộ TĐTN Phước Hòa
5	Hồng Phong - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mỹ	4	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
6	Sơn Mỹ - Bắc Châu Đức	2	x	80	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Sơn Mỹ II
7	NMNĐ Vĩnh Tân III - Vĩnh Tân	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Vĩnh Tân III
8	LNG Cà Ná - Thuận Nam	2	x	30	Xây mới, đồng bộ LNG Cà Ná
9	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 (giải tỏa công suất về Nam Bộ)	2	x	300	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Xem xét đầu nối về TBA 500kV Bình Dương 1. Trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Nam Trung Bộ, xem xét phát triển lưới truyền tải cấp điện áp 765÷1000 kV
10	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 1	4	x	15	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Xem xét đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 500kV Thuận Nam - Vĩnh Tân
11	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 2	2	x	60	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 2. Xem xét đầu nối về TBA 500kV Ninh Sơn
12	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 2 (giải tỏa công suất về Nam Bộ)	2	x	325	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 2. Xem xét đầu nối về Trạm 500kV Bình Dương 2. Trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Nam Trung Bộ, xem xét phát triển lưới truyền tải cấp điện áp 765÷1000 kV
13	NTB 1 - Hồng Phong (*)	2	x	20	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
14	Tây Ninh 1 - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	4	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1
15	Tây Ninh 2 - Rẽ Chơn Thành - Tây Ninh 1	2	x	30	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 2
16	Bắc Châu Đức - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mỹ và Phú Mỹ - Long Thành	4	x	11	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Bắc Châu Đức

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
17	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mây	1	x	58	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
18	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Long Thành - Sông Mây	1	x	92	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
19	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè và Phú Mỹ - NMD Nhơn Trạch 4 - Nhà Bè	2	x	43	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
20	Củ Chi - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	2	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Củ Chi
21	Bình Dương 1 - Rẽ Sông Mây - Tân Định	2	x	35	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
22	Bình Dương 1 - Chơn Thành	2	x	17	Xây mới, tạo mạch vòng nâng cao độ tin cậy cấp điện khu vực
23	Bình Dương 2 - Rẽ Tây Ninh 1 - Chơn Thành	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm cắt 500 kV Bình Dương 2
24	Đồng Nai 2 - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây	4	x	5	Xây mới, chuyển tiếp trên mạch 3,4 ĐD 500 kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên
25	NMD Nhơn Trạch 4 - Rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	2	x	4	Xây mới, đồng bộ NMD Nhơn Trạch 4
26	Long Thành - Rẽ Bắc Châu Đức - Sông Mây	2	x	17	Xây mới, tăng cường truyền tải nguồn điện khu vực. Kiến nghị lựa chọn tiết diện phù hợp với ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mây sau cải tạo nâng khả năng tải
27	Đức Hòa - Chơn Thành	2	x	104	Xây mới, chuyển đấu nối Mỹ Tho - Chơn Thành
28	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Cầu Bông (mạch 2)	2	x	13	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 500 kV Phú Lâm - Cầu Bông
29	Long An - Rẽ Nhà Bè - Mỹ Tho	2	x	1	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long An
30	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Đức Hòa - Cầu Bông	2	x	24	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa công suất LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ
31	500 kV Trà Vinh 1 - Sông Hậu (*)	2	x	65	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT tỉnh Trà Vinh, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025
32	500 kV Bến Tre - Long An (*)	2	x	55	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bến Tre, chuyển đấu nối về TBA 500 kV Đa Phước trong giai đoạn 2031-2035
33	Ô Môn - Thốt Nốt	2	x	35	Xây mới, tăng cường lưới truyền tải khu vực Tây Nam Bộ; giải tỏa công suất TTDL Ô Môn
34	NMND Sông Hậu II - Sông Hậu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMND Sông Hậu II
35	Thốt Nốt - Đức Hòa	2	x	135	Xây mới, giải tỏa công suất LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ, xem xét chuyển đấu nối đi Cầu Bông để hạn chế dòng ngắn mạch
36	LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	130	Xây mới, đồng bộ LNG Bạc Liêu
37	500 kV Bạc Liêu - Rẽ LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt (*)	2	x	20	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
38	500 kV Cà Mau - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	67	Xây mới, giải tỏa NLTT

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
39	500 kV Sóc Trăng - Long Phú (*)	2	x	40	Xây mới, giải tỏa NLTT
40	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			450	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	500 kV Ninh Thuận 1 - Rẽ Vân Phong - Ninh Sơn (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
2	500 kV Ninh Thuận 2 - Rẽ Thuận Nam - Ninh Sơn (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Xem xét chuyển đầu nối về Trạm Converter HVDC Nam Trung Bộ khi xuất hiện hệ thống truyền tải HVDC Nam Trung Bộ - Bắc Bộ
3	Đầu nối trạm Converter HVDC Nam Trung Bộ			160	Xây mới, đầu nối trạm converter HVDC Nam Trung Bộ, xem xét đầu nối về ĐHN Ninh Thuận 1 và ĐHN Ninh Thuận 2
4	TĐTN Đơn Dương - Rẽ Điện hạt nhân Ninh Thuận 2 - Bình Dương 2	4	x	20	Xây mới, đồng bộ TĐTN Đơn Dương
5	Hồng Phong - Long Thành (*)	2	x	130	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
6	NTB 2 - Rẽ Hồng Phong - Long Thành (*)	4	x	25	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
7	NTB 3 - Đồng Nai 2 (*)	2	x	80	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
8	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 vào lưới 500 kV khu vực			200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ
9	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 vào lưới 500 kV khu vực			200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ
10	500 kV Lâm Đồng - Rẽ Ninh Sơn - Chơn Thành	4	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Lâm Đồng
11	500 kV Tây Ninh 3 – 500 kV Tây Ninh 2 (*)	2	x	20	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
12	Lộc Ninh - Chơn Thành (*)	2	x	60	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
13	Long Điền - Rẽ LNG Long Sơn - Bắc Châu Đức	2	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điền
14	LNG Long Sơn - Bắc Châu Đức	2	x	36	Xây mới, đồng bộ LNG Long Sơn, phụ thuộc tiến độ nguồn điện
15	500 kV Đồng Nai 4 - Rẽ Sông Mây - Tân Định (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa NLTT
16	Đa Phước - Rẽ Phú Lâm - Nhà Bè	2	x	8	Xây mới, đầu nối trạm 500 kV Đa Phước
17	Đa Phước - Long An	2	x	10	Xây mới, chuyển đầu nối về TBA 500 kV Bến Tre

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
18	TP Thủ Đức - Long Thành	2	x	25	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV TP Thủ Đức
19	Đấu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Bộ 1 vào lưới 500 kV khu vực	4	x	200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ
20	Đấu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Bộ 2 vào lưới 500 kV khu vực	4	x	200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ
21	Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Tiền Giang
22	LNG Long An II – Long An	2	x	15	Xây mới, đồng bộ LNG Long An II
23	Long An 2 - Rẽ Sông Hậu - Đức Hòa	2	x	13	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long An 2
24	500 kV Trà Vinh 2 - Duyên Hải	4	x	1	Xây mới, giải tỏa NLTT
25	500 kV Trà Vinh 2 - Bến Tre	2	x	60	Xây mới, giải tỏa NLTT
26	Đồng Tháp - Tây Ninh 1	2	x	112	Xây mới
27	An Giang - Đồng Tháp	2	x	65	Xây mới
28	500 kV Bạc Liêu - An Giang (*)	2	x	115	Xây mới
29	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			500	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

**Bảng 13: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Bảo Lộc	500	Cải tạo, nâng công suất
2	Đức Trọng	500	Cải tạo, nâng công suất
3	Tà Năng (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT
4	Bảo Lâm	250	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng)
5	Đạ Huoai	250	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng)
6	TD Đa Nhím	375	Cải tạo, nâng công suất
7	Phước Thái	750	Cải tạo, nâng công suất
8	Trạm cắt Đa Nhím	Trạm cắt	Xây mới
9	Cà Ná	500	Xây mới
10	Đồng Quán Thê	480	Xây mới, đồng bộ phụ tải chuyên dùng
11	TD Hàm Thuận	125	Cải tạo, nâng công suất
12	TD Đại Ninh	250	Cải tạo, nâng công suất
13	Hàm Thuận Nam	500	Xây mới
14	Vĩnh Hảo	500	Cải tạo, nâng công suất
15	Hòa Thắng (*)	500	Xây mới
16	Hồng Phong 500 kV nối cấp	500	Xây mới
17	Phong điện 1 Bình Thuận (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT
18	Tân Sơn Nhất	500	Xây mới
19	Đầm Sen	500	Xây mới
20	Thủ Thiêm	500	Xây mới
21	Bình Chánh 1	500	Xây mới
22	Bà Quẹo (Vĩnh Lộc)	500	Xây mới
23	Quận 7	500	Xây mới
24	Nam Hiệp Phước	500	Xây mới
25	Quận 9	500	Xây mới
26	Tây Bắc Củ Chi	250	Xây mới
27	Phú Hòa Đông	250	Xây mới
28	Cần Giờ	500	Xây mới
29	Phước Long	500	Cải tạo, nâng công suất
30	Đồng Bình Phước (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
31	Alumin Bình Phước	500	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin Bình Phước (theo đề nghị tại Văn bản số 1058/UBND-TH ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)
32	Đồng Xoài	250	Xây mới
33	Tân Biên	500	Cải tạo, nâng công suất
34	Phước Đông	500	Xây mới
35	Tây Ninh 3	250	Xây mới

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
36	Tân Định	750	Cải tạo, nâng công suất
37	Bến Cát 2	500	Xây mới
38	Tân Định 2	500	Xây mới
39	An Thạnh (VSIP)	500	Xây mới
40	Bình Mỹ	500	Xây mới
41	Bắc Tân Uyên	500	Xây mới
42	Lai Uyên	500	Xây mới
43	Phú Giáo	500	Xây mới
44	TĐ Trị An	500	Cải tạo, nâng công suất
45	Tam Phước	500	Cải tạo, nâng công suất
46	Thống Nhất	500	Xây mới
47	KCN Nhơn Trạch	500	Xây mới
48	Long Khánh	500	Cải tạo, nâng công suất
49	Hố Nai	500	Xây mới
50	Dầu Giây	500	Xây mới
51	Biên Hòa	500	Xây mới
52	Đồng Nai 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
53	Đồng Nai 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
54	Bà Rịa	250	Cải tạo, nâng công suất
55	KCN Phú Mỹ 3	500	Xây mới
56	Phước Thuận (Đất Đỏ)	500	Xây mới
57	Long Sơn	250	Xây mới
58	Cần Đước	500	Cải tạo, nâng công suất
59	Đức Hòa 2	500	Xây mới
60	Đức Hòa 500 kV nối cấp	500	Xây mới
61	Bến Lức 2 (Đức Hòa 3)	500	Xây mới, thay thế TBA 220 kV Đức Hòa 3 trong Quy hoạch điện VIII (theo đề nghị của EVNNPT tại Văn bản số 781/EVNNPT-KH+ĐT ngày 21/02/2025).
62	Tân Lập	250	Xây mới
63	Kiến Tường	250	Xây mới
64	Lấp Vò	250	Xây mới
65	Hồng Ngự	250	Xây mới
66	Long Xuyên	500	Cải tạo, nâng công suất
67	Chợ Mới	250	Xây mới
68	Châu Thành (An Giang)	250	Xây mới
69	Cai Lậy	500	Cải tạo, nâng công suất
70	Mỹ Tho	500	Cải tạo, nâng công suất
71	Tân Phước (Cái Bè)	500	Xây mới
72	Gò Công	500	Xây mới
73	Vĩnh Long 3	250	Xây mới
74	Mỏ Cày	500	Cải tạo, nâng công suất
75	Bình Đại (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
76	Thạnh Phú (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
77	An Biên (Vĩnh Thuận)	500	Xây mới
78	Phú Quốc	500	Xây mới
79	Trà Nóc	500	Cải tạo, nâng công suất
80	Ô Môn	500	Cải tạo, nâng công suất

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
81	Châu Thành (Hậu Giang)	500	Cải tạo, nâng công suất
82	Trà Vinh	500	Cải tạo, nâng công suất
83	Trà Vinh 3	450	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
84	Trần Đề (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
85	Bạc Liêu	375	Cải tạo, nâng công suất
86	Giá Rai	250	Cải tạo, nâng công suất
87	Hòa Bình (*)	500	Xây mới
88	Bạc Liêu 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
89	Cà Mau 3	450	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
90	Năm Căn	500	Xây mới
91	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3500	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất
92	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch bao gồm nhưng không giới hạn tại các thanh cái TBA 500 kV Vĩnh Tân, Bắc Châu Đức, TBA Bà Quẹo (kháng đường dây 220kV Bà Quẹo - Đầm Sen)		Hạn chế dòng ngắn mạch
93	Cải tạo sơ đồ thanh cái linh hoạt, phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn tại các TBA 500 kV Đức Hòa, Ô Môn, TBA Ninh Phước, Long Thành, Cù Chi		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
94	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đà Lạt	250	Xây mới
2	220 kV Ninh Thuận 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
3	220 kV Ninh Thuận 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
4	220 kV Ninh Thuận 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
5	Phong điện 1 Bình Thuận (*)	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Hồng Liêm (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT
7	Tây Bắc Cù Chi	500	Cải tạo, nâng công suất
8	Phú Hòa Đông	500	Cải tạo, nâng công suất
9	Bình Chánh 2	500	Xây mới

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
10	Hóc Môn 2	500	Xây mới
11	TP Thủ Đức 500 kV nối cấp	750	Xây mới
12	Đa Phước 500 kV nối cấp	750	Xây mới
13	Đồng Bình Phước (*)	750	Cải tạo, nâng công suất
14	Đồng Xoài	500	Cải tạo, nâng công suất
15	Hớn Quản	250	Xây mới
16	220 kV Bình Phước 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
17	220 kV Bình Phước 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
18	Tây Ninh	750	Cải tạo, nâng công suất
19	Tây Ninh 2	750	Cải tạo, nâng công suất
20	Bến Cầu	500	Xây mới
21	Tây Ninh 3	500	Cải tạo, nâng công suất
22	Tân Châu 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
23	Mỹ Phước	750	Cải tạo, nâng công suất
24	Uyên Hưng	750	Cải tạo, nâng công suất
25	Bến Cát	750	Cải tạo, nâng công suất
26	Tân Uyên	750	Cải tạo, nâng công suất
27	Bến Cát 2	750	Cải tạo, nâng công suất
28	Tân Định 2	750	Cải tạo, nâng công suất
29	An Thạnh (VSIP)	750	Cải tạo, nâng công suất
30	Bình Mỹ	750	Cải tạo, nâng công suất
31	Bến Cát 3	750	Xây mới
32	Bàu Bàng	750	Xây mới
33	Bình Dương 2 500 kV nối cấp	750	Xây mới
34	Long Thành	750	Cải tạo, nâng công suất
35	An Phước	750	Cải tạo, nâng công suất
36	Tam Phước	750	Cải tạo, nâng công suất
37	KCN Nhơn Trạch	750	Cải tạo, nâng công suất
38	Biên Hòa	750	Cải tạo, nâng công suất
39	Đồng Nai 3 (*)	1000	Cải tạo, nâng công suất
40	Đồng Nai 4 (*)	1000	Cải tạo, nâng công suất
41	Long Thành 500 kV nối cấp	750	Xây mới
42	KCN Long Thành 2	750	Xây mới
43	Đồng Nai 2 500 kV nối cấp	750	Xây mới
44	Long Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất
45	TP Phú Mỹ	500	Xây mới
46	Vũng Tàu 2	500	Xây mới
47	Đức Hòa 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
48	Tân Lập	500	Cải tạo, nâng công suất
49	Cần Giuộc	500	Xây mới
50	Kiến Tường	500	Cải tạo, nâng công suất
51	Long An 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới
52	Lấp Vò	500	Cải tạo, nâng công suất
53	Hồng Ngự	500	Cải tạo, nâng công suất
54	Đồng Tháp 500 kV nối cấp	250	Xây mới
55	Chợ Mới	500	Cải tạo, nâng công suất

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
56	Châu Thành (An Giang)	500	Cải tạo, nâng công suất
57	An Giang 500 kV nối cấp	250	Xây mới
58	Tân Phước (Cái Bè)	750	Cải tạo, nâng công suất
59	Tiền Giang 500 kV nối cấp	500	Xây mới
60	Vĩnh Long 3	500	Cải tạo, nâng công suất
61	Ba Tri	500	Xây mới
62	Vĩnh Quang	250	Xây mới
63	Thốt Nốt	500	Cải tạo, nâng công suất
64	Vị Thanh	250	Xây mới
65	Duyên Hải	500	Cải tạo, nâng công suất
66	Bạc Liêu	500	Cải tạo, nâng công suất
67	Giá Rai	500	Cải tạo, nâng công suất
68	Bạc Liêu 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
69	Cà Mau 4	250	Xây mới, giải tỏa NLTT
70	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3500	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất
71	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

**Bảng 14: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Mạch 2 Bảo Lộc - Sông Mỹ	2	x	118	Cải tạo mạch 1, xây dựng mạch 2, nâng cao độ tin cậy
2	Trạm cắt 220 kV Đa Nhím - Rẽ Tháp Chàm - Đa Nhím	2	x	1	Xây mới, đồng bộ trạm cắt 220 kV Đa Nhím
3	Trạm cắt 220 kV Đa Nhím - Đức Trọng - Di Linh	2	x	96	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực. Thay thế cho công trình cải tạo ĐD 220 kV Đa Nhím - Đức Trọng - Di Linh từ 01 mạch lên 02 mạch do khó khăn cắt điện thi công ĐD hiện hữu và không mở rộng được TBA 220 kV TĐ Đa Nhím
4	TĐ Đồng Nai 2 - Rẽ Đức Trọng - Di Linh và chuyển đầu nối (Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 thay cho Đức Trọng - Di Linh), cải tạo nâng khả năng tải ĐD 220 kV TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh	1	x	15	Xây mới và cải tạo, hình thành ĐD 220 kV mạch đơn Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh thay cho ĐD 220 kV mạch kép TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh
5	Đức Trọng - Rẽ trạm cắt 220 kV Đa Nhím - Di Linh	2	x	1	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
6	Bảo Lâm - Bảo Lộc	2	x	25	Xây mới, đồng bộ với tiến độ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng
7	Đạ Huoai - Rẽ Bảo Lộc - Định Quán	2	x	2	Xây mới, đồng bộ với tiến độ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng
8	ĐG Đức Trọng - Rẽ Đa Nhím - Đức Trọng (*)	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMDG Đức Trọng. Vị trí và phương án đầu nối điều chỉnh của NMDG Đức Trọng được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4777/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số 6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số 835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Vận hành đồng bộ với ĐD 220 kV trạm cắt Đa Nhím - Đức Trọng - Di Linh.
9	Tà Năng - rẽ Đức Trọng - Di Linh (*)	2	x	20	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Tà Năng trên ĐZ 220 kV Đức Trọng - Di Linh (mạch xây mới). Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
10	Đầu nối TĐ Đa R'Sal (**)	1	x	30	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng đề xuất đầu nối TĐ Đa R'Sal về TC 220 kV TBA 220 kV TĐ Buôn Tua Srah. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
11	500 kV Ninh Sơn - Rẽ Tháp Chàm - Ninh Phước	4	x	27	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
12	500 kV Ninh Sơn - Ninh Phước	2	x	47	Xây mới, thay thế cho ĐD 220 kV Ninh Phước - Vĩnh Tân do khó khăn về hướng tuyến
13	500 kV Ninh Sơn - Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	18	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
14	Tháp Chăm - trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	46	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
15	500 kV Vĩnh Tân - Cà Ná	2	x	14	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Cà Ná
16	ĐG Phước Hữu - 220 kV Ninh Phước (*)	1	x	2	Xây mới, đấu nối ĐG Phước Hữu, thay cho ĐD 110 kV ĐG Phước Hữu - 110 kV Ninh Phước đã được phê duyệt tại Quyết định số 3768/QĐ-BCT ngày 27/07/2011 do lưới điện 110 kV không có khả năng giải tỏa. Trạm nâng áp 220 kV ĐG Phước Hữu có công suất 63 MVA
17	Đông Quán Thê - Rẽ Vĩnh Tân - Trạm cắt 220 kV Quán Thê	2	x	1	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
18	Đông Quán Thê - Cà Ná	1	x	7	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
19	TĐ Đa Nhim MR GD2 - Sân phân phối 220 kV Đa Nhim	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
20	Hàm Tân - Rẽ Phan Thiết - Châu Đức (mạch 2)	2	x	6	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hàm Tân chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phan Thiết - Tân Thành
21	Hàm Thuận Nam - Rẽ Phan Thiết - Hàm Tân	4	x	4	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Hàm Thuận Nam
22	Hòa Thắng - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	7	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Hòa Thắng
23	Nâng khả năng tải Hàm Thuận - Đa Mỹ - Xuân Lộc	2	x	95	Cải tạo nâng khả năng tải
24	Nâng khả năng tải Phan Thiết - Hàm Thuận	1	x	55	Cải tạo nâng khả năng tải
25	Phước Thái - Rẽ Vĩnh Tân - Tháp Chăm (mạch 2)	2	x	3	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Phước Thái chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Vĩnh Tân - Tháp Chăm, giải tỏa nguồn điện khu vực
26	Hồng Phong - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	1	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
27	Phong điện 1 Bình Thuận - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Thiết (*)	2	x	4	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
28	Nâng khả năng tải Phan Rí - Phan Thiết	2	x	52	Cải tạo nâng khả năng tải, thống nhất tiết diện trên toàn tuyến 220 kV Phan Rí - Phan Thiết để giải tỏa nguồn điện khu vực
29	Phan Rí - 500 kV Hồng Phong	2	x	16	Xây mới, tăng cường khả năng giải tỏa nguồn điện khu vực
30	500 kV Hồng Phong - Rẽ Phan Rí - Phan Thiết	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV Hồng Phong
31	500 kV Sơn Mỹ - Rẽ Hàm Tân - Phước Thuận (Đất Đỏ)	4	x	4	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
32	Nâng khả năng tải Bình Long - Chơn Thành	2	x	32	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
33	Tân Biên - Tây Ninh	2	x	25	Xây mới
34	500 kV Tây Ninh 1 - Rẽ Tây Ninh 2 - Trảng Bàng	4	x	8	Xây mới
35	500 kV Tây Ninh 1 - Phước Đông	2	x	8	Xây mới
36	Alumin Bình Phước - Rẽ Phước Long - Điện phân nhôm	2	x	15	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin Bình Phước (theo đề nghị tại Văn bản số 1058/UBND-TH ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)
37	Đồng Xoài - Chơn Thành	2	x	20	Xây mới
38	Bình Long - Chơn Thành (mạch 3, 4)	2	x	32	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
39	Đồng Bình Phước - Rẽ Bình Long - Điện phân nhôm (*)	4	x	12	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
40	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Chơn Thành 500 kV - Mỹ Phước	2	x	45	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
41	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Mỹ Phước - Tân Định 500 kV	2	x	17	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
42	500 kV Tây Ninh 2 - Rẽ ĐMT Hồ Dầu Tiếng - Tây Ninh	4	x	3	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
43	500 kV Tây Ninh 2 - Tây Ninh (chuyển đấu nối đi Tân Biên)	2	x	6	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
44	Tây Ninh 3 - 500 kV Tây Ninh 2	2	x	16	Xây mới
45	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Long Thành	2	x	25	Cải tạo nâng khả năng tải
46	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Tân Thành	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải
47	KCN Phú Mỹ 3 - Rẽ Tân Thành - Châu Đức	4	x	1	Xây mới
48	500 kV Bắc Châu Đức - Rẽ Châu Đức - Tân Thành	4	x	10	Xây mới
49	Phước Thuận (Đất Đỏ) - Rẽ Phan Thiết - Tân Thành và Hàm Tân - Tân Thành	4	x	6	Xây mới
50	Long Sơn - Rẽ Châu Đức - KCN Phú Mỹ 3	2	x	8	Xây mới, xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện ĐD 220 kV Châu Đức - KCN Phú Mỹ 3 sau khi cải tạo
51	Châu Đức - rẽ Hàm Tân - Tân Thành (mạch 2)	2	x	2	Xây mới, hoàn thiện đấu nối TBA 220kV Châu Đức vào 02 mạch ĐD 220kV Hàm Tân - Tân Thành
52	Nâng khả năng tải Tân Thành - Vũng Tàu	2	x	30	Cải tạo nâng khả năng tải
53	Nâng khả năng tải Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức	2	x	60	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
54	Cát Lái - Tân Cảng	2	x	15	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
55	Bình Chánh 1 - Cầu Bông	2	x	21	Xây mới, thuộc dự án đường dây 220-110 kV Cầu Bông - Bình Tân
56	Tân Sơn Nhất - Thuận An	2	x	15	Xây mới
57	Tân Sơn Nhất - Rẽ Hóc Môn - Thủ Đức	2	x	9	Xây mới
58	Phú Lâm - Đầm Sen	2	x	6	Xây mới
59	Đầm Sen - Bà Quẹo - Tân Sơn Nhất	2	x	10	Xây mới
60	500 kV Long Thành - Công Nghệ Cao	2	x	25	Xây mới
61	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Trảng Bàng	4	x	1	Xây mới, chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - Trảng Bàng và Củ Chi 500 kV - Tân Định
62	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Tân Định	2	x	1	Xây mới, chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - 220 kV Củ Chi
63	Thủ Thiêm - Rẽ Cát Lái - Tân Cảng	4	x	1	Xây mới
64	Quận 7 - Nhà Bè và mở rộng ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè	2	x	6	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Quận 7, trường hợp không mở rộng được ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè, xem xét đầu nối Quận 7 - Rẽ NĐ Nhơn Trạch 1&2 - Nhà Bè (2x7km), sử dụng tiết diện lớn
65	Quận 9 - Rẽ Long Thành - Công nghệ cao	4	x	5	Xây mới
66	LNG Hiệp Phước giai đoạn I - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước	4	x	3	Xây mới, đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
67	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đước - Mỹ Tho - Mỹ Tho 500 kV	2	x	112	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
68	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Tân Thành	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải
69	Nam Hiệp Phước - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đước	4	x	2	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Nam Hiệp Phước. Kiến nghị chọn tiết diện phù hợp với ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đước sau cải tạo
70	Cần Giở - Rẽ Phú Mỹ - Nam Hiệp Phước	2	x	28	Xây mới
71	Bến Cát 2 - Rẽ Tân Định - Củ Chi	4	x	1	Xây mới
72	Bến Cát 2 - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	2	x	20	Xây mới và đầu nối chuyển tiếp vào 01 mạch ĐD 220 kV Chơn Thành - Bến Cát
73	Tân Định 2 - Rẽ Mỹ Phước - Bến Cát	4	x	11	Xây mới
74	500 kV Bình Dương 1 - Rẽ Uyên Hưng - Sông Mỹ	4	x	40	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
75	An Thạnh (VSIP) - Rẽ Tân Uyên - Thuận An	4	x	3	Xây mới
76	Bình Mỹ - Rẽ Bình Dương 1 - Sông Mỹ	4	x	3	Xây mới
77	Lai Uyên - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	4	x	1	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
78	Bắc Tân Uyên - Rẽ Bình Mỹ - Sông Mỹ	2	x	7	Xây mới
79	Sông Mỹ - Tam Phước	2	x	14	Xây mới
80	500 kV Đồng Nai 2 - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	12	Xây mới
81	NMĐ Nhơn Trạch 3 - Rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái	2	x	10	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3; thay thế cho ĐD NMĐ Nhơn Trạch 3 - Cát Lái (chuyển đầu nối đi Thủ Đức) do khó khăn về hướng tuyến xây dựng ĐD
82	NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	2	x	44	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3
83	KCN Nhơn Trạch - Rẽ NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	4	x	3	Xây mới, đồng bộ trạm 220 kV KCN Nhơn Trạch. Trường hợp NMĐ Nhơn Trạch 3 chậm tiến độ, xem xét xây dựng trước ĐD 220 kV KCN Nhơn Trạch - Long Thành
84	Nâng khả năng tải Sông Mỹ - Long Bình (mạch 1)	1	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải
85	Nâng khả năng tải Sông Mỹ - Long Bình (mạch 2)	1	x	25	Cải tạo nâng khả năng tải
86	Thống Nhất - Rẽ Bảo Lộc - Sông Mỹ	4	x	2	Xây mới
87	Nâng khả năng tải Tân Định - Bình Hòa	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải
88	TĐ Trị An mở rộng - TĐ Trị An	2	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Trị An mở rộng
89	Tây Bắc Củ Chi - Củ Chi 500 kV	2	x	12	Xây mới
90	Bình Chánh 1 - Đức Hòa	2	x	10	Xây mới
91	Phú Hòa Đông - Rẽ Củ Chi - Cầu Bông	4	x	5	Xây mới
92	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Củ Chi	2	x	22	Cải tạo nâng khả năng tải
93	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Bình Tân - Phú Lâm	2	x	34	Cải tạo nâng khả năng tải
94	Nâng khả năng tải Thủ Đức - Tân Uyên - Long Bình	2	x	44	Cải tạo nâng khả năng tải, xem xét phù hợp khả năng tải của đoạn cáp ngầm hiện hữu
95	Tân Định 2 - Bình Mỹ	2	x	14	Xây mới
96	Biên Hòa - Rẽ Tân Uyên - Long Bình	4	x	1	Xây mới
97	Dầu Giây - 500 kV Đồng Nai 2	2	x	30	Xây mới
98	Dầu Giây - 500 kV Long Thành	2	x	12	Xây mới
99	220 kV Đồng Nai 3 - Tân Uyên (*)	2	x	55	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
100	220 kV Đồng Nai 4 - Uyên Hưng (*)	2	x	31	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
101	Nâng khả năng tải 220 kV Long Thành - An Phước - Tam Phước	2	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải. Kiến nghị sử dụng dây phân pha tiết diện lớn

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
102	Nâng khả năng tải 500 kV Long Thành - 220 kV Long Thành	2	x	19	Cải tạo nâng khả năng tải
103	Hố Nai - Rẽ Sông Mỹ - Tam Phước	4	x	1	Xây mới
104	Phú Giáo - Rẽ Bình Dương 1 - Uyên Hưng	4	x	2	Xây mới
105	Nâng khả năng tải Long An - Bến Lức	2	x	14	Cải tạo nâng khả năng tải
106	Gò Công - Cần Đước	2	x	27	Xây mới
107	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Long An (mạch 2)	2	x	20	Xây mới, đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Lâm - 500 kV Long An
108	Đức Hòa 2 - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Đức Hòa 1	4	x	10	Xây mới
109	Bến Lức 2 (Đức Hòa 3) đầu nối chuyển tiếp trên các ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Phú Lâm và ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Bến Lức.	4	x	6	Xây mới, thay thế ĐD 220 kV Đức Hòa 3 đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Rẽ Phú Lâm - Long An trong Quy hoạch điện VIII
110	Treo dây mạch 3,4 ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Đức Hòa 1	2	x	25	Xem xét chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Tây Bắc Cù Chi
111	500 kV Long An - Rẽ Cần Đước - Phú Mỹ	4	x	1	Xây mới
112	Nâng khả năng tải Bến Lức - Phú Lâm	2	x	28	Cải tạo nâng khả năng tải
113	Tân Lập - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Long An	4	x	9	Xây mới
114	Kiến Tường - Tân Lập	2	x	40	Xây mới. Trường hợp TBA 220 kV Tân Lập vào chậm, đầu tư trước đường dây 220 kV Kiến Tường - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Long An (2x50 km)
115	LNG Long An I - 500 kV Long An	2	x	18	Xây mới, đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế sân phân phối 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái.
116	LNG Long An I - Bến Lức	2	x	30	Xây mới, đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế SPP 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái
117	Tân Phước (Cái Bè) - Rẽ 500 kV Mỹ Tho - Long An	4	x	7	Xây mới
118	Mỹ Tho - Rẽ Mỹ Tho 500 kV - Cần Đước (mạch 2)	2	x	4	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Mỹ Tho chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Mỹ Tho - 500 kV Cần Đước
119	Cần Đước - Rẽ Phú Mỹ 500 kV - Mỹ Tho (mạch 2)	2	x	5	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Cần Đước chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Mỹ - 500 kV Mỹ Tho
120	ĐG Long Mỹ 1 - Rẽ NĐ Cà Mau - Ô Môn (*)	2	x	1	Xây mới, đồng bộ ĐG Long Mỹ 1

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
121	Vĩnh Long 3 - Rẽ Vĩnh Long 2 - Trà Vinh	4	x	1	Xây mới
122	Bến Tre - Bình Đại (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
123	Thanh Phú - Rẽ ĐG Hải Phòng - Mỏ Cây (*)	4	x	3	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp ĐG Hải Phòng vào chậm, cần xây dựng trước ĐD mạch kép 220 kV Thanh Phú - Mỏ Cây đồng bộ trạm 220 kV Thanh Phú, ĐG Hải Phòng đấu nối về trạm 220 kV Thanh Phú qua mạch kép 220 kV. Xem xét chọn tiết diện lớn để giải tỏa NLTT
124	Mỏ Cây - 500 kV Mỹ Tho (*)	2	x	42	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
125	An Biên (Vĩnh Thuận) - Rẽ NĐ Cà Mau - Rạch Giá	2	x	17	Xây mới
126	Trà Vinh 3 - 500 kV Duyên Hải	2	x	3	Xây mới, đồng bộ với trạm 220 kV Trà Vinh 3
127	ĐG số 19 Bến Tre - Bình Đại (*)	2	x	12	Xây mới, đồng bộ ĐG số 19 Bến Tre, giải tỏa công suất ĐG số 19 Bến Tre, ĐG số 20 Bến Tre. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG số 19 Bến Tre - Bến Tre dài khoảng 50km do khó mở rộng ngăn lộ tại trạm 220 kV Bến Tre. Chiều dài thực tế khoảng 0,03km.
128	ĐG Hải Phòng - Mỏ Cây (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ ĐG Hải Phòng, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
129	ĐG Đông Thành 1 - 500 kV Duyên Hải (*)	2	x	4	Xây mới, đồng bộ ĐG Đông Thành 1, giải tỏa công suất ĐG Đông Thành 1, ĐG Đông Thành 2. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG Đông Thành 1 - Rẽ Đông Hải 1 - 500 kV Duyên Hải để tránh quá tải ĐD 220 kV ĐG Đông Hải 1 - ĐMT Trung Nam Trà Vinh - 500 kV Duyên Hải.
130	ĐG Thăng Long - 220 kV Duyên Hải (*)	1	x	12	Xây mới, đồng bộ ĐG Thăng Long, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
131	500 kV Bến Tre - Rẽ Bình Đại - Bến Tre	4	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bến Tre
132	500 kV Bến Tre - Rẽ Thanh Phú - Mỏ Cây	4	x	10	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bến Tre
133	500 kV Thốt Nốt - Lấp Vò	2	x	22	Xây mới
134	Hồng Ngự - Châu Đốc	2	x	40	Xây mới
135	Lấp Vò - Hồng Ngự	2	x	55	Xây mới
136	Sa Đéc - Rẽ Ô Môn - Vĩnh Long (mạch 2)	2	x	1	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Sa Đéc chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long
137	Long Xuyên - Rẽ Châu Đốc - Thốt Nốt (mạch 2)	2	x	1	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Long Xuyên chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Châu Đốc - Thốt Nốt

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
138	Châu Thành (An Giang) - Rẽ Long Xuyên - Châu Đốc	4	x	2	Xây mới
139	Chợ Mới - Châu Thành (An Giang)	2	x	9	Xây mới
140	Cải tạo ĐD 220 kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	2	x	75	Cải tạo ĐD 1 mạch thành 2 mạch, nâng khả năng tải
141	Trần Đề - 500 kV Long Phú	2	x	24	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
142	Vĩnh Châu - Rẽ Long Phú - Sóc Trăng (mạch 2)	2	x	20	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Long Phú - Sóc Trăng
143	ĐG Sóc Trăng 4 - Vĩnh Châu (*)	2	x	5	Xây mới, đồng bộ ĐG Sóc Trăng 4, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
144	ĐG Phú Cường 1A, 1B - Vĩnh Châu (*)	2	x	22	Xây mới, đồng bộ ĐG Phú Cường 1A, 1B; phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
145	ĐG Bạc Liêu GD3 - Bạc Liêu (*)	2	x	18	Xây mới, đồng bộ ĐG Bạc Liêu GD3, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại QĐ số 209/QĐ-TTg ngày 09/02/2018
146	Đường dây 220 kV mạch kép đấu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD 220 kV ND Cà Mau - Sóc Trăng	2	x	5	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực; chuẩn xác tên công trình được duyệt trong Văn bản số 441/TTg-CN ngày 16/4/2020 “ĐD 220 kV mạch kép đấu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD ND Cà Mau - Bạc Liêu”
147	Hòa Bình - Rẽ Giá Rai - Bạc Liêu	2	x	13	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu) chuyển tiếp ĐD 220 kV Giá Rai - Bạc Liêu, giải tỏa nguồn điện khu vực
148	Hòa Bình đấu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV đấu nối ĐG Hòa Bình 5	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu), giải tỏa nguồn điện khu vực
149	Bạc Liêu 3 - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	30	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
150	500 kV Bạc Liêu - Rẽ Giá Rai - Hòa Bình	4	x	6	Xây mới, đồng bộ trạm 500 kV Bạc Liêu
151	500 kV Bạc Liêu - Hòa Bình	2	x	18	Xây mới, giải tỏa NLTT
152	Cà Mau - Năm Căn	2	x	58	Xây mới
153	Cà Mau 3 - Rẽ Cà Mau - Năm Căn	2	x	26	Xây mới, đồng bộ trạm 220 kV Cà Mau 3
154	Cụm ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau (*)	2	x	52	Xây mới, đồng bộ Cụm ĐG Cà Mau 1
155	500 kV Cà Mau - Rẽ Năm Căn - Cà Mau	4	x	8	Xây mới
156	500 kV Cà Mau - Rẽ ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau	4	x	8	Xây mới
157	NB 1 - Vũng Tàu (*)	2	x	3	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ.

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
					Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
158	NB 2 – Bến Tre 500kV (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
159	NB 3 - 500 kV Duyên Hải (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
160	Đầu nối TBA 220kV Phú Quốc	2	x	19	Xây mới ĐD 220kV từ TBA 220kV Phú Quốc đầu nối vào ĐD 220kV Kiên Bình - Phú Quốc hiện hữu, đồng bộ với TBA 220kV Phú Quốc
161	Ước tính khối lượng đầu nối các nguồn NLTT			500	Xây mới, giải tỏa NLTT
162	Dự phòng phát sinh ĐZ 220 kV cải tạo và xây mới			450	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Hồng Liêm - 500 kV Hồng Phong (*)	2	x	6	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
2	Đà Lạt - Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	30	Xây mới
3	Nâng khả năng tải Di Linh - Bảo Lộc	2	x	34	Cải tạo nâng khả năng tải
4	220 kV Ninh Thuận 1- 500 kV Ninh Thuận 1 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
5	220 kV Ninh Thuận 2 - 500 kV Ninh Thuận 1 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
6	220 kV Ninh Thuận 3 - 500 kV Ninh Thuận 2 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
7	Tân Châu 1 - Tân Biên (*)	2	x	16	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
8	Bến Cầu - 500 kV Tây Ninh 1	2	x	12	Xây mới
9	Hớn Quản - Rẽ Bình Long - Chơn Thành	2	x	4	Xây mới
10	220 kV Bình Phước 1 - 500 kV Lộc Ninh (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
11	220 kV Bình Phước 2 - 500 kV Lộc Ninh (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
12	TP Phú Mỹ - Rẽ Phú Mỹ - Bà Rịa	4	x	2	Cải tạo nâng khả năng tải
13	TP Phú Mỹ - Bắc Châu Đức 500 kV	2	x	30	Xây mới
14	Long Điền 500 kV - Vũng Tàu 2	2	x	13	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điền

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
15	Long Điền 500 kV - Rẽ TP Phú Mỹ - Vũng Tàu	2	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điền
16	Long Điền 500 kV - Phước Thuận (Đất Đỏ)	2	x	16	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điền
17	Vũng Tàu 2 - Vũng Tàu	2	x	9	Xây mới
18	Nâng khả năng tải TĐ Trĩ An - Sông Mây 500 kV	1	x	24	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo giải tỏa nguồn điện khu vực
19	Bình Chánh 2 - Rẽ Đức Hòa - Phú Lâm	4	x	2	Xây mới, kiến nghị thiết kế sơ đồ linh hoạt cho TBA 220 kV Bình Chánh 2
20	500 kV Đa Phước - Bình Chánh 2	2	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đa Phước. TBA 220 kV Bình Chánh 2 thiết kế sơ đồ linh hoạt
21	500 kV Đa Phước - Bình Chánh	2	x	9	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đa Phước, xem xét chuyển đầu nối TBA 220 kV Quận 8 về TBA 500 kV Phú Lâm.
22	500 kV Đa Phước - Đầm Sen	2	x	22	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đa Phước; xem xét vận hành tách thành cái trạm 220 kV Bà Quẹo để hạn chế dòng ngắn mạch
23	LNG Hiệp Phước giai đoạn 2 - Bình Chánh	2	x	13	Đồng bộ NMD LNG Hiệp Phước giai đoạn II
24	Hóc Môn 2 - Rẽ Cầu Bông - Bình Chánh 1	4	x	1	Xây mới
25	500 kV TP Thủ Đức - Rẽ Công nghệ cao - Quận 9	4	x	5	Xây mới
26	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Cát Lái - Thủ Đức	2	x	13	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ với TBA 500 kV TP Thủ Đức
27	500 kV TP Thủ Đức - Cát Lái chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Thủ Đức (tách liên kết Cát Lái - Thủ Đức)	2	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV TP Thủ Đức, chuyển đầu nối để hạn chế dòng ngắn mạch; lựa chọn tiết diện có khả năng tải phù hợp với ĐD 220 kV Cát Lái - Thủ Đức (sau cải tạo)
28	500 kV Bình Dương 2 đầu nối chuyển tiếp Bến Cát - Bến Cát 2 và Chơn Thành - Bến Cát 2	4	x	12	Xây mới, đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Dương 2
29	500 kV Bình Dương 2 - Rẽ Bến Cát - Tân Định 2	4	x	16	Xây mới, đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Dương 2
30	Bến Cát 3 - Rẽ Bến Cát 2 - Bình Dương 2 500 kV	4	x	4	Xây mới
31	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Uyên Hưng - Tân Định 500 kV	2	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải
32	Bàu Bàng đầu nối chuyển tiếp Chơn Thành - Bến Cát và Chơn Thành - 500 kV Bình Dương 2	4	x	1	Xây mới, trường hợp TBA 500 kV Bình Dương 2 vào chậm sau trạm 220 kV Bàu Bàng thì tên công trình đầu nối là "Bàu Bàng - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát và Chơn Thành - Bến Cát 2"
33	KCN Long Thành 2 - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	1	Xây mới
34	Cần Giuộc - Rẽ 500 kV Long An - Nam Hiệp Phước	4	x	3	Xây mới
35	500 kV Long An 2 - Rẽ Long An - Tân Phước	4	x	10	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
36	500 kV Tiền Giang - Rẽ Vĩnh Long - Sa Đéc	4	x	15	Xây mới
37	500 kV Tiền Giang - Rẽ Cai Lậy - Cao Lãnh	4	x	4	Xây mới
38	500 kV Bến Tre - Ba Tri	2	x	16	Xây mới, giải tỏa NLTT
39	500 kV Đồng Tháp - Rẽ Hồng Ngự - Lấp Vò	4	x	12	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Đồng Tháp
40	500 kV An Giang - Rẽ Kiên Bình - Rạch Giá	2	x	26	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV An Giang
41	500 kV An Giang - Châu Thành (An Giang)	4	x	28	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV An Giang
42	500 kV An Giang - Rẽ Châu Đốc - Kiên Bình	4	x	40	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV An Giang
43	Vị Thanh - Rẽ Ô Môn - ND Cà Mau	4	x	12	Xây mới
44	Vĩnh Quang - Rẽ Rạch Giá - Kiên Bình	2	x	1	Xây mới
45	Bạc Liêu 4 - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
46	Sóc Trăng - 500 kV Long Phú	2	x	35	Xây mới, giải tỏa NLTT
47	Nâng khả năng tải Sóc Trăng - Châu Thành (Hậu Giang)	2	x	50	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa NLTT
48	Nâng khả năng tải Bạc Liêu - Sóc Trăng	2	x	42	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa NLTT
49	Cà Mau 4 - Rẽ ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau	2	x	7	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
50	Ước tính khối lượng đấu nối các nguồn NLTT			500	Xây mới, giải tỏa NLTT
51	Dự phòng phát sinh ĐZ 220 kV cải tạo và xây mới			500	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

Ghi chú:**1. Đối với trạm biến áp**

- Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình chuẩn bị dự án của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp nâng sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện.

(*) Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình chuẩn bị dự án, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

2. Đối với đường dây

- Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

(*) Tiến độ, quy mô của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình chuẩn bị dự án, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

3. Đối với đấu nối nguồn năng lượng tái tạo

Phương án đấu nối chi tiết của các dự án năng lượng tái tạo cần được xem xét kỹ lưỡng trong quá trình triển khai, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế (nếu cần), đảm bảo hiệu quả kinh tế và các tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành.